



Concevoir un site comme celui-ci avec WordPress.com

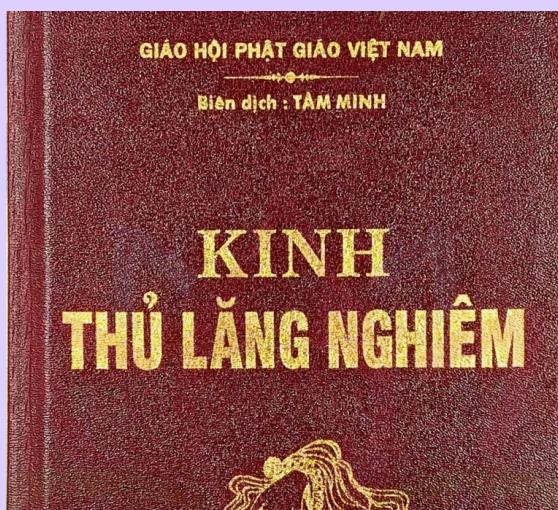
[Commencer](#)

Hòa Thượng Thích Duy Lực



KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – THÍCH DUY LỰC

KINH LĂNG NGHIÊM



Confidentialité & Cookies : Ce site utilise des cookies. En continuant à utiliser ce site, vous acceptez leur utilisation.

Pour en savoir davantage, y compris comment contrôler les cookies, voir : [Politique relative aux cookies](#)

[Fermer et accepter](#)



[Kinh thủ lăng nghiêm PDF – Thiền Sư Duy Lực](#)

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM - GIẢNG GIẢI

▶ 0:00 / 9:42:53 ━━━━━━ 🔍 ⋮

▶ 0:00 / 8:31:35 ━━━━━━ 🔍 ⋮

1. → [Download MP3](#)

KINH LANG NGHIEM GIANG GIAI

KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT



GIẢNG GIẢI KINH KIM CANG

KINH KIM CANG GIẢNG GIẢI

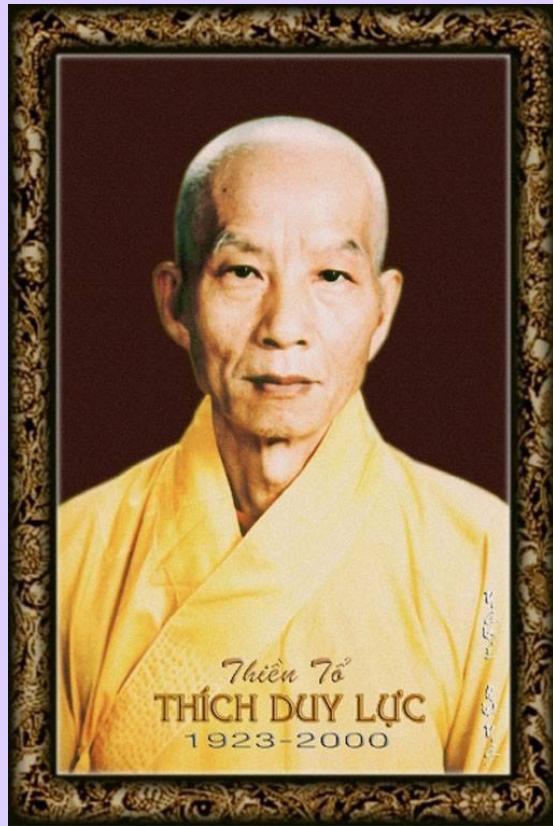
▶ 0:00 / 47:55 ━━━━━━ 🔍 ⋮

→ [Download MP3](#)

▶ 0:00 / 4:32:09



[→ Download MP3](#)



THÍCH DUY LỰC NGŨ LỰC

[Duy Lực Ngũ Lực - Quyền Thượng P1.mp3](#)

▶ 0:00 / 3:44:57



[Hòa Thượng Thích Duy Lực Ngũ Lực - Quyền Thượng P2 .mp3](#)

▶ 0:00 / 3:35:35



[Thiền Sư Thích Duy Lực Ngũ Lực - Quyền Hạ P1 .mp3](#)

▶ 0:00 / 3:41:15



[Thích Duy Lực Ngũ Lực - Quyền Hạ P2.mp3](#)

▶ 0:00 / 3:04:27



[Lâm Té ngũ lục Đường lối thực hành Tô Sư Thiền.mp3](#)

▶ 0:00 / 1:49:45 ━━━━━━ 🔍 ⋮

Mộng Du Tập - Hám Sơn Đại Sư p1.mp3

▶ 0:00 / 2:55:09 ━━━━━━ 🔍 ⋮

Mộng Du Tập - Hám Sơn Đại Sư p2.mp3

▶ 0:00 / 3:07:02 ━━━━━━ 🔍 ⋮

Truyền Tâm Pháp Yếu - Hoàng Bá Đại Sư - Dịch_ Thiền Sư Duy Lực.mp3

▶ 0:00 / 1:31:41 ━━━━━━ 🔍 ⋮

- <https://archive.org/details/HoaThuongThichDuyLuc>

THIỀN SƯ DUY LỰC PHÁP NGỮ .MP3



KINH THỦ LĂNG NGHIÊM GIÀNG GIẢI

Kinh Lăng Già giải nghĩa

Bát Nhã Tâm Kinh Giải Nghĩa

Cội Nguồn Truyền Thừa

Kinh Thủ Lăng Nghiêm giải nghĩa

Thiền sư Thích Duy Lực giải đáp Tịnh Độ

Bá Trưởng Ngữ Lực

Triệu Luận Lược Giải

[Kinh Pháp Bảo Đàn](#)

[Bá Trương Quang Lục](#)

[Kinh Lăng Già](#)

[Bửu Tạng Luận](#)

[Danh Từ Thiền Học Chú Giải](#)

[Khai Thị Cuối Cùng Tại Việt Nam](#)

[Cội Nguồn Truyền Thừa Và Phương Pháp Tu Trì Của Thiền Tông](#)

[Tham Thiền Phổ Thuyết](#)

[Hòa Thượng Thích Duy Lực \(1923-2000\)](#)

[Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải](#)

[Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh Lược Giải](#)

[Đại Thừa Tuyệt Đối Luận](#)

[Trung Phong Pháp Ngũ](#)

[Thien_Su_Duy_Luc.zip \(1.9G\)](#)

[BOTHIPHAP.BLOGSPOT.COM](#)

[tham thiền phổ thuyết pdf](#)

[góp nhặt lời phật tổ và thánh hiền .pdf](#)

[đường lối thực hành tham tổ sư thiền .pdf](#)

[đại thừa tuyệt đối luận pdf](#)

[lược giảng kinh kim cang .pdf](#)

[kinh thủ lăng nghiêm pdf](#)

[kinh lăng già ht. thích duy lực .pdf](#)

[triệu luận lược giải pdf](#)

[danh từ thiền học thiền sư duy lực .pdf](#)

[Thiền sư Thích Duy Lực giải đáp Giới luật trong Phật giáo](#)

Đọc Và Xem Kinh Phật Dạng PDF

Theo giới luật thì tu pháp môn nào cũng phải có giới luật, nửa tháng Bồ tát một lần. Bồ tát không phải chỉ tụng giới, trước khi tụng phải kiêm thảo, tự kiểm thảo mìn trong nửa tháng nay có phạm giới không? Nếu có, phải ra sám hối trước đại chúng.

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Chẳng những thân không phạm, luôn cả cái 'không phạm' cũng không còn", tức thân tâm đều dứt, luôn cả cái dứt cũng không có, như thế đối với vô thượng bồ đề mới có hy vọng.

Hỏi: Thế nào là ngũ giới của cư sĩ tại gia?

Đáp: Giới thứ nhất là sát sinh, thứ nhì là trộm cắp, thứ ba là tà dâm, thứ tư là vọng ngữ, thứ năm là uống rượu.

- Giới thứ nhất cấm sát sinh: Đã muôn thọ giới của Phật thì trước tiên là cấm sát sinh, bất cứ sinh vật gì thuộc hữu tình đều cấm giết hại.

- Giới thứ nhì cấm trộm cắp: Đồ vật của cải người khác, nếu muốn lấy sử dụng phải được sự đồng ý của chủ nó, nếu không được sự đồng ý mà lén lấy thì gọi là trộm cắp. Dĩ nhiên các đồ vật trong gia đình giữa cha mẹ anh em thường dùng qua lại lẫn nhau là không phạm, nhưng vái nào cũng có sự giới hạn, ví như con cái ăn cắp tiền của cha mẹ cũng phạm giới trộm cắp.

- Giới thứ ba cấm tà dâm: Thế nào là tà dâm? Người tại gia thường có gia đình, quan hệ vợ chồng chính thức là chính dâm, ngoài vợ chồng chính thức ra đều thuộc tà dâm, phải cấm, còn người xuất gia thì chính dâm, tà dâm đều cấm.

- Giới thứ tư cấm vọng ngữ, gồm bốn thứ: Vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt. Vọng ngôn là nói dối, tức nói có thành không, nói không thành có; Ý ngữ là lời nói thêu dệt; Ác khẩu là chửi mắng người khác; Lưỡng thiệt là thị phi hai đầu, làm cho hai bên bất hòa, khiến thù oán nhau, cũng thuộc về vọng.





Thiền sư Thích Duy Lực

- Giới thứ năm cấm uống rượu: Đáng lẽ uống rượu chẳng có hại, nhưng vì uống rượu rồi có thể phạm phải bốn giới trước nên cấm. Giới nhà Phật có Khai, Giá, Trì, Phạm, ví như mình có bệnh, thầy thuốc nói phải dùng thuốc rượu, tự mình công khai nói ra là có thể uống rượu. Lại nữa, có trường hợp vì không biết đó là rượu mà uống phải thì chẳng phạm; hoặc trong lúc nấu nướng cần bỏ rượu vào để chế biến cũng chẳng phạm.

Ngoài ra, một số thực phẩm có men rượu nhưng ăn vào không bị say như cơm rượu cũng dùng được.

Ngũ giới này của cư sĩ tại gia, đã thọ rồi phải suốt đời giữ theo giới, nếu sơ ý phạm phải thì sám hối với một người cư sĩ đã thọ ngũ giới rằng: "Xin ông hãy chứng minh cho tôi đã lỡ phạm giới này, từ nay về sau tôi không dám phạm nữa". Vậy là hết tội phá giới, còn tội nhân quả thì chẳng thể sám hối được, giết một mạng phải trả một mạng, ăn cục thịt trả cục thịt.

Có người nói: "Thế thì chẳng thà không thọ giới, không phải mắc đến hai tội, vừa tội nhân quả vừa tội phá giới; nếu không thọ giới thì mắc một tội nhân quả mà thôi". Sự thật là nếu không thọ giới thì hay phạm nhiều tội nhân quả, mắc nợ nhiều; còn thọ giới rồi sẽ cảm nhận hơn, ít phạm tội nhân quả, ít mắc nợ, cho nên có thọ giới vẫn tốt hơn.

Hỏi: Khi nào mới có thể thọ giới Bồ tát?

Đáp: Muốn thọ giới Bồ tát phải hành theo hạnh Bồ tát, tám chữ:

"Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành-諸惡莫作眾善奉行" là đạo Bồ tát, tất cả ác không làm tức chỉ trì, tất cả thiện đều phải làm, nếu cảm thấy có thể hành theo thì thọ giới Bồ tát được.

Theo giới Bồ tát, trước khi thọ phải nghe giảng các điều giới, nếu cảm thấy đủ sức thực hành được mới thọ, hễ thấy tự mình còn chưa thể làm được thì đừng thọ, vì giới Bồ tát phải hy sinh mình đi cứu giúp người khác, thọ xong là phải giữ, chứ thọ mà không giữ được giới tức phạm giới, tội còn nhiều hơn. Cho nên, các giới khác không cho nghe trước, riêng giới Bồ tát là phải nghe trước.

Hỏi: Tại sao lại có chỗ nói là chưa thọ giới thì không được học giới, học như vậy là phạm luật?

Đáp: Đó là nói về giới Tỳ kheo và Tỳ kheo ni của hàng xuất gia: Người thọ giới Tỳ kheo ni mới được học giới và xem giới Tỳ kheo ni, nếu chưa thọ thì không được xem. Tại sao? Ý của Phật muốn cho người ta không phi báng Tam Bảo, nếu biết giới của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni rồi, thấy người ta phạm giới, hễ nói là không được. Theo giới Bồ tát, không được nói lối của tú

chúng, nói là phạm.

Chẳng những như thế, Tỳ kheo thì được xem giới luật Tỳ kheo ni, phải thông suốt giới luật Tỳ kheo ni, còn Tỳ kheo ni chỉ được thông suốt giới Tỳ kheo ni, không được biết giới Tỳ kheo? Tại sao Tỳ kheo phải thông suốt giới luật Tỳ kheo ni? Vì theo pháp Bát kỉnh, Tỳ kheo ni mỗi nửa tháng phải mời hai vị Tỳ kheo đến chùa ni dạy Tỳ kheo ni, nên phải thông suốt giới luật. Lại nữa, trong pháp Bát kỉnh, Tỳ kheo có thể cử tội tỳ kheo, nhưng Tỳ kheo ni không được cử tội Tỳ kheo, nên Tỳ kheo ni không được biết giới của Tỳ kheo.

Hỏi: Tham Thiền có cần tụng giới không?

Đáp: Theo giới luật thì tu pháp môn nào cũng phải có giới luật, nửa tháng Bồ tát một lần. Bồ tát không phải chỉ tụng giới, trước khi tụng phải kiêm thảo, tự kiểm thảo minh trong nửa tháng nay có phạm giới không? Nếu có, phải ra sám hối trước đại chúng. Sám hối xong, tội phạm giới mới sạch, mới có tư cách nghe tụng giới (Bồ tát có nghĩa là nuôi lớn và duy trì).

Do ý nghĩa này, Hán dịch là trưởng tịnh, tức nuôi lớn sự thanh tịnh hay duy trì các thiện pháp. Vậy Bồ Tát là ngày định kỳ thuyết giới, cùng nhắc nhở nhau về giới pháp để tu hành nhằm nuôi lớn các thiện pháp, khiến chúng trưởng thành trong sự thanh tịnh, hầu duy trì và phát triển sinh mệnh của Tăng đoàn trong tinh thần hòa hợp).

Nếu người phạm giới không tự ra sám hối trước đại chúng, thì người ở chung phải ra cử tội, nếu không ra cử tội, sau này bị phát hiện thì người phạm và người không cử tội sẽ bị cùng một tội vì che giấu. Hồi xưa, Bồ tát truyền giới cho cả Sa-di và Bồ-tát, sau này mới lập riêng giới đàn. Cho nên, Bồ tát không có nghĩa là chỉ tụng giới mà thôi.

Hỏi: Tu sĩ phạm tội Ba-la-di có thể sám hối được không?

Đáp: Sau khi phạm tội Ba la di, phải trong nửa tiếng báo cáo Tăng đoàn, Tăng đoàn mới hứa khả cho sám hối, nhưng chưa phải như thế là nhất định được sám hối. Vì theo pháp Yết-ma, muốn sám hối tội Ba-la-di phải hai mươi vị Tỳ-kheo, người xin sám hối phải săn sóc hai mươi vị đó trong nửa tháng, về cuộc sống hằng ngày cho đầy đủ.

Nếu hai mươi vị đều cảm thấy người đó thành tâm muốn sám hối, đồng ý cho sám hối thì mới thành lập được; nếu trong đó có một vị không đồng ý, cũng chẳng thể tổ chức sám hối.

Hỏi: Sở dĩ Đức Phật chế định giới luật cũng là căn cứ theo luật pháp nhà nước, ví như giới Ba-la-di, cũng bằng như luật tử hình của nhà nước, phải không?

Đáp: Phật tử vi phạm luật pháp của nhà nước, tức vi phạm giới luật của nhà Phật, đó là do Đức Phật muốn sự hoằng pháp đến nước nào cũng được hoan nghênh. Tỳ-kheo có bốn giới Ba-la-di và Tỳ-kheo-ni có tám.

Tội Ba-la-di, cũng bằng tội tử hình của nhà nước, nhưng tội tử hình của nhà nước có xử tử thật, còn tử hình bên nhà Phật chỉ là kiếp này không được làm Tỳ-kheo nữa, coi như vị Tỳ-kheo đó đã chết. Nếu xin sám hối mà được chấp nhận, chỉ giữ được Sa-di, nếu sám hối không được, thì luôn cả Sa-di cũng không còn, phải đợi kiếp sau bắt đầu lại.

Hỏi: Theo Giới luật, tội Ba-la-di là tội tú khí, bị vứt bỏ ra ngoài Phật pháp, nhưng con còn nghi điều này: Trên danh nghĩa, tội Ba-la-di của Tỳ-kheo là có làm rồi mới phạm, còn về giới Bồ tát, tội Ba-la-di khi khởi niêm là đã có tội.

Vậy xin thưa Sư phụ, chỗ làm có khác, nhưng chỗ thọ tội báo có đồng hay không? Nếu khác thì danh nghĩa phải khác; nếu đồng thì chắc chúng con không thể lanh thọ nỗi giới Bồ tát?

Đáp: Ngũ giới của cư sĩ, mười giới của Sa-di, đến 250 giới của tỳ-kheo, 348 giới của tỳ-kheo-ni, tất cả đều là giới Thanh văn, còn giới Bồ tát là giới Đại thừa. Đức Phật chế ra giới Thanh văn để kèm chế cho thân chẳng phạm rồi mới đến tâm chẳng phạm.

Giới Tiêu thừa gọi là Tác phạm, tức có làm mới phạm; giới Đại thừa gồm hai phần: có phần thì tác là phạm, có phần thì chẳng tác là phạm; (tức cần phải làm, không làm thì phạm), gọi là chỉ trì và tác trì. Ví dụ muốn ăn cắp cái tách này, theo Tiêu thừa thì: tay đã chạm vào cái tách, thấy có người đến bèn rút tay lại, chưa phạm. Nếu cầm cái tách lên rồi chỗ cũ rồi mới phạm. Còn giới Bồ tát Đại thừa thì ngay khi khởi tâm muốn ăn cắp là đã phạm rồi, nên gọi là giới tâm địa.

Tất cả Phật pháp đều nói về tâm, gọi là nhất thiết duy tâm tạo, tâm minh khắp không gian thời gian, nay tôi đề cử một sự thật: Dân số ở nước Mỹ gần 3 tỷ, mỗi công dân đều có một thẻ an sinh xã hội, kể cả tôi, dù tôi chưa phải thuộc quốc tịch Mỹ. Tất cả công dân đều có hồ sơ lý lịch trên máy vi tính, khi bị phạt vi cảnh, lý do bị phạt được ghi nhận vào đó, nếu người bị phạt chưa nộp tiền phạt cũng được ghi nhận vào đó, kể cả những giấy phạt do tòa án gởi đến bao nhiêu lần, thời gian nào v.v...

Đều ghi vào hồ sơ. Khi muốn xin việc làm, các công ty đều dựa trên hồ sơ lý lịch để đánh giá, dù chỉ vi phạm một lỗi lầm nhỏ hoặc thiếu nợ mười đồng cũng không được nhận việc làm... Trên đây chỉ là một ví dụ về những máy móc do sức tâm kỳ diệu của con người chế tạo ra, đó chỉ là một phần thật nhỏ của sức tâm mà thôi.

Vì nay chúng ta còn chưa tin tự tâm của mình có đủ thứ năng lực, lại hướng ngoại tìm cầu để cho tâm thân này được sung sướng, lo cho gia đình vợ con v.v ... Nhưng sự thật Thiền sư Lai Quả có bài "Cứu tâm", tôi đã dịch trong cuốn Góp Nhặt Lời Phật Tổ và Thánh Hiền. Nói đến cứu tâm: thân này làm tội, đến chết rồi cái thân cũng mất, Diêm Vương buộc tội là buộc cái tâm. Thân này làm, mà tâm cứ lo cho thân, cuối cùng khiến tâm bị liên lụy, làm oan cho tâm, nên phải cứu tâm của mình.

Đức Phật chế ra giới luật là để chúng ta tập dần từ 5 giới, 10 giới, đến 250 giới, từ chỗ thân chẳng phạm, dần đến tâm cũng chẳng phạm, gọi là Tam đan Đại giới: Tiêu thừa, Đại thừa truyền một lượt, thọ giới Sa-di rồi thọ luôn giới Tỳ-kheo, giới Bồ tát.

Ở Trung Quốc, một giới đan kéo dài năm mươi ba ngày; sau khi thọ giới Sa-di, phải có thời gian tu tập cho quen, rồi mới thọ giới Tỳ-kheo. 250 giới, giảng từng điều một cho thật rõ, chẳng những giảng thật kỹ, về 100 điều oai nghi, về cách ăn uống, từ tư thế cầm chén, đũa, cho đến khi ăn quá đường, muốn uống nước đầy chén hay phân nửa, phải ra dấu như thế nào...

Cả mấy trăm người cùng ăn chǎng phát ra một tiếng động; cho đến đi tiêu tiểu, tư thế nằm nghỉ v.v... oai nghi đi đứng nằm ngồi đều dày kỹ càng. Sở dĩ tǐ mỉ như thế là vì tập khí con người rất sâu, phải sửa dần từ giới Tiêu thura đến giới Đại thura.

Thời nay chia làm giới tiệm lập và đốn lập: 5 giới, 10 giới, 250 giới, đến 348 giới thuộc giới tiệm, muốn thọ 10 giới phải qua 5 giới, muốn thọ 250 giới phải qua 10 giới, từng bước tiến lên không được vượt bậc. Còn đốn lập là thỉnh lình; như Bát quan trai và giới Bồ tát, khỏi cần qua các giới.

Ví dụ cư sĩ có thể thọ giới Bồ tát, người chưa qui y cũng có thể thọ Bát quan trai. Mặc dù nói chưa Quy y, nhưng bất cứ thọ giới gì cũng có qua Tam Quy y. Cho nên những giới luật đó Phật chế ra rất tǐ mỉ, mặc dù tên gọi dù thử sai biệt, nhưng ý vốn chǎng khác, tất cả đều muốn đổi trị bệnh của tâm chúng ta. Khi bệnh của tâm hết thì bệnh của thân cũng hết luôn.

Hỏi: Như trong giới luật, khi phạm các điều như Tăng tàn, Xã đọa và Bách chúng học, phải hội đủ 20 vị Tăng để tác pháp Yết ma cử tội, nếu không đủ thì chǎng thể giải tội được.

Như vậy, đối với chúng con tập khí cần thô, những điều này luôn luôn tái phạm, đời nay thì không có nhân duyên, không có phương tiện, cũng như không có Tăng đoàn hòa hợp để giải pháp cử tội, vậy chúng con có thể tâm sám được không?

Đáp: Có thể được. Cũng như ba cấp trì giới; Nửa tháng Bồ-tát là cấp phỗ thông, cấp thứ nhì là Thiền giới, cũng gọi Định cộng giới, có thiền định túc là giới. Cấp thứ ba là Lậu tận giới, túc đã chứng quả, tập khí dứt sạch, tự nhiên chǎng phạm, thì không cần giữ giới đã là giới rồi.

Người đắc đạo gọi là Đạo cộng giới, cũng như hành giả tham thiền, nếu giữ được nghi tình không mất thì chǎng có phạm.

Đối với vấn đề sám hối, bởi do tâm tạo thì phải tâm sám, như bài kệ:

罪從心起將心懺 心若滅時罪亦亡 心滅罪亡兩具空 是則名為真懺悔

Tội tùng tâm khởi tương tâm sám Tâm nhược diệt thời tội diệc vong Tôi vong tâm diệt luồng câu không Thị tắc danh vi chân sám hối.

Bởi tội do tâm tạo, nay muốn sám phải sám hối cái tâm, tâm đã diệt rồi thì tội cũng không, tâm diệt tội không cả hai đều chǎng còn nữa, ấy mới gọi là chơn sám hối. Do đó, nếu sám hối theo bài kệ này cũng được.

Hỏi: Trong hành giả tham Thiền, nhiều vị cho rằng tham thiền chǎng cần học giới luật, nhưng con tự xét bản thân, từ khi thọ giới đến nay chưa dự pháp hội nào giảng về luật, đối với danh chủng tánh tướng khai giá trị phạm của giới luật con chǎng thông suốt.

Đáp: Nói khỏi học giới luật là không đúng, Thiền sư Bác Sơn đã kiến tánh còn đi thọ giới Tỳ-kheo, làm sao nói là "không học giới luật" được! Bất cứ pháp môn nào đều phải lấy giới luật làm căn bản, Phật Giáo tồn tại nơi

thế gian là do giới luật, nếu không có giới luật thì Phật pháp không còn ở thế gian, thì cũng như người đời vậy thôi. Nhưng nếu người quyết tử tham Thiền thì tự nhiên hợp với giới luật, vì tất cả đều ở trong tâm mình.

Tôi đã từng nói chia sẻ về giới luật với Hòa thượng Luật sư Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Kim Cương v.v... Bởi do tôi nói thông suốt về giới luật, quý vị cứ tưởng là luật sư. Thật sự tôi chưa từng nghiên cứu luật, tôi chỉ thực hành theo tham thiền thôi. Nhưng tất cả giới luật đâu phải ở ngoài tâm, nên nói hễ tâm thông thì thuyết thông, tất cả đều thông, vì tâm sẵn đủ tất cả, đều khắp không gian.

Về tội Ba-la-di bằng như tội từ hình, còn Tăng tàn, tàn có nghĩa là tàn phế chưa phải chết, thuộc tội thứ nhì còn giữ được Tỳ-kheo. Người phạm tội Ba-la-di lẽ ra không được sám hối, nhưng nếu trong nửa giờ đồng hồ lập tức báo cáo Tăng đoàn thì Tăng đoàn mới có thể chấp thuận. Nếu quá nửa giờ thì không được sám hối.

Hỏi: Luật pháp Nhà nước thời nay có nhiều châm chước chuyên gián, vậy giới luật nhà Phật có thể ứng dụng như thế nào để phù hợp theo thời đại không?

Đáp: Giới luật nhà Phật cũng có phần linh động, nhưng thuộc về phần Giá giới, còn về Tính giới thì không được.

Về tánh giới, nếu đã phạm thì có tội phá giới, nếu chưa thọ giới cũng phải có tội nhân quả. Tội phá giới thì sám hối có thể hết, ví như tội phá giới Ba-la-di phải đọa địa ngục chín triệu năm, hễ sám hối là hết, còn tội nhân quả thì không thể sám hối được, nhân nào quả này.

Có người nói "Vậy thì không thọ giới tốt hơn, chỉ phải chịu tội nhân quả, khỏi bị hai lớp tội". Sự thật, người có thọ giới phải để ý về vấn đề giữ giới, nên tội nhân quả cũng ít, người không thọ giới hằng ngày cứ theo thói quen mà làm, dễ phạm phải tội nhân quả.

Hỏi: Trong bốn tội Ba-la-di, trường hợp tú chúng biết được người ấy phạm tội, báo lên vị trụ trì, trụ trì không cử tội thì tú chúng có lỗi không?

Đáp: Nay giờ đâu có Tăng đoàn để cử tội? Lại nữa, trong Phật pháp rất linh động, cái nào cần cử tội mới cử tội, những việc không cần cử tội, chỉ cho trách tâm sám. Đức Phật Hoằng dương Phật pháp, muốn cho thiên hạ đều tôn trọng Phật giáo, tôn trọng tăng ni, Phật tử chơn chánh hoặc thọ ngũ giới hay Bồ-tát giới.

Cho nên, giới Bồ-tát không cho nói lỗi của Tứ chúng; Tỳ-kheo-ni nói lỗi của người khác cũng phạm tội Ba-la-di. Lại nữa, đối với những người trong Phật giáo hoằng pháp rộng, nhiều người biết tên tuổi, thì trong giới luật không cho cử tội. Tại sao? Vì sợ ảnh hưởng uy tín của Phật giáo. Mặc dù không cho cử tội, nhưng nếu họ phạm Ba-la-di, tội địa ngục phải chín triệu năm chứ không bớt được.

Hỏi: Như hiện giờ một vị có tội, chúng đã phát hiện, người đó chẳng những không sám hối, vẫn sống bình thường như người không phạm, vẫn đắp áo Cà sa, vậy là thế nào?

Đáp: Trong giới luật có hơn 130 thứ Yết-ma, pháp Yết-ma của Phật giáo rất kỹ, mỗi thứ Yết-ma làm về việc gì, phải có bao nhiêu người, hai mươi người, mươi người, năm người hoặc hai người... Hai người gọi là: "Đôi thứ Yết-ma", tức không có ai ngoài hai người đó biết. Yết-ma xử tội, phải thấy, nghe hoặc nghi, rồi phải có bằng chứng, bằng chứng có thể mời một nữ cư sĩ ra làm chứng. Mà cư sĩ đó phải được Tăng đoàn mời, nếu không được mời mà tự ra làm chứng là phạm giới.

Nay không có Tăng đoàn, không có Yết-ma để xử tội, thì làm sao phán đoán là người ấy có tội? Còn những người phạm thượng, tự đã có tội trước, lại công khai nói tội của người khác, là phạm giới. Vì giới Bồ-tát không cho nói lỗi của tú chúng. Nếu muốn nói cũng được, nhưng chỉ có hai người, không có người thứ ba, rồi mình khuyên người đó.



Hỏi: Nếu bằng chứng đã có, hai người đã khuyên với nhau, nhưng người ấy vẫn không sửa đổi?

Đáp: Ai xử cho người đó có tội? Người ta phải tổ chức Yết-ma rồi xử tội, hoặc trong lúc bố-tát, báo cáo với vị chủ tịch được chúng cử ra để xử tội, đâu phải người nhỏ xử tội người lớn được! Nhỏ mà nói lỗi của người lớn, tự mình còn có lỗi nữa!

Tại sao giới luật của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni không cho người chưa thọ giới nghe và xem? Sa-di, Thức-xoa không được nghe và xem giới Tỳ-kheo-ni, nhưng Tỳ-kheo phải biết giới của Tỳ-kheo-ni. Vì trong giới luật có ghi về pháp Bát kinh của Tỳ-kheo-ni, mỗi nửa tháng phải mời Tỳ-kheo đến dạy, cho nên, Tỳ-kheo phải thông suốt giới luật của Tỳ-kheo-ni.

Chưa thọ giới Tỳ-kheo không được xem giới Tỳ-kheo, vì sợ khi biết rồi phi báng Tỳ-kheo, cho Tỳ-kheo này là phạm giới, là tự mình tạo tội. Tỳ-kheo phạm giới tự phải chịu tội, bởi vì người nào cũng có sai sót. Có phạm, phạm rồi có sám hối, hễ sám hối là hết tội phá giới. Nếu người chưa thọ giới nói lên lỗi đó, chẳng những làm mất uy tín của Phật Giáo, lại phạm tội nói lỗi tú chúng. Nay có nhiều người tự ý thông minh lanh lợi, phi

bóng người cao hơn, ấy là tự tạo lỗi vậy.

Hỏi: Tại các chùa có từ bốn vị Tỳ-kheo trở lên, phải tác pháp Yết-ma, ấn định cương giới, sau đó làm Phật sự mới đúng pháp, phải không?

Đáp: Phải. Theo pháp Yết-ma trong giới luật ấn định, bất cứ cái gì, đều phải qua pháp Yết-ma. Nhưng nay ở Việt nam, chỉ có truyền giới hoặc bố-tát, kiết Hạ mới qua Yết-ma, những Yết-ma của bố-tát cũng không đủ, chỉ là tụng giới.

Hỏi: Tại sao Tăng độ Ni chúng lại có lỗi?

Đáp: Đức Phật đã quy định, đáng lẽ Tăng với Ni không được ở chung một chùa mà phải cách nhau khoảng nửa cây số, nhưng lại không thể cách xa quá, vì mỗi nửa tháng bên ni phải mời hai vị Tỳ-kheo tăng đến giảng dạy cho Tỳ-kheo-ni. Cho nên xa quá không được, gần quá cũng không được.

Mà bốn sư xuống tóc gọi là thân giáo sư, chẳng những trong Phật giáo, ngay cả Nho giáo cũng có câu “Nam nữ thọ thọ bất thân”, nên làm sao có thể thân giáo? Lại nữa, xuống tóc cho một người rồi phải có trách nhiệm dạy cho thông suốt Phật pháp và Giới luật, Tỳ-kheo phải thông suốt hai bộ giới luật Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, còn Tỳ-kheo-ni phải thông suốt giới luật Tỳ-kheo-ni. Xuất gia rồi phải theo bốn sư học mười năm về tất cả Phật pháp và giới luật, mãn mười năm mới có thể xa rời thầy, đi làm thầy cho người khác, gọi là Hòa Thượng.

Ở Việt nam, danh xưng Hòa Thượng là cao nhất, còn ở Trung Quốc, xuất gia trên mười năm gọi là Hòa thượng, trên hai mươi năm gọi là Thượng tọa, lại nữa, Đại đức cũng chẳng phải là thấp, trong Kinh, hàng Bồ tát như Văn Thủ Sư Lợi cũng xưng là Đại đức, gọi Phật Thích Ca cũng là Đại đức.

Hỏi: Tại sao Phật giáo Tiều thừa không cho nữ giới thọ Tỳ-kheo?

Đáp: Các nước Phật giáo Tiều thừa như Thái Lan, Campuchia, Tích Lan, Lào không cho nữ giới xuất gia, ngoài ra họ còn chấp rằng người nữ chỉ có thể chứng đến Tam quả A-na-hàm, chứ không chứng đến A-la-hán. Chỉ có bên Đại thừa mới cho nữ giới xuất gia.

Hỏi: Như thế có trái với ý Phật không?

Đáp: Ý Phật là muốn tất cả chúng sinh đều thành Phật, nhưng vì căn cơ của Tiều thừa không tin pháp Đại thừa. Ví như khi Phật sắp thuyết Kinh Pháp Hoa thì trong hội có năm ngàn người bỏ đi không muốn nghe, ấy là vì căn cơ chưa đến mức, nhưng chẳng phải vĩnh viễn, khi nhân duyên chín mùi rồi họ cũng sẽ tiến lên Đại thừa.

Những người chứng quả A-la-hán thì cho quả Niết bàn đã là cùng tột, Đức Phật nói đó chỉ là nửa đường, là Hóa thành chứ không phải Bảo sở, nhưng họ vẫn chẳng tin. Phật nói đó là do say rượu Niết bàn, phải đợi khi tỉnh rượu rồi mới có thể rời bỏ A-la-hán.

Trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật nói chính áó mình có hạt châu như ý lại không biết đem ra xài, cứ cho mình là nghèo khổ phải đi ăn xin khắp các nơi, tức đi khắp lục đạo luân hồi. Một thí dụ khác là ví như người cha thì giàu sang, muốn trao toàn bộ gia tài cho con, nhưng đứa con lại chẳng

chịu nhận, cứ cho mình là kẻ nghèo khổ, trải qua hai mươi năm làm việc cực khổ mới chịu thừa nhận, đó là dù cho Tiểu thừa.

Hỏi: Phạm tội trộm Ba-la-di đối với xã hội hiện tại, pháp luật nhà nước xử như thế nào?

Đáp: Thời nay khác với thời xưa; xưa kia trộm cắp 5 chỉ là bị tử hình, thời nay trộm cắp 5 lượng vẫn không bị. Tử hình trong Phật Giáo không phải bị xử tử, chỉ đuổi ra khỏi Tăng đoàn không thừa nhận là tu sĩ nữa. Nếu thông qua sự sám hối, còn được nhận là Sa-di, nhưng thân phận Tỳ-kheo đã hết. Thời nay nếu chiếu theo khoản tiền nhiều hay ít thì chẳng có tiêu chuẩn nào, nhưng hễ phạm vào tội trộm cắp là tội Ba-la-di.

Hỏi: Có một vị Sa-di chê một vị Tỳ-kheo tiếng tụng kinh như chó sủa, đã sám hối rồi sao lại phải đoạ thân chó năm trăm kiếp?

Đáp: Tại phỉ báng vị Tỳ-kheo tụng kinh như chó sủa, nên phải đầu thai thành con chó sủa. Vị Tỳ-kheo đó là người có tu hành chứng quả mà vị Sa-di kia không biết. Nay người cư sĩ tại gia mà phỉ báng một tu sĩ phàm phu phái giới, cũng còn có tội nặng hơn phỉ báng một người đời. Lại nữa, nếu người bị phỉ báng hạnh tu cao chừng nào thì tội của người phỉ báng nặng chừng này.

Cũng như bố thí, trong Kinh Bốn Mươi Hai Chương, bố thí cho mười người ác không bằng bố thí cho một người thiện, bố thí một trăm người thiện không bằng bố thí cho một người thọ ngũ giới; bố thí một ngàn người thọ ngũ giới không bằng bố thí cho một Sa-di ... cứ từng bậc đi lên như thế, tội phỉ báng cũng vậy, từng bậc tăng lên. Vì Tỳ-kheo đó đã chứng quả, nên sau khi Sa-di kia sám hối, ngài nói: "Tội địa ngực thì khôi, nhưng tội nhân quả phải đầu thai thành con chó".

Hỏi: Nhân quả xuất phát từ tâm, nếu vô tâm mà phạm thì vẫn phải chịu nhân quả ư?

Đáp: Nhất thiết duy tâm tạo, còn tâm còn nhân quả, hễ tâm tạo nhân thì tâm phải chịu quả.

Hỏi: Như chúng con dù tại gia hay xuất gia, nên chưa thông suốt giới luật mà phạm thì vẫn bị nhân quả như thế không?

Đáp: Đã thọ giới nào thì theo giới luật đó mà xử phạm. Như tội nào thuộc Ba-la-di, tội nào thuộc Tăng tàn ... nếu hai tội Ba-la-di và Tăng tàn đều không thành lập thì lọt vào cấp thứ ba, gọi là Thâu lan giá, tất cả đều do Đức Phật chế định sẵn.

Nếu như người làm mà không biết thì không tâm để tạo nhân, không nhân thì không quả, chẳng những không có tội phá giới, tội nhân quả cũng không có. Mặc dù không có, nhưng nếu sau đó mình biết được cũng phải chịu tội nhân quả, bất quá tội nhẹ hơn. Ví như đã vô ý giết chết người khác thì sau này cũng sẽ bị người khác vô ý giết chết. Kinh Pháp Hoa nói: "Như thị nhân như thị quả".

Hỏi: Làm sao tránh sát sinh trong lúc trồng trọt hoa màu?

Đáp: Thiền tông ngài Bá Trượng cũng có nồng thiền, cũng phải cuốc đất canh tác. Theo trong kinh nói: "Người chứng sơ quả sẽ không phạm vào côn trùng sâu bọ, họ tự nhiên tránh khỏi bốn tắc, còn người chưa chứng thì sự sát sinh là không thể tránh khỏi.

Cho nên trong giới Bồ tát, người muốn canh tác phải chọn đất trong sạch, tức chẳng có kiến, sâu bọ mới có thể tròng trót. Nhưng trên thật tế có nhiều sinh vật rất vi tế, ví như trong cơ thể con người đã có biết bao sinh vật tồn tại, khi chúng ta bệnh, đi chữa bệnh để tiêu diệt vi trùng bệnh, đâu thể khuyên người ta không đi điều trị?

Dù nhân quả rất vi tế. nhưng đó chỉ là nhân quả trong chiêm bao, muốn giải quyết triệt đắc, phải thức tỉnh mới rời khỏi chiêm bao, chẳng lọt vào nhân quả chiêm bao. Nếu không thì chính trong thân này đã có biết bao nhiêu chúng sinh trong đó, mỗi ngày chẳng biết bao nhiêu tế bào chết rồi lại sinh.

Hỏi: Phật tử đã thọ giới Bồ tát, khi phạm giới phải sám hối với ai? Bằng cách nào cho hết tội? giới Bồ tát còn hay mất?

Đáp: Sám hối thì giới còn, không bị mất, và sám hối với người đã thọ giới Bồ tát. Nếu thọ giới Bồ tát tại gia thì sám hối với người Bồ tát tại gia cũng được, với người thọ giới Bồ tát xuất gia cũng được. Nếu đã thọ ngũ giới thì sám hối với người đã thọ ngũ giới. Cách sám hối rất dễ, chỉ nói với người ấy rằng: "Tôi vô ý phạm phải giới này, xin ông chứng minh, về sau tôi không phạm nữa".

Hỏi: Ví như khởi tâm muốn trộm cắp một món đồ gì thì sám hối được, nhưng nếu phạm giới Ba-la-di thì sao?

Đáp: Cũng sám hối được, giới Bồ tát hoàn toàn sám hối được.

Hỏi: Người tu hành không ăn phi thời (chỉ thọ dụng bữa cơm trưa (giờ Ngọ), có lợi ích gì trong việc tu hành?

Đáp: Trong mười giới của Sa di có một điều là không ăn phi thời. Quá giờ Ngọ cho đến rạng sáng hôm sau thuộc phi thời, uống thì được, những thực phẩm phải nhai thì không được dùng. Đó có hai nguyên do: Một là sau khi ăn no ngồi thiền rất khó, hai là buổi chiều nếu còn ăn thì người tại gia phải lo tiếp một bữa cơm nữa.

Theo phong tục ở Thái Lan, người xuất gia nào cũng phải đi khất thực, kể cả ông vua xuất gia cũng vậy. Người tại gia muốn cúng dường bao nhiêu phần thì chuẩn bị bao nhiêu xuất, sáng sớm đem dọn ra trước cửa, đợi các vị Tu sĩ đi qua, cúng dường xong mới dẹp bàn. Các vị tăng nhận được phần ăn sẽ chia làm hai: Bữa sáng một nữa và bữa trưa một nữa, hễ quá giờ Ngọ là không ăn.

Cho nên ở Thái Lan, không được đi mua đồ ăn vào buổi chiều, mọi người sẽ cho là phá giới, mặc dù phần ăn đó là chuẩn bị cho ngày mai cũng không được. Những Tu sĩ người Hoa không trì Ngọ, khi dùng bữa chiều phải đóng cửa lại ăn lén, sợ người Thái Lan think lèn bắt gặp cho là không giữ giới.

Hỏi: Vấn đề trì Ngọ ở Việt Nam như thế nào? Chúng

con nêu không ăn tối không đủ sức kinh hành.

Đáp: Việt Nam thuộc xứ nóng còn dễ, Trung Quốc là xứ lạnh, mùa đông thường lạnh đến chịu không thấu, ở chùa Cao Môn vào mùa đông lại thường đà luân mười thất, liên tiếp 70 ngày, theo giới luật là phải trì Ngọ, Thiền sư Lai Quả thấy mấy vị Tăng trẻ lúc bão hương không đủ nhiệt năng để chống lại rét lạnh, ánh hưởng đến sự tu, nên Ngài cho buổi chiều dùng cháo, ấy cũng là phương tiện giúp cho tu giải thoát.

Nếu theo giới luật ấy là phá giới, nhưng sở dĩ trì Ngọ là vì sự tu đến giải thoát, mà không trì Ngọ cũng vì là sự tu đến giải thoát, chứ không phải phá giới. Tất cả những giới luật chướng ngại đến sự tham thiền, Thiền Lai Quả đều bãi bỏ, ấy là vì sự tu chứ chẳng phải phá giới. Đức Phật cũng có nói "Tùy theo phương tiện có thể sửa đổi".

Ví như ở Ấn Độ, tu sĩ đi làm ruộng là phá giới, còn ở Trung Quốc thì phong tục lại khác, tu sĩ đi xin ăn thì người đời cho là "con mợt gạo", còn tu sĩ đi trồng trọt mới được khen ngợi. Cho nên, ở Ấn Độ làm ruộng là phá giới, ở Trung Quốc làm ruộng là trì giới.

Sở dĩ Đức Phật chế định Giá giới là vì muốn Phật pháp được hoằng dương nơi thế gian, nếu người thế gian không chịu thì làm sao hoằng dương? Thế nên Phật pháp đến bất cứ nơi nào trên thế gian đều được hoan nghênh, vì theo giới luật của Phật Giáo: Nếu ai phạm luật của nhà nước, tức phạm giới luật nhà Phật.

Hỏi: Con đã thọ giới Bồ tát mà chưa hiểu giới Bồ tát là gì, muốn giữa được dâm giới trong giới Bồ tát phải làm gì?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói "Chẳng những thân không phạm, luôn cả cái "không phạm" cũng không còn", tức thân tâm đều dứt, luôn cả cái dứt cũng không có, như thế đối với Vô thượng Bồ đề mới có hy vọng.

Lại nữa, trong kinh nói: "Có sát đao dâm là trong tam ác đạo, mà không có sát đao dâm là tam thiện đạo, vẫn còn ở trong luân hồi"; vì có và không là đối đai, thành có luân hồi, còn Vô thương Bồ đề là không đối đai, chẳng những cái có, luôn cả cái không có cũng không còn, tức dứt sạch thân dâm, dứt sạch tâm dâm, luôn cái "dứt sạch" cũng không còn, mới là thật trong sạch.

Hỏi: Giới Bồ tát tại gia và giới Bồ tát xuất gia có gì khác không?

Đáp: Khác, Giới Bồ tát tại gia chỉ có 6 điều trọng 28 điều khinh, còn Giới Bồ tát xuất gia là 10 trọng 48 điều khinh, tức giới Bồ tát xuất gia hơn về giới trọng nhiều hơn 4 điều, về giới khinh nhiều hơn 20 điều, lại nữa, về dâm giới thì Bồ tát xuất gia cầm cả tà dâm và chánh dâm, còn giới Bồ tát tại gia chỉ cầm tà dâm, không cầm chánh dâm.

Giới Bồ tát tại gia gồm 6 điều trọng, 28 điều khinh. Tất cả từ ngũ giới đến 250 giới, 348 giới cho đến Bồ tát giới, căn bản là sát, đao, dâm, vọng, nhưng giới Bồ tát gọi là Giới tâm địa, khác hơn Giới Thanh văn, giới Thanh văn là khi thân làm rồi mới phạm, còn giới Bồ tát hễ khởi tâm động là phạm. Ví dụ:

Đối với giới Thanh văn, muốn ăn cắp cái tách này, tay đã chạm vào tách,

gặp người vào liền rút tay lại, ấy là chưa phạm, khi nào lấy tách rời khỏi chỗ cũ là phạm, còn giới Bồ tát khởi niêm muôn ăn cắp đã là phạm rồi.

Thường thường, đối với tất cả giới có tám chữ: "Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành". Chư ác mạc tác là chỉ trì, tức không làm là trì giới; còn chúng thiện phụng hành là tác trì, tức phải làm, không làm là phạm. Giới Thanh văn là chỉ trì, giới Bồ tát là tác trì, có một số điều phải chúng thiện phụng hành, không làm là phạm.

6 điều trọng:

- Điều thứ nhất là sát sinh: Hễ khởi niêm muôn giết, giết người cho đến con kiến đều là phạm giới sát sinh, chưa giết đã phạm, cho đến tự tử cũng là phạm.

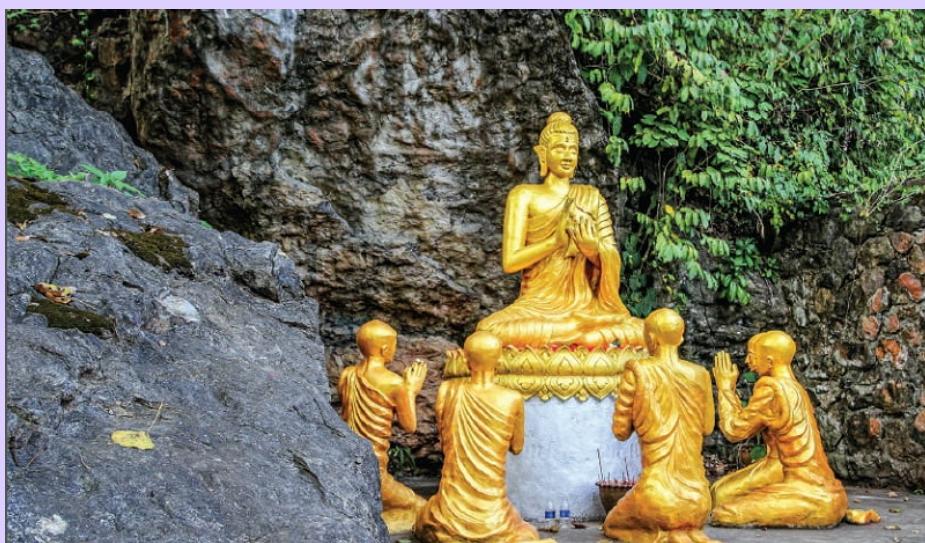
- Điều thứ hai là trộm cắp: Bắt cứ đồ vật, tiền của, người chủ chưa đồng ý mà tự ý lấy đi là phạm. Trong gia đình, đồ vật của cha mẹ anh em sử dụng qua lại, đồng ý với nhau là không phạm, còn nếu chưa được sự đồng ý mà lấy đi, như ăn cắp tiền của cha mẹ, của anh ruột vẫn là phạm.

- Điều thứ ba là Đại vọng ngũ. Thế nào là đại vọng ngũ? Tu hành chưa chứng nói đã chứng, chưa đắc nói đã đắc, ấy là đại vọng ngũ.

- Điều thứ tư là tà dâm. Ngoài vợ chồng chính thức ra, mọi quan hệ nam nữ đều gọi là tà dâm.

- Điều thứ năm là nói lối của tú chúng. Tú chúng gồm hai chúng xuất gia, Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, hai chúng tại gia Uưu bà tắc, Uưu bà di, tức cư sĩ đã thọ ngũ giới. Mặc dù biết họ có lối, nhưng không được nói với người khác về lối lầm của họ. Nếu không có người thứ ba mà chỉ có người phạm lối, có thể khuyên bảo họ để sửa sai thì không phạm, nhưng nói với người thứ ba là phạm, hoặc lúc khuyên bảo có người thứ ba cũng là phạm.

- Điều thứ sáu là Bán rượu: Theo ngũ giới là uống rượu mới phạm, bán rượu không phạm, còn giới Bồ tát thì bán rượu phạm giới trọng, uống rượu chỉ phạm giới khinh. Tại sao? Vì bán rượu là hại đến người khác, đã thọ giới Bồ tát, hành đạo Bồ tát là hy sinh mình để cứu giúp người khác, nay chẳng những không cứu giúp người, vì lợi nhuận của mình lại gây hại đến người khác, nên thuộc giới trọng, còn uống rượu chỉ hại chính bản thân, nên thuộc giới khinh.





28 điều khinh:

1- Không cúng dường cha mẹ sư trưởng: Người tại gia, cha mẹ nuôi mình lớn lên, phải phụng dưỡng lại cha mẹ, còn sư trưởng dạy mình nên người, cũng nên cúng dường, nhưng vì người tại gia đi học có đóng học phí, cũng là cúng dường sư trưởng; hoặc tò lòng nhớ ơn sự dạy bảo của thầy cô mà cúng dường. Nếu mình không có tiền của cúng dường, chỉ phát tâm cúng dường cũng được.

2- Ham uống rượu: Ở trên điều thứ sáu bán rượu là phạm giới trọng, còn ở đây uống rượu là là phạm giới khinh.

3- Ác tâm không đi thăm người bệnh khổ: Như hiện nay trong các bệnh viện đầy bệnh khổ, làm sao thăm hết được? Những người bà con, bạn bè có quan hệ với mình là phải đi thăm, có khi vì không hay biết hoặc do cuộc sống khó khăn nên không thể đi thăm. Ở đây chú trọng hai chữ "ác tâm", tức có dịp đi thăm mà cố ý không đi, gọi là ác tâm không đi thăm người bị bệnh khổ, là phạm.

4- Có người ăn xin đến xin mà không cho: Mình có thể cho nhiều cho ít tùy sức, trường hợp trong túi không có tiền, phát tâm muốn cho cũng được. Đối với người ăn xin đến xin mình, chẳng những không cho còn đuổi họ đi là phạm.

5- Gặp tứ chúng tôn trưởng, không lễ bái là phạm. Đó là điều lê phép, hễ gặp là phải chào hỏi.

6- Thấy tứ chúng phá giới, dù không nói với người khác, nhưng nỗi tâm khinh bỉ rằng: "Ông là Tỳ kheo, hoặc bà đã là Tỳ kheo ni còn phá giới, còn tôi chỉ là cư sĩ mà không phá giới", nỗi tâm kiêu mạn, cho rằng người khác phạm giới. Ai phạm giới thì người đó phải chịu tội, ví như Tỳ kheo hoặc Tỳ kheo ni phạm giới Ba la di là chín triệu năm tội địa ngục, cấp thứ năm gọi là Đột Kiết La cũng phải chịu tội địa ngục mấy trăm ngàn năm, khỏi cần mình lo. Khỏi cần mình khinh, hễ nỗi tâm khinh là phạm.

7- Đã thọ giới Bồ tát tại gia, hàng tháng phải thọ sáu ngày Bát quan trai, học tập cuộc sống của người xuất gia trong một ngày một đêm. Sáu ngày là : Mùng 8, 14, 15, 23, và 2 ngày cuối tháng. Böyle giờ mình hành đạo Bồ tát, gọi là sơ học. Bồ tát chứ chẳng phải chứng quả Bồ tát, phải thọ giới Bát quan trai, nếu không đến chùa thì thọ ở nhà cũng được.

8- Không đi nghe thuyết pháp: Tại sao không đi nghe thuyết pháp là phạm? Vì mục đích học theo hạnh Bồ tát là để giúp ích cho người khác, thực tế là phải cho người được giải thoát, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn, muốn như vậy phải dùng đến Phật pháp. Nếu tự mình không biết thì làm sao dạy người khác tu giải thoát? Cho nên, nghe chỗ nào có pháp sư thuyết pháp giảng kinh là phải đi nghe, để mình đủ tư cách hành đạo Bồ tát,. Trong này nói đến phạm vi 40 dặm, (10 dặm = 6km, 40 dặm là 24km).

9- Thọ dụng ngoại cụ của Tăng. Ở trong chùa, đồ dùng của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni mà cư sĩ tại gia sử dụng là phạm, còn những gì dành cho cư sĩ tại gia thì không phạm. Phòng riêng của Tăng hoặc Ni, không được chủ đồng ý, tự ý đến ngồi hoặc nằm, tự ý thọ dụng là phạm.

10- Uống rượu có sâu tucus sát sinh, là phạm. Bồ tát muốn cứu giúp chúng sinh nên phải tránh sát sinh, trong nước nếu có sâu bọ mà uống vào là phạm giới, nên Tăng Ni đi thọ giới có đem theo đai lọc nước, trước khi dùng phải lọc qua thì không phạm.

11- Đi chõ nguy hiểm: Bồ tát muốn cứu giúp người khác, hy sinh mình cũng được, nhưng nếu không có giá trị mà hy sinh thì không được, phải giữ thân này tu đến giải thoát và giúp cho người khác tu giải thoát. Nên cấm một mình đi đến chõ nguy hiểm. Nếu biết chõ đó nguy hiểm mà đi một mình thì phạm, có nhiều người cùng đi sẽ tránh được nguy hiểm.

12- Nam cư sĩ đi đến chùa ni, hoặc nữ cư sĩ đi đến chùa tăng, phải có hai người trở lên mới được, chứ một người là không được, là phạm.

13- Vì tài của mà đánh mắng người, như người giúp việc vô tình làm bể đồ vật của mình, do tiếc của mà đánh người; hoặc sai đi mua đồ làm mất tiền mà đánh, dù là đầy tớ hay người khác, hễ đánh mắng người vì tài của là phạm.

14- Đồ ăn mình ăn thừa không được đem bốc thí cho tử chúng, hễ bốc thí đồ ăn thừa là phạm.

15- Không được nuôi mèo chó, vì những loại này hay sát sinh, mình nuôi chúng cũng như gián tiếp sát sinh, là phạm. Nuôi mèo thì phạm, nuôi trâu ngựa để làm việc cho chùa là không phạm, vì loại này ăn chay, nhưng phải qua tịnh thí. Thế nào là tịnh thí? Mặc dầu con trâu con ngựa là của mình, nhưng chỉ được quyền nuôi, không được đem cho hoặc bán cho người khác, tức thí cái chủ quyền của mình. Tại sao? Vì hễ đem cho người khác thì người ấy có thể bán hoặc giết hại con vật.

16- Tam điều y, ngũ điều y tức hạ y, bảy điều là trung y, chín điều đến hai mươi lăm điều trở lên là thượng y, đây là y của người xuất gia, ngoài ra còn có bát và tích trượng, người tại gia phải tích tụ những thứ này?

Vì thọ giới Bồ tát là học theo hạnh Bồ tát, mục đích muốn mọi chúng sinh đều giải thoát, đạt đến tự tại vĩnh viễn, không còn khổ nữa, nhưng trách nhiệm hoằng pháp là của người tu sĩ, những đồ dùng này là của người tu sĩ, vì khộ không có sản xuất, cư sĩ tại gia đã phát tâm Bồ tát, hằng ngày phải tích lũy, như hằng tháng dành dụm một trăm đồng, nếu không đủ sức có thể chỉ để dành mười đồng, hoặc một đồng ...

Tùy theo sức mình, đến ngày chùa qui định phát y áo bình bát cho các tu sĩ để thay cũ đổi mới, thì đem cúng dường cho chư tăng ni. Hàng năm, trong phái khất sĩ có hai đợt phát y và bình bát cho tu sĩ, y áo của những ai đã cù rách thì đăng ký với trụ trì, Trụ trì thông báo đến cư sĩ đã có tích lũy để dành, đến ngày đó đem cúng dường và trụ trì sẽ gom lại phát cho đại chúng.

18- Tại gia phải sản xuất hoặc canh tác, khi canh tác thì dưới đất có sâu bọ, cày cuốc khó tránh khỏi giết hại chúng sinh, cho nên hễ làm ruộng phải tìm chõ nước đất trong sạch mới canh tác, nhưng điều này rất khó tránh. Tiểu thừa đã chứng quả Tu đà hoàn thì các sâu bọ tự nhiên tránh được, không bị lõi sát sinh. Cũng như quý vị tham thiền đến một lúc nào đạt mức của tu đà hoàn, thì việc canh tác sẽ tránh được sát hại các loài sâu bọ.

19- Tại gia không sản xuất thì buôn bán, việc buôn bán đó phải công bằng, cân đong đo đếm phải đúng lượng. Nhiều người buôn bán không đúng lượng,

cân 1kg, chỉ còn 950gr, ấy là phạm. Lại nữa, ví như món đồ này giá thị trường chỉ bán 100 đồng, mình đã bán ra, dù người mua chưa lấy hàng, sau đó nghe nói thị trường đã bán với giá 200 đồng, muốn đổi ý bán theo giá mới là không được, đã hứa giá bao nhiêu thì bán bấy nhiêu, không được thay đổi, và bán đúng theo giá thị trường, không tự ý nâng giá là không phạm.

20- Cư sĩ tại gia với vợ chồng chính túc không phạm giới tà dâm, nhưng nếu phi thời phi xứ, túc không phải lúc và không đúng chỗ ở của mình là phạm. (Phi thời: các ngày chay, vía Phật. Phi xứ: Trừ phòng ngủ riêng, năm nữ căn).

21- Buôn lậu là phạm. Theo giới luật nhà Phật là không được vi phạm pháp luật nhà nước. Vì Đức Phật muốn hoằng dương Phật pháp, khiến ai ai cũng được giải thoát, do đó bất cứ nước nào đều được chính phủ sở tại hoan nghênh, nên Phật tử phải giữ đúng luật pháp nhà nước.

Trong này có nói đến vấn đề nộp thuế, hoặc ăn cắp thuế của nhà nước: Luật sư Hoằng Nhất có nói: "Người muốn gửi tiền qua Bưu điện phải đóng chi phí gửi, có người không muốn gửi qua Bưu điện mà đem tiền bỏ vào phong bì gửi đi, ấy cũng là một hình thức ăn ắp thuế của nhà nước, là phạm giới.

22- Điều này càng nói rõ: Hễ phạm luật pháp của nhà nước, bất cứ phạm phải lỗi gì, túc là phạm giới.

23- Khi tròng trọt có thu hoạch rồi, lần thu hoạch đầu tiên phải đem cúng đường Tam Bảo, sau đó mới tự dùng. Ấy là để tập cho chúng ta luôn biết kính trọng Tam Bảo, nếu không là phạm.

24- Mặc dầu mình là cư sĩ tại gia, có thể thuyết pháp dạy người khác tu hành, nhưng nếu Tăng đoàn thấy mình chưa đủ trình độ tư cách, không cho đi thuyết pháp, mà tự làm tài khôn, thuyết pháp là phạm.

25- Khi ra ngoài đường, cư sĩ tại gia luôn tránh đường cho năm chúng xuất gia, túc Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Thức xoa, Sa di, Sa di ni. Nếu chúng ta đi mà không biết có năm chúng đi sau lưng, sau khi phát giác phải đứng sang một bên, nhường cho Tu sĩ đi trước, nếu không là phạm.

26- Khi thợ trai quá đường, mình phân chia thức ăn phải công bằng, nếu chia không công bằng hoặc chia theo tình cảm yêu ghét, hoặc lựa những thức ăn ngon cho người mình ưa thích, chia thức ăn không ngon cho người mình không ưa thích, ấy là phạm.

27- Nuôi con tằm là phạm: Vì muốn lấy tơ tằm phải giết chết nó, nên phạm.

28- Khi đi ngoài đường, thấy có người bệnh nặng mà bỏ đi là phạm. Ví như đang đi trên tàu xe, ra đến ngoại ô chỗ vắng người, thấy ở giữa đường có người bệnh nặng hoặc bị thương nặng không ai cứu giúp, phải bỏ vé xe, xuống cứu giúp người đó, hoặc chờ đi bệnh viện, hoặc đưa về tận nhà, giao tận nơi xong mới trở lại mua vé đi tiếp. Nếu thấy mà bỏ đi không cứu giúp là phạm, túc phải làm là không phạm, gọi là tác trì.

Hỏi: Thế nào là khai giá trị phạm trong luật Tứ phần?

Đáp: Chẳng phải là cô không biết về khai giá trị phạm, nhiều người dạy luật cũng chưa rõ vấn đề này. Chúng ta phải biết cẩn bắn của Phật pháp.

Khai: Ví như uống rượu là phạm giới, có tội phạm giới nhưng không có tội nhân quả, cho nên có thể khai. Khai bằng cách nào? Trường hợp mắc bệnh mà thầy thuốc nói cần uống thuốc mới hết, người ấy khai báo ra lý do, ấy là không phạm.

Giá: Giá là che. Tại sao phải che? Trong giới luật, như một trăm điều về tú oai nghi cũng chỉ có tội phả giới, không có tội nhân quả. Vậy thì tại sao phải lập ra những giới điều trên? Là vì muốn che không cho người đời phê bình. Ví như ở Ấn Độ, nếu Tu sĩ đi làm ruộng thì người đời phê bình, cho nên làm ruộng là phạm.

Ngược lại, ở Trung Quốc, Tu sĩ đi khất thực thì người đời lại chê là con mọt gạo, còn đi canh tác thì được chấp nhận, nên ở Trung Quốc làm ruộng là giữ giới, ở Ấn Độ làm ruộng lại phá giới. Tại sao phải che? Vì hễ muốn hoằng pháp thì phải phù hợp với phong tục của địa phương đó.

Trì và phạm: Gồm chỉ trì và tác trì, từ 5 giới, 10 giới, đến 250 giới, 348 giới Thanh Văn, gọi là chì trì, tức không làm thì không phạm, còn giới Bồ tát gọi là tác trì, những việc cần làm thì phải làm, không làm là phạm.

**Hỏi: Tỳ-kheo ni phải hành theo pháp Bát kỉnh, vậy
Tỳ-kheo có thể hiệp đáp không?**

Đáp: Không được, nếu vị Tỳ-kheo đó vô cớ hiệp đáp, thì Tỳ-kheo-ni có thể hợp chúng lại Yết-ma. Đáng lẽ theo pháp bát kỉnh, Tỳ-kheo-ni phải đánh lẽ khi gặp Tỳ-kheo-Tăng, nhưng vì vị Tỳ-kheo Tăng đó vô cớ hiệp đáp, nên không nhìn nhận vị Tỳ-kheo đó và không kính lẽ.

Thiền sư Thích Duy Lực



THIỀN TỊNH QUYẾT NGHỊ

LỜI KHAI BẠCH

Thuật giả: Ân Quang Đại sư

Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh

LỜI ĐẦU QUYỀN

Từ xưa, trong những xứ mà Đại thừa giáo được lưu hành, nhứt là Trung Hoa, tự lực môn và Phật lực môn thường khi thành đối lập, rất chướng ngại cho người học đạo, mặc dầu đều từ kim khẩu của đức Thích Ca Mâu Ni tuyên thuyết và đều là của Đại đức Ma Ha Ca Diếp và A Nan Đà kiết tập.

Vì chỗ lợi ích riêng cho một nhóm người đại căn đến cầu pháp, chư Tổ trong Thiền tông dùng trực chỉ chơn tánh thành Phật để khai thị đối khi in như bài xích Liên tông. Nhưng chính những lời ấy là chuyền ngữ đối với đương cơ chớ chẳng phải là lời thường dùng đối với tất cả.

Một hạng người tăng thượng mạn tự cao tự phụ, theo kiến thức hẹp hòi của mình, vin theo tiếng vang vǎng ấy, đường hoàng đứng ra công kích môn Tịnh độ cùng khinh hủy người tu tịnh nghiệp, để rồi chuốc lấy báng Phật, hủy Pháp, khinh Tăng. Vì môn niêm Phật vãng sanh là gốc từ Phật A Mi Đà lập nguyện, đức Thích Ca Mâu Ni chỉ giáo và lục phương chư Phật tán dương, nay bác môn Tịnh độ thời là hủy báng chư Phật vậy. Đã từ nơi Phật tuyên dạy thời môn Tịnh độ là giáo pháp chơn chính, bác Tịnh độ chính là hủy báng chánh pháp vậy. Nơi hội Hoa Nghiêm đức Phổ Hiền, trong hội Bát Nhã đức Văn Thủ, cùng vô lượng đại Bồ tát đều có lời phát nguyện vãng sanh Cực Lạc; Mã Minh Đại sĩ có lời khuyên tu niêm Phật trong luận Khởi Tín; Long Thọ Bồ tát được Phật thọ ký vãng sanh nơi pháp hội Lăng Già, cùng vô số bậc đại Tổ Sư của các Tông Đại thừa, chẳng những Liên tông mà cả Thiền tông, Hoa Nghiêm tông, nhứt là Pháp Hoa tông ([1]), cho đến trong Duy Thức tông, ngài Thiên Thủ, ngài Khuy Cơ v.v... đều cực lực tán dương và hoằng truyền môn Tịnh độ. Nay bác Tịnh độ hay khinh hủy người niêm Phật thời chính là hủy báng chư Hiền Thánh Tăng vậy. Hủy báng Tam Bảo là nghiệp nhơm của quả báo địa ngục A Tỳ.

Ân Quang Đại sư, một cao tăng của cận đại xót thương những kẻ nồng nỗi ấy, nương khẩu khí của Mộ Liên Pháp sư ở Hồng Loa Sơn mà thuật ra tập thuyết nghi này, để lấp bít cửa địa ngục cho họ ([2]).

Nguyên bản đề là THIỀN ĐỘ QUYẾT NGHI LUẬN. Nơi bản Việt dịch này tôi sửa lại là THIỀN TỊNH QUYẾT NGHI.

Nơi tập này trong khi chỉ trích chỗ nhận làm của các nhà tu Thiền về Pháp môn Tịnh độ với một lối lập luận chặt chẽ sâu sắc. Đại sư căn cứ vào giáo lý mà giảng giải tông thú của môn niêm Phật một cách rành rẽ.

Tập này có thể là kim chỉ nam cho người còn bâng khuâng nơi hai nẻo đường: tu Thiền hay tu Tịnh? Và là lèo lái vãng chắc cho người đã phát tâm Phật rồi.

Với người tu Thiền, tập này chỉ cho biết rằng có ngại gì kiêm tu niêm Phật

để được bão đảm cho quả giải thoát ở tương lai. Với người tu Tịnh, tập này sẽ hướng dẫn đến mục đích liên hoa hóa sanh và phá tan những tà thuyết bài bác của ma ngoại.

Người học Phật phải tu Phật, nghĩa là phải nhắm mục đích: CHỨNG PHẬT QUẢ, mới phải thật là đệ tử Phật.

Nên tết tâm tự xét: ta có thể cứ tự lực vượt khỏi luân hồi để đến quả viên mãn Bồ đề hay cần phả nương Phật lực?

Ta phải bình tĩnh cân nhắc lấy sự lợi hại, không nên quá tự phụ mà thành nồng nỗi.

Người có chút trí khôn chẳng bao giờ chịu phí sức thì giờ nhúm lửa bằng cách cọ gõ trước ngọn đuốc đang cháy bùng.

Ké quá ngông cuồng mới tự phụ cắp chân của mình, rồi lội bộ băng rùng trèo núi để qua xứ Thiên Trúc trong khi tàu thủy đang chờ ở bến, phi cơ chực sẵn tại sân bay!

Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng, Phật dạy: "Trong thời mat pháp, chúng sanh chỉ nương sức niệm Phật mà ra khỏi luân hồi thôi".

Kinh Bát Nhã, đức Phật đem sự chuyên tâm xung niệm danh hiệu của Phật để đáp lời hỏi của đức Văn Thủ Bồ tát về vấn đề: thế nào mà đặng Vô thượng Chánh giác?

Kinh A Mi Đà, đức Phật nhiều lần lập lại câu: "Các chúng sanh nên phải phát nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà..."

Kinh Hoa Nghiêm ngài Phổ Hiền, kinh Bát Nhã ngài Văn Thủ đồng phát nguyện: "Nguyễn con đến lúc sắp lâm chung, tận mặt thấy Phật A Mi Đà, liền được vãng sanh về Cực Lạc".

Văn Thủ Bồ tát bảo Pháp Chiếu Đại sư: "Muốn mau thành Phật không gì bằng chuyên niệm Phật A Mi Đà...". Và Quan Thế Âm Bồ tát khuyên Từ Mẫn Tam Tạng: "Ông muốn truyền pháp để độ mình, độ người thời nên chuyên niệm Tây phương Cực Lạc thế giới A Mi Đà và phát nguyện vãng sanh..." (Xem toàn truyện ở bộ Đường Về Cực Lạc tập nhứt).

Hỡi các pháp hữu! Các đạo hữu! Hỡi những người có lòng muốn thoát ly cõi ngũ trước ác thế, những vị mong ra khỏi nẻo luân hồi, những bậc lập chí độ sanh!

Các ngài còn chần chờ gì mà không kíp tuân lời của Phật dạy, của đại Bồ tát khuyên mà chuyên tu niệm Phật!

Các ngài còn do dự gì mà không noi gương chư Tổ Sư, các Cố Đức để liền phát nguyện cầu về Cực Lạc Tịnh độ! Và các bạn còn ngờ gì khi đã hiểu giáo lý, khi đã biết rõ rằng trước ta đã có vô số người được vãng sanh, đã được siêu phàm nhập Thanh nhở tu tịnh nghiệp!

PL 2500 (1956) Đạo tràng Vạn Đức,

Ngày thành đạo của đức Thích Ca Mâu Ni Phật

*

I. TỰ THUẬT

Thuốc không luận đắt hay rẻ, chữa lành bệnh là thuốc hay.

Pháp môn không luận ưu hay liệt, hợp thời hợp cơ là diệu pháp.

Ngày xưa, bậc trí thức đông, cẩn tánh của người học đạo lại thù thắng ([3]), nên tu theo một môn nào đều có thể chứng đạo cả.

Hiện nay, bậc trí thức ít, cẩn tánh của người học đạo lại lậu liệt, ngoài môn Tịnh độ ([4]) thật khó mong giải thoát được.

Tôi ([5]) thầm hổ lấy mình đời trước ít tròng căn lành, phuớc huệ thời mồng cạn, nghiệp chướng lại sâu nặng. Trong thời tuổi ham học không sớm gặp thầy sáng bạn lành, không được nghe đạo lý của Thánh Hiền, chỉ tranh đua uống lấy thuốc độc bài bác Phật pháp của Hán Dũ và Âu Dương Tu ([6]). Ít lúc nghiệp báo hiện ra, phải bệnh trầm trệ luôn cả mấy năm gần như phế nhơn, không kham được việc gì.

Trong khi nǎm bệnh tôi tự tỉnh tự xét: Thiên địa, quỷ thần rất sáng suốt, những bậc Hiền Thánh từ xưa tới nay rất nhiều. Nếu Phật pháp quả thật là tệ hại cho nhân loại như lời của hai họ Hán, Âu, thời chẳng những các bậc vua Thánh, quan hiền không dung cho truyền bá, mà thiên địa quỷ thần cũng đã tru diệt từ lâu, đâu chờ đến họ Hán họ Âu luận suông bàn không dễ bài bác. Phật pháp lại vốn không dùng quyền lực để ép người phục tùng, nếu không nhờ thật đức để cảm lòng người, chơn lý để phục trí người, thời đâu dễ còn được lưu thông vĩ đại đến ngày nay!

Sách Trung Dung nói: Đạo của bậc quân tử, dầu là hạng người ngu dại cũng có thể cùng biết được cùng làm được, nhưng đến từng chí cực thời Thánh nhơn (thế gian Thánh nhơn) còn có chỗ chẳng biết được chẳng làm được.

Họ Hán họ Âu dầu có thông minh, nhưng chưa phải Thánh, làm sao thấu được chí lý, chỗ mà Thánh nhơn ([7]) tự nhận là còn có chỗ chưa biết được chưa làm được. Thế phải chăng Phật pháp thâm diệu, phàm tình thế trí chẳng thể suy lường thấu đáo.

Xét đến đây tôi ăn năn sự nồng nỗi của mình mà để tâm đến Phật pháp, và cũng từ ngày đó bệnh tình của tôi lần lần thuyên giảm.

Tôi phát tín tâm, xuất gia làm tăng.

Sau một thời gian nghiên tầm giáo lý của đức Phật dạy, tôi tự lương lấy mình: nếu không nhờ nương nơi sức bi nguyện rộng lớn của Phật tất khó được giải thoát ở đời này. Bắt đầu từ ấy, tôi chuyên tâm niệm Phật, chí quyết cầu sanh Cực Lạc. Mặc dầu trải qua nhiều năm đi nghe kinh nghe giảng, học Thiền học Luật, chẳng qua để phát minh lý tánh Tịnh độ, hầu làm tư lương Thượng phẩm vãng sanh mà thôi.

Hòn vì thân thể suy yếu, sức khỏe kém thiểu, nên không thể dũng mãnh hành đạo, nhưng tín và nguyện của tôi rất kiên cố, chẳng những các vị Thiền sư,

Giảng sư không thể lay chuyển được chí hướng của tôi, dẫu cho chư Phật hiện thân bảo tôi tu pháp môn khác, tôi cũng lạy Phật mà tạ lỗi, chớ quyết không đổi chí bỏ đây theo kia, trái bốn nguyện của mình. Ngặt vì túc nghiệp của tôi quá nặng, nên mãi chưa được niêm Phật tam muội ([8]). Càng nghĩ càng tự hổ!

II. GIÁ TRỊ CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Có một vị Thượng tọa nhiều năm tham cứu Thiền tông lại thông cả giáo lý, mắt ngài xem bốn biển trống không, tự thệ chứng Nhứt thừa viên quả.

Thượng tọa theo gương ngài Thiện Tài Bồ tát đi thăm phỏng khắp các bậc Thiền tri thức.

Một hôm, Thượng tọa đến Hồng Loa Sơn vân đạo nơi tôi. Nhầm lúc tôi đang muốn sưu tập giáo lý Thiên Thai đăng chú thích quyển A Mi Đà kinh Yếu Giải ([9]), để cho người sơ cơ học Phật có phần tiến bộ. Chứ nguyên bản Yếu Giải, văn thời sâu, ý lại kín rất không tiện cho hạng mông học.

Tôi kính tặng Thượng tọa một tập Yếu Giải và ngỏ ý mình muốn soạn chú thích trình Thượng tọa.

Thượng tọa bảo: "A Mi Đà kinh Yếu Giải tôi đã từng xem, thấy trong ấy nhiều đoạn nói: Áo tang của Hoa Nghiêm, bí túy của Pháp Hoa, tâm yếu của chư Phật, chỉ nam của Bồ tát đều không ngoài nơi đây. Những lời ấy rõ là đe dọa Thiền tông cùng giáo lý mà khen tặng Tịnh độ một cách quá đáng. Thật là hủy báng chánh pháp luân, đưa chúng sanh vào chỗ nghi lầm.

Bất ngờ Ngẫu Ích Đại sư là bậc tri thức mà chẳng trực chỉ chơn tâm cùng hoằng dương chỉ quán, trở đi viết tập Yếu Giải này để làm lá bùa hộ thân cho hạng ngu phu ngu phụ. Khiến cho bao nhiêu người tại gia cũng như xuất gia giữ chặt một môn mà bỗ vạn hạnh, gìn nước vũng mà quên biển cả, đua nhau chạy vào đường mê trái hẳn giác lộ, đoạn diệt Phật chủng. Thật là tội lỗi dãy trời. Những ai có chí muốn báo Phật ân, nên mau thủ tiêu tập Yếu Giải mới phải, có đâu lại muốn soạn chú thích để giúp tập ấy lưu thông?".

Chờ cho Thượng tọa khỉ bình, Mộ Liên Pháp sư chậm rãi nói: "Ông cho rằng Ngẫu Ích Đại sư soạn tập Yếu Giải này là có tội rất nặng, đó là ông chỉ biết ngọn ngành mà không rõ nguồn gốc. Phải biết tội ấy thiệt không phải nơi bộ Yếu Giải của Ngẫu Ích Đại sư, mà chính là tại đức Thích Ca Mâu Ni, đức A Mi Đà, thập phương chư Phật cùng Tịnh Độ Tam kinh và tại nơi các kinh giáo Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bửu Tích, Bí Hoa v.v... cùng tại nơi các đại Bồ tát Tô Sư như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh ([10]) v.v..."

Nếu quả thiệt ông là vị đại Pháp Vương ([11]) tuyên bố trí tội ấy, mọi người mới có thể tuân theo lời của ông. Bằng không thời nào khác gì gã dân ngu ở thôn dã tự xưng Hoàng đế, tự đặt pháp luật, trái nghịch chỉ dụ của chính phủ, tất khó khỏi tội chết. Lời kết tội của ông quả là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng tất sẽ đọa địa ngục chịu khổ nhiều kiếp, thật đáng thương thay!".

Pháp sư nói đến đây, Thượng tọa chầm hambi bảo: "Sao Sư lại trái với lệ thường mà nói tội tại nơi Phật, Bồ tát và Tô Sư. Xin Sư biện rõ duyên cớ. Nếu lời lẽ của Sư đúng lý, tôi đâu dám chẳng tuân theo".

Mộ Liên Pháp sư nói: "Đức Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện

ra đời. Đại sự nhân duyên là chi? Là muốn làm cho chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật tri kiến để thành Phật mà thôi.

Đó là mục đích độ sanh duy nhứt của đức Phật.

Ngặt vì chúng sanh cǎn tánh không đồng, có bậc đại cǎn, có hạng tiều cǎn ([12]), chổ mê chướng lại kẽ sâu người cạn. Đức Phật không thể thực hành sự giáo hóa theo chủ định tối tiên, phải theo trình độ từng lớp người mà dạy dỗ, theo bệnh mà cho thuốc. Vì THẬT mà khai QUYỀN rồi khai QUYỀN mà hiển THẬT ([13]). Nơi trên pháp Nhứt thừa nói ra nhiều giáo thuyết. Với hạng người cǎn lành thuần thực thời làm cho thảng lên bờ giác. Với hạng nghiệp chướng sâu dày thời đưa lầm ra khỏi trần lao. Đức Phật chịu khó dạy bảo, theo dõi từng người để dắt dùi. Thật là ơn lớn đức dày, trên đời không ơn gì sánh kịp.

Lại vì tất cả pháp môn đều nương tự lực, dầu là hạng người thiện cǎn sâu dày triệt ngộ tự tâm, nhưng nếu kiến hoặc và tư hoặc ([14]) còn có đôi chút chưa sạch thời vẫn y nhiên là chúng sanh trong vòng luân hồi sanh tử; huống lại khi đã thọ thai có thân ngũ ấm tất sẽ xúc cảnh móng tinh; người từ tở ngộ đến tở ngộ thời ít, mà kẽ từ mê đi sâu vào mê lại nhiều. Bậc thượng cǎn còn nguy nan như thế, kẽ chỉ đến hạng trung và hạ.

Phải biết tự lực đoạn kiến hoặc khó như đoạn dòng sông rộng bốn mươi dặm, đoạn tư hoặc lại muôn vạn lần khó hơn. Giải thoát sanh tử đâu phải là vấn đề dễ dàng.

Vì thế nên những pháp môn chuyên thuộc tự lực, chưa thỏa mãn ý muốn độ sanh của đức Phật, vì chưa có thể lợi ích khắp cả cho hết thảy ba hạng chúng sanh.

Duy có môn niêm Phật cầu sanh Tịnh độ nương nguyện lực rộng lớn của đức Phật A Mi Đà, tất cả lục đạo chúng sanh không luận cǎn lành thành thực hay chưa thành thực, không luận ác nghiệp nặng hay nhẹ nếu ai bằng lòng tin chắc phát nguyện trì niệm hồng danh A Mi Đà Phật, thời quyết định được đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc Tịnh độ, là hạng thiện cǎn thành thực tất chóng viên mãn Phật quả, nhẫn đến kẻ ác nghiệp nặng cũng đặng dự hàng Thánh.

Nên biết pháp môn niêm Phật là yếu đao độ sanh của chư Phật, và là diệu pháp mà trên thi Thánh nhơn đại Bồ tát, dưới đến phàm phu đều đồng tu. Vì thế nên trong các kinh liễu nghĩa Đại thừa luôn nhắc đến, mà lịch đại Tổ sư không ai chẳng tuân hành.

Ông tự phụ là thông Thiền tông giỏi giáo lý, mà lại nói quấy rằng người hoằng truyền môn Tịnh độ là báng chánh pháp đoạn diệt Phật chủng. Rõ ràng ông đã mắc phải ma quỷ dựa, loạn tâm diên cuồng mà tự gây lấy tội địa ngục. Sao ông lại nhận mê lầm làm giác ngộ chỉ chánh nhơn cho là tà vạy như thế?

Xét về đức Thích Ca Mâu Ni và Phật A Mi Đà, từ nơi kiếp xưa từng phát đại nguyện độ thoát chúng sanh ([15]). Đức Thích Ca thị hiện ở uế độ dùng uế dùng khổ để chiết phục và thúc đẩy chúng sanh tiến tu. Còn đức A Mi Đà thời an tọa nơi Tịnh độ dùng tịnh dùng vui để nghiệp thọ và đào luyện cho mọi người nên Thánh quả.

Ông thấy dân quê người hèn cũng niệm Phật được rồi vội miệt thị Tịnh độ, sao không xem kỹ lại kinh Hoa Nghiêm về phẩm Nhập Pháp Giới, đức Thiện

Tài sau khi chō ngô chō chứng đã sánh kề với chư Phật, Phổ Hiền Bồ tát bèn dạy cho pháp mười điều đại nguyện để hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới hầu chóng viên mãn Phật quả, và cung khuyên khấp cả hải chúng trong Hoa Tang ([16]). Xét về hải chúng trong Hoa Tang không có một ai là phàm phu hay nhị thừa cả, chỉ ròng là 41 bậc Pháp thân Bồ tát, đồng phá vô minh đồng chứng pháp tánh, tất cả đều có thể hiện thân làm Phật độ sanh nơi thế giới không Phật. Trong Hoa Tạng Hải có vô số Tịnh độ, mà chí chuyên quyết hồi hướng cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, đủ thấy rằng vãng sanh Cực Lạc là huyền môn thoát khổ, là đường tắt thành Phật.

Vì lẽ ấy nên từ xưa tới nay bao nhiêu tự viện, tòng lâm thuộc Thiền, thuộc Giáo, hay Luật, tất cả nơi nơi đều sớm tối niệm Phật phát nguyện cầu sanh Cực Lạc.

Ông là người ở trong Thiền môn đi tham phỏng các tòng lâm, hàng ngày tất cung có niệm Phật phát nguyện sao trở lại hủy báng Tịnh độ?

Kinh Hoa Nghiêm là vua trong các kinh mà cũng là vua cả tam tạng, không tin Hoa Nghiêm thời là hàng nhứt xiển đè ([17]), thọ tận át khó khôi khổ quả nơi địa ngục.

Tôi muốn thoát khổ mà cầu sanh Tịnh độ, còn ông muốn chắc khổ mà hủy báng Hoa Nghiêm. Thời ông cứ gìn lấy chí của ông, tôi thời giữ lấy đạo của tôi. Xin ông đi đi, tôi không muốn cùng ông biện luận thêm nữa!

ĐEM THIỀN GẠN TỊNH

Thượng tọa nói: "Chánh pháp quý nơi hoằng thông, có nghi cần phải hỏi để giải quyết, sao sư nỡ xua đuổi như thế.

Tôi từng nghe: Tỳ Lô Giá Na ([18]) khấp tất cả, chō Phật ngự gọi là Thường Tích Quang. Thế thời chỉ cần chứng pháp thân, đương xứ tức là Tích Quang Tịnh Độ. Hè tất dùng tâm sanh diệt bỏ Đông (Ta bà) cầu Tây (Cực Lạc) ư?".

Mộ Liên Pháp sư nói: "Sao ông nói dễ dàng thế; Tích Quang Tịnh Độ dầu rằng đương xứ tức là đó. Nhưng nếu chưa phải là bậc trí đức đoạn đức cứu cánh ([19]), chưa viên chứng Tỳ Lô Pháp thân, thời chưa có thể triệt để thọ dụng. Trong Viên giáo, bậc Thập địa, Đẳng giác còn là phần chứng. Nếu ngài đã viên chứng Tỳ Lô Pháp thân, thời tha hồ mà nói đương xứ là Tích Quang. Còn nếu chưa phải viên chứng mà nói, thời rõ là nói ăn cùng đếm của ([20]), tất khó khôi chết đói chết rét".

Thượng tọa nói: "Câu duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di Đà là lời thường nói của nhà Thiền lẽ đâu lại sai lầm?".

Mộ Liên Pháp sư nói: "Lời của nhà Thiền nói đó chính là chuyên luận về lý tánh, chứ không phải bàn đến sự tu. Như thế là vì muốn cho người trước ngộ lý tánh rồi sau y theo tánh khởi hạnh tu tập để đạt đến sự siêu phàm nhập Thánh, tức chúng sanh mà thành Phật đạo. Sao chō tri kiến của ông lại điên đảo, nhận sự với lý lộn lạo như thế!

Vừa rồi ông cho rằng bỏ Đông cầu Tây là sanh diệt, mà ông không ngờ rằng chấp lấy Đông bác bỏ Tây lại sa vào lỗi đoạn diệt. Lúc chưa chứng Phật quả có ai ở ngoài phạm vi thủ xả (lấy bỏ)? đức Phật ta từ lúc phát Bồ đề tâm trải ba vô số kiếp tu Bồ tát hạnh, trên cầu thành Phật dưới cứu độ chúng sanh, dứt nghiệp hoặc chứng chơn thừa, có điều nào không phải là sự thủ

xã?

Phải biết Đức Như Lai muốn cho chúng sanh sớm chứng Tịnh Quang và Pháp thân, nên đặc biệt hết lời khuyên mọi người niệm hồng danh cầu sanh Cực Lạc.

Thượng tọa gạn: "Ngài Tào Bá phán pháp pháp môn Tịnh độ là quyền giáo chớ không phải thật giáo. Có sao Hoa Tạng hải chúng lại đồng nguyện vãng sanh? Ngài Tào Bá hiện đời chứng Thánh, thần thông trí huệ chẳng thể nghĩ lường, tất là Bồ tát thị hiện. Không lẽ ngài phán sai?"

Mộ Liên Pháp sư đáp: "Trong kinh Hoa Nghiêm về phẩm Nhập Pháp giới, quyền thứ 80, sau khi ngài Thiện Tài chứng bậc Đẳng giác, đức Phổ Hiền liền nói kệ tán thán công đức thắng diệu của Như Lai. Rồi tiếp đến quyền thứ 81, tức là phẩm Hạnh Nguyện, đức Phổ Hiền thuyết mười điều nguyện vương, khuyên Thiện Tài cùng chư đại Bồ tát đều phát nguyện hồi hướng cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới. Lúc Phổ Hiền dứt lời, đức Phật hai lần khen ngợi. Toàn thể đại chúng trong pháp hội đều phụng hành.

Cố đức từng bảo: Pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, duy Phật cùng Phật mới thấu đáo, bậc đại Bồ tát vẫn chưa hiểu trọn hết. Ngài Tào Bá đâu có là Bồ tát thị hiện, song vì thời kỳ ngài, bộ kinh Hoa Nghiêm dịch chưa xong nên ngài không thể đoán trước được. Sau khi ngài tịch hơn 50 năm, toàn bộ Hoa Nghiêm 81 quyền mới được phiên dịch hoàn mãn ([21]).

Xét theo kinh Hoa Nghiêm thời bậc thượng căn đại trí đều nghiệp cả về Tịnh Độ.

Kinh Đại Tập nói: "Thời mạt pháp ức ức người tu hành khó có một người được giải thoát. Chỉ nương pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi". Xem đây thời Tịnh độ gồm trùm cả lục đạo chúng sanh.

Ông tin ngài Tào Bá mà không tin kinh Hoa Nghiêm, kinh Đại Tập, như thế khác nào người tin theo chỉ thị của quan huyện mà không tuân sắc dụ của Tổng thống.

Thượng tọa hỏi: "Ngài Tào Bá đã là Bồ tát thị hiện, thời cần gì đợi đến xem kinh rồi mới biết?".

Mộ Liên Pháp sư đáp: "Vấn đề hoằng dương Phật pháp không phải là sự dễ. Nói đâu phải có vấn kinh làm chứng đến đó, mới thủ tín được. Kinh Hoa Nghiêm lại vượt hẳn các kinh khác nên không do đâu để suy luận, trong khi kinh Hoa Nghiêm chưa lưu hành".

Thượng tọa lại gạn: "Khi kinh Niết Bàn chưa truyền sang, sao ngài Đạo Sanh tuyên bố trước rằng hàng nhứt xiển đê đều có Phật tánh. Có lẽ nào ngài Tào Bá lại sút ngài Đạo Sanh?"

Mộ Liên Pháp sư đáp: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhứt xiển đê là chúng sanh tất cũng có Phật tánh. Phàm người trí thức đều có thể suy hiểu mà đoán trước. Còn về vấn đề vãng sanh Cực Lạc để chóng viên mãn Phật quả, ngoài Hoa Nghiêm, các kinh khác tuyệt chưa nói đến. Ai dám tự phụ kiến thức của riêng mình để lập nghĩa!

Vả lại, chỗ tu chứng của hai ngài, chúng ta làm sao rõ được. Đâu nên đem hai ngài so sánh để bàn suông.

Phải biết chư Bồ tát hoằng pháp có nhiều cách: hoặc thuận hoặc nghịch, hoặc ẩn hoặc hiển, kiến thức phàm phu không thể hiểu thấu. Biết chừng đâu ngài Tào Bá thị hiện không rõ thấu để thúc đẩy thêm sự tín hướng của người sau!".

Thượng tọa hỏi: "Các sư trong Thiền tông thường có lời báu Tịnh độ là lẽ gì?".

Mộ Liên Pháp sư: "Các sư trong Thiền tông chỉ truyền Phật tâm. Lời của các Sư nói ra đều thẳng đến lý tánh. Ông đã nhiều năm tham thiền mà còn chưa hiểu ý đó, thời dù thấy rằng chỗ kiến giải của ông tất là những ác kiến phá hoại Thiền tông thôi".

Thượng tọa nói: "Tôi đâu dám tự mình bịa ra, chỉ vì lời của chư vị Tổ Sư quyết có thể y cứ. Nay xin thuật vài điều:

Lục Tổ bảo: Người phương Đông tạo tội cầu sanh Tây phương. Còn người Tây phương tạo tội cầu sanh cõi nào?

Triệu Châu nói: Một chữ Phật ta không thích nghe. Và lại nói: Lão tăng mà niệm Phật một tiếng thời súc miệng ba ngày.

Các sư trong Thiền tông thường nói ra những lời như thế là lẽ gì?".

Mộ Liên Pháp sư đáp: Lục Tổ trực chỉ lý tánh để người đối diện nhận lấy tự tâm. Ông lại đem phân tích chữ nghĩa biện luận về phần tu trì, thế là nhận lấy yên lừa làm cầm cự kỵ nhơn. Sao ông quá sai lầm đến thế?

Ông nên biết người ở Cực Lạc đều sạch kiến tư phiền não, tiến phá trần sa hoặc cùng vô minh để chứng pháp thân, chỉ có tiến tu tuyệt không có sự tạo tội. Nhưng nay cứ luận coi họ sẽ sanh về cõi nào?

Người ở Ta bà đây niệm Phật nếu chưa đoạn kiến tư phiền não, nhờ nguyện lực của Phật mà được vãng sanh thời sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh độ. Một khi đã sanh Cực Lạc thời kiến tư phiền não sẽ triệt để tiêu diệt, khác nào chút tuyết ném vào lò lửa đốt lập tức liền tan. Kiến tư sạch hết thời sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư Tịnh độ. Bậc phần phá vô minh thời sanh về cõi Thật Báo Vô Ngại Trang Nghiêm Tịnh độ. Vô minh sạch hết, phước và huệ đã viên mãn thời sanh về cõi Thường Tích Quang Tịnh độ.

Sao ông lại quá lo cho họ không chố sanh để rồi chướng mình ngăn người không chịu cầu sanh? Khác nào kẻ quá khờ khạo nghe nói ăn cơm mắc nghẹn, rồi sợ quá mà không dám ăn để cam đói chết!

Ông thuật rằng ngài Triệu Châu nói: Một chữ Phật ta không thích nghe. Sao ông không thuật luôn câu dưới: Có người hỏi Hòa thượng có độ người không? Triệu Châu đáp: Phật! Phật!

Ông lại chỉ muốn nắm lấy câu: Hễ ta niệm Phật một tiếng thời súc miệng ba ngày. Mà ông quên sót đoạn: Có người hỏi Hòa thượng thọ sự cúng dường của nhà vua như thế sẽ dùng gì để báo đáp? Triệu Châu bảo: Ta niệm Phật! Ông lại quên cả đoạn có người hỏi: Thập phương chư Phật có thầy hay không? Triệu Châu đáp: Có. Hỏi: Thế nào là thầy của chư Phật? Triệu Châu đáp: A Mi Đà Phật! A Mi Đà Phật!

Ông lại hỏi tại sao chư sư trong Thiền tông thường nói ra những lời như

thế? Ông nên biết rằng chư sư khi đối cơ người mà có thốt lời ra, gọi là cơ phong, là chuyển ngữ. Hỏi ở nơi đáp, đáp ở nơi hỏi. Nếu người học đạo không biết hồi quang phản chiếu tự tâm, mà lại một bẽ suy xét chữ nghĩa, thời là ăn lấy bã hèm, đuổi theo đất cục, bao giờ thấy tánh được!

Tôi trong vòng xuất gia đã hơn ba mươi năm, luôn nghe miệng chư Tăng truyền câu: Một chữ Phật ta không thích nghe..., mà những câu DÙNG NIỆM PHẬT ĐỀ ĐỘ NGƯỜI, DÙNG NIỆM PHẬT ĐỀ BÁO ƠN VUA, A MI ĐÀ PHẬT LÀ THẦY CỦA CHƯ PHẬT thời ít nghe chư tăng nói đến.

Và tất cả những câu trên đều từ miệng ngài Triệu Châu thốt ra, nếu tin thời phải tin cả, sao lại tự mâu thuẫn lựa câu tốn mà bỏ câu ích.

Xét về lời của Triệu Châu đều quy nơi phần của tự mình. Câu không thích nghe chữ Phật cùng câu niệm Phật để báo ơn v.v... đều là chuyển ngữ cả, nếu người nghe trực hạ thấy được tự tâm, mới biết rằng đạo pháp của Triệu Châu vượt hẳn thường tình, lời của Hòa thượng là xuất cách, tất sẽ siêng lo niệm Phật suốt ngày không ngớt tiếng.

Bằng không được thấy nghe như trên, thời chỉ nên nương theo câu niệm Phật mà dè dặt nơi câu bắc Phật. Theo niệm Phật thời hiện đời thoát khỏi luân hồi. Còn theo bắc Phật tất sẽ sa địa ngục.

Những người theo câu tốn mà bỏ câu ích, phải chăng do vì nghiệp trọng phước khinh, chướng sâu huệ cạn nó khiến như thế ư! (Cứ nơi người nghe không tỏ ngộ hiểu lầm mà gọi là tốn với ích, chứ không phải lời của Tổ sư có tốn có ích).

Ông lại nói lời của chư vị Tổ sư quyết có thể y cứ, sao ông không y cứ nơi Tổ Bách Trượng dạy: TU HÀNH NƯƠNG NIỆM PHẬT LÀ ÔN ĐÁNG. Quy tắc của Tổ phàm kỵ đảo bệnh tăng cùng tổng tang vong tăng đều hồi hướng cầu sanh Cực Lạc.

Tổ thứ 14, đức Long Thọ Bồ tát chứng Sơ địa vãng sanh Cực Lạc. Trong các bộ luận của Tổ soạn ra nhiều chỗ tán dương Tịnh độ. Như Tỳ Bà Sa Luân khen pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh là con đường dễ đi mà chóng đến ([22]).

Đức Mã Minh Đại sĩ, Tổ thứ 12, cuối Luận Khởi Tín dạy phương tiện tối thắng, bảo người niệm Phật cầu sanh Tây phương, thường hầu Phật A Mi Đà để được trụ bậc bất thoái chuyển⁽²⁾.

Sơ tổ Ma Ha Ca Diếp, Nhị tổ A Nan Đà kiết tập các kinh về Tịnh độ. Nếu các kinh về Tịnh độ không lợi ích mà có hại cho người đời sau, lẽ đâu các ngài mù quáng để cho lưu thông!

Trong những kinh về Đại thừa luận thuật và tán dương Tịnh độ. Còn tặng Tiêu thừa thời tuyệt không nói đến. Ông toan muốn tin Tiêu thừa mà bắc bỏ Đại thừa giáo ư!

Lúc đức Thích Ca thuyết kinh A Mi Đà, lục phương hằng sa chư Phật đều hiện tướng lưỡi rộng dài khuyên chúng sanh nên tín họ. Ông lại toan cho rằng chư Phật muốn làm hại chúng sanh ư!

Nếu cho rằng với Lục Tổ, Triệu Châu v.v... không thể không tin, thế thời với các ngài Ca Diếp, A Nan, Mã Minh, Long Thọ, Thích Ca Mâu Ni, A Mi Đà, lục phương chư Phật lại càng không thể không tin. Thấy gần không rõ xa,

biết nhỏ không hiểu lớn, khác nào dân quê chỉ mộ thể lực của quan huyện, quan quận, mà không biết đến oai đức của Tổng thống, Hoàng đế. Như trẻ nhỏ ham tấm gương đồng mà không đoái hoài đến viên bảo châu như ý.

*

THIỀN KHÔNG BẢO ĐÀM GIẢI THOÁT BẰNG TỊNH: TÚ LIỆU GIẢN

Ngừng một giây, Mộ Liên Pháp sư nói tiếp: "Ông có biết ngài Vĩnh Minh Diên Thọ Trí Giác Thiền sư khai thị bốn bài kệ liệu giản, trong ấy chỉ rõ sự lợi hại đắc thất của Thiền, của Tịnh. Vĩnh Minh là bậc Tổ Sư tông tượng của Thiền Tông và Liên tông, có lý nào nỡ di hại cho người ư?"

Thượng tọa nói: "Liệu giản của Vĩnh Minh không đủ cho người noi theo. Vì trong ấy nói ai có thiền có tịnh thời như cọp thêm sừng, hiện đời làm nhơn sư đời sau làm Phật Tổ. Xem như hiện nay người tu thiền tham cứu câu: Niệm Phật đó là Ai? Có người mẫn nǎm trụ niệm Phật đường để niệm Phật, những vị ấy có được hiện đời làm nhơn sư đời sau làm Phật Tổ chăng?".

Trong liệu giản lại nói: "Không thiền mà có tịnh thời mười người tu mười vãng sanh, nếu được gặp Phật A Mi Đà lo gì không khai ngộ. Xem như hiện nay vô số người niệm Phật, chưa thấy được mấy người lúc lâm chung hiện các thoại tướng nhờ Phật tiếp dẫn vãng sanh Tịnh độ. Thế nên biết rõ ràng liệu giản của Tổ Vĩnh Minh không có chứng nghiệm cụ thể".

Mộ Liên Pháp sư nói: "Sao ông lại trêu trạo nuốt trôi không chịu nhai nếm vị ngọt của trái như thế".

Nghiên cứu kỹ lời liệu giản của Tổ Vĩnh Minh chính là cương tông của Đại tạng, là quy giám của sự tu trì, trước nén nhận chơn thể nào là Thiền là Tịnh, thể nào là Có là Không, rồi sau mới gãm xét toàn văn, sẽ thấy rằng trong liệu giản ấy, mỗi chữ vững như trời tạo đất lập. Không chữ nào không hiệp đúng, không một chữ có thể thay đổi. Ông vội phê bình liệu giản một cách mù mờ, vu vơ. Từ mấy mươi năm nay, tôi thấy các Thiền sư, Giảng sư phần đông cũng đồng kiến thức như ông, trách nào Thiền lẩn Tịnh mỗi ngày mỗi suy tàn!

Thượng tọa yêu cầu: "Xin Sư hoan hỷ giải rành thế nào là THIỀN là TỊNH và thế nào là CÓ là KHÔNG".

Mộ Liên Pháp sư nói: "Thiền chính là chơn như Phật tánh sẵn có của chúng ta. Thiền tông gọi là bỗn lai dien mục trước khi cha mẹ sanh, mà không nói rõ ra, cố muốn cho người tự tham cứu tự ngộ láy. Kỳ thật chính là: TÂM THẾ THUẦN CHƠN, LINH TRI LY NIỆM KHÔNG NĂNG KHÔNG SỞ TỨC TỊCH TỨC CHIẾU vậy.

TỊNH chính là TIN SÂU NGUYỄN THIẾT CHUYÊN TÂM TRÌ DANH CẦU SANH CỰC LẠC. Chẳng phải thiền chỉ duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di Đà.

Người hành thiền khi sức tham cứu đã tột vọng niệm dừng, vọng tình dứt, suốt thấy bỗn lai dien mục, minh tâm kiến tánh đó gọi là "có Thiền".

Còn người tu Tịnh độ chơn thật phát Bồ đề tâm, tin sâu nguyên thiết chuyên trì hồng danh cầu sanh Tây phương Cực Lạc, thế gọi là "có Tịnh".

THIỀN và TỊNH là ước về giáo lý. Còn CÓ THIỀN cùng CÓ TỊNH là cứ nơi người

tu. Về giáo lý thời hằng nhiên không đổi, Phật không thể thêm, phàm không thể giảm. Còn người tu thời cần phải y cứ nơi giáo mà lập hạnh, công hạnh cao tột chứng lý. Làm sao nơi mình thiêt được thiêt có. Hai điều ấy (THIỀN TỊNH cùng với CÓ THIỀN CÓ TỊNH), vẫn dầu tương tự mà ý rất không đồng nhau, phải suy xét kỹ, chớ nên mù mờ lộn lạo.

Hoặc như người tham thiền mà chưa ngộ, hay ngộ mà chưa thấu triệt đều không được gọi là CÓ THIỀN.

Còn như người niêm Phật mà thiên chấp duy tâm, không có tín nguyện, hay có tín nguyện mà tín không sâu, nguyện không thiết, làm lấy lệ lấy có, hoặc dầu tinh tấn mà tâm tham luyến cảnh dục trần, hoặc cầu đời sau sang giàu hay sanh lên cõi trời, hoặc cầu đời sau làm tăng đê hoằng dương Phật pháp phô lợi quần sanh, tất cả đều không được gọi là TỊNH”.

Thượng tọa ngắt lời gạn: “Xuất gia làm tăng hoằng pháp lợi sanh có lỗi gì mà cũng bị khai trừ?”.

Mộ Liên Pháp sư đáp: “Nếu là bậc đã dứt sạch nghiệp chướng cùng phiền não, đã thoát sanh tử, rồi nương sức đại nguyện thị hiện có thân nơi cõi trước ác để cứu độ chúng sanh thời được.

Trái lại, nếu là hạng chưa chứng quả giải thoát mà sanh vào đời trước, khó bảo đảm không mê. Dầu có thể hoằng pháp mà tự mình chưa chứng quả Vô sanh tất bị hoàn cảnh chi phối, trần duyên sai sứ. Người mê mà may mắn được ngộ rất hiếm. Kẻ mê rồi đi sâu vào cõi mê muôn kiếp trầm luân thời phần nhiều.

Đức Bổn sư Thích Ca ta vì có này nên hết lời khuyên đại chúng hiện thời cũng như mọi pháp chúng sanh, phải cầu sanh Cực Lạc để được thấy Phật nghe pháp mau chứng Vô sanh nhẫn, rồi sau sẽ tùy nguyện vào Ta bà để cứu độ chúng sanh. Như thế thời có tiến mà không thoái, có lợi mà không tổn.

Vấn đề chưa chứng quả Vô sanh giải thoát mà ở mãi nơi Ta bà, các tông khác có chô cho, còn tông niêm Phật thời cầm hắn. Nhiều người cho rằng tham thiền là có Thiền, niêm Phật là có Tịnh. Đó là chẳng những không rõ Thiền với Tịnh, mà đến văn nghĩa cũng không biết nốt. Thế là cô phụ tâm đại từ bi của Tổ Vĩnh Minh, làm trở ngại con đường tắt thoát khổ của người tu hành. Chính là nhận làm hướng địa bàn, sai một ly lạc ngàn dặm!”.

*

CHÁNH GIẢI TỨ LIỆU GIẢN

Thượng tọa nói: “Đã nhờ Sư lược giải về THIỀN TỊNH cùng CÓ KHÔNG, xin Sư từ bi giảng rõ toàn văn cho”.

Mộ Liên Pháp sư nói: “Bài kệ liệu giản thứ nhứt, Tổ nói:

Có Thiền lại có Tịnh độ

Cũng như cọp mọc thêm sừng

Hiện đời làm thầy của người

Đời sau sẽ làm Phật, Tổ. ([23])

Nhà hành đạo này triệt ngộ Thiền tông minh tâm kiến tánh, đó là CÓ THIỀN. Lại suốt thấu kinh tạng hiểu rành cả các pháp môn quyền thật, rồi chọn lấy môn Tín Nguyện Niệm Phật để mình thực hành cùng khuyễn hóa người, đó là CÓ TỊNH.

Trong *Thập Lục Quán* kinh nói bậc Thượng phẩm Thượng sanh đọc tụng Đại thừa hiểu đệ nhứt nghĩa khuyến tấn hành giả chính là người này đây. Vị này có đại trí huệ đại biện tài. Tà ma ngoại đạo nghe danh vỡ mạc. Như hổ mọc sừng còn thú nào dám đối địch!

Có ai đến cầu pháp liền theo cơ giáo hóa. Kẻ đáng học môn Thiền Tịnh song tu thời dạy cho môn Thiền gồm tu Tịnh, người đáng học môn chuyên tu Tịnh độ thời dạy cho môn chuyên tu Tịnh độ. Không luận là hạng thượng căn hay là hạ trí, một khi đến cầu đạo liềnặng lợi ích lớn. Thế chẳng phải là hiện đời làm đạo sư của người ư! Đến khi lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm, hoa nở thấy Phật chứng Vô sanh, bậc cao thời siêu Thập địa Đẳng giác Bồ tát, thấp nhứt cũng ở bậc Viên sơ trụ Bồ tát. Bậc Viên sơ trụ Bồ tát còn có thể hiện làm Phật độ sanh trong một trăm thế giới không Phật, huống là 40 bậc Bồ tát trên. Thế chẳng phải là đời sau làm Phật Tổ ư!

Bài kệ liệu giản thứ hai, Tổ bảo:

Không Thiền chỉ có Tịnh Độ

Muôn người tu, muôn vãng sanh

Khi gặp Phật A Mi Đà

Lo gì không được khai ngộ. ([24])

Người chưa minh tâm kiến tánh, nhưng lại quyết chí cầu sanh Tây phương Cực Lạc, hạng tinh tấn tu định huệ chắc được vãng sanh đã dành, nhân đến kẻ cả đời tạo ác, lúc sắp chết mà có tâm rất ăn năn hối hận, chí thành khẩn thiết, xưng Nam mô A Mi Đà Phật, dầu chỉ được trong mười tiếng liền tắt hơi, đều nhờ nguyện lực của Phật nghiệp thọ vãng sanh Tịnh độ. Như chương Cửu Phẩm Vãng Sanh trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nói rõ. Thế chẳng phải là muôn người tu muôn người vãng sanh là gì! Nhưng nơi đây nên nhận thêm rằng: Phật A Mi Đà phát đại thệ nguyện nghiệp thọ chúng sanh niệm Phật thiết tha chí thành như con nhớ mẹ, thời cùng Phật cảm cách. Không luận niệm Phật lâu mau nhiều ít đều được tiếp độ cả. Chẳng nên đem sự niệm Phật một cách lơ là lây lất mà so sánh. Sau khi vãng sanh Cực Lạc thế giới, dầu rằng sự thấy Phật nghe pháp có sớm muộn khác nhau, song đều đồng dự Thánh lưu, chóng hay chầy đồng chứng Thánh quả. Đã chứng Thánh quả thời cần gì bàn đến vấn đề khai ngộ. Đó là khi gặp Phật A Mi Đà lo gì không được khai ngộ!

Bài kệ liệu giản thứ ba, Tổ nói:

Có Thiền mà không Tịnh Độ

Mười người hết chín chần chờ

Đến lúc ấm cảnh hiện tiền

Chớp mắt theo nó mà đi. ([25])

Hạng này dầu triệt ngộ Thiền tông minh tâm kiến tánh nhưng kiến tư phiền não chưa dẽ đoạn trừ, phải trải qua nhiều công phu tu trì gột rửa cho sạch cả mới ra khỏi luân hồi sanh tử. Nếu còn một phần phiền não thời lục đạo luân hồi vẫn y như cũ, nói chi đến người chưa đoạn được phần nào!

Biển sanh tử rộng sâu, đường Bồ đề xa vời, chưa kịp quy gia mà tử thần đã đến, mười người đại ngộ hết chín người như thế. Đó là trong mười người hết chín người chần chờ.

Chữ TA trong nguyên văn là TA ĐÀ tục gọi chần chờ. Còn ÂM CẢNH là TRUNG ÂM THÂN CẢNH, chính là lúc lâm chung, những cảnh thiện hay ác đã gây tạo trong đời này hay đời trước đều tuần tự hiện ra, trong chớp mắt liền theo cảnh nào mạnh nhất mà đi thọ sanh không thể tự chủ được. Quy Sơn bảo: như người mắc nợ chủ mạnh kéo trước, dầu tâm nhiều mối chõ nặng riêng sa.

Gương của Giới Tỗ và Thảo Đường nên phải biết. ([26])

Có người giải nghĩa chữ TA là LÂM, còn ÂM CẢNH là NGŨ ÂM MA CẢNH. Đó là vì chẳng hiểu nghĩa chữ THIỀN cùng chữ CÓ nên mới cắt nghĩa sai quấy đến thế. Bao giờ có bậc đại triệt đại ngộ lại trong mười người hết chín người lạc đường đi theo ngũ ấm ma mà bị ma dựa, là toàn những hạng tăng thượng mạn, không thông giáo lý không ngộ tự tâm, tu mù luyện đui mà bị hại thôi. Sao lại đem gá cho bậc đại triệt đại ngộ. Vấn đề này quan hệ rất lớn, không nên không biện rõ.

Bài kệ thứ tư, Tỗ nói:

Không Thiền cũng không có Tịnh

Giường sắt nóng cùng cột đồng

Trải muôn kiếp đến ngàn đời

Không nương cây vào ai được. ([27])

Có người nhận lầm rằng: không Thiền không Tịnh là những kẻ vùi đầu tạo nghiệp ác không tu hạnh lành, hiểu như thế là sai lầm!

Nên biết pháp môn của Phật dạy nhiều vô lượng, chỉ có Thiền cùng Tịnh độ là đúng cơ hơn hết. Người tu hành mà chưa đại triệt đại ngộ là không Thiền, lại cũng không có tín nguyện niệm Phật là không Tịnh. Đã không định huệ huân tu đoạn hoặc chứng chơn, lại không do đâu nhờ nguyện lực của Phật nghiệp thọ để đời nghiệp vãng sanh. Hiện đời tu hành có phước đức, cảm được phước báu nhơn thiên ở đời kế, chưa chứng Thánh trí tất bị phước nghiệp xoay chuyển sê mê say nơi cảnh trần dục lạc mà tạo nhiều tội. Đã tạo tội ắt khó trốn khỏi ác quả nơi địa ngục ở đời sau, cả kiếp chịu khổ trên giường sắt nóng, bên cột đồng đỗ để đèn tội tham dâm hại vật. Chư Phật, chư Bồ tát dầu luôn thương xót, nhưng vì ác nghiệp của họ tự chướng lấy nên không được độ, nên bài kệ nói muôn kiếp ngàn đời không nương cây vào ai được.

Người xưa có nói: Phàm người tu hành mà không có chánh tín cầu sanh Cực Lạc, đi tu các thiện pháp khác, thời gọi là oan gia đời thứ ba, chính là một ý với bài kệ này. Bởi vì đời này tu hành đời kế hưởng phước, rồi ý

phuộc lực mà tạo nghiệp ác, tất đời sau sẽ bị đọa lạc. Được hưởng phuộc giả tạm nơi đời kế mà nhiều kiếp thọ khổ ở tương lai. Dầu cho mẫn tội địa ngục, nhưng còn phải trải qua quỷ súc. Biết đâu rồi sẽ không tạo nghiệp ác thêm mà đọa xuống nuga ([28]). Mong thoát tam đồ được thân người lại là điều rất khó trong các điều khó ([29]).

Đức Phật ta từng lấy ngón tay chấm đất rồi đưa ra hỏi Tôn giả A Nan đất dính trên tay là nhiều hay đất của quả địa cầu nhiều? A Nan bạch đất của địa cầu nhiều. Đức Phật liền phán dạy: Được thân làm người như đất dính trên tay, còn mất thân người như đất của toàn quả địa cầu.

Cứ theo chỗ so sánh tỷ lệ của đức Phật, thời lời Tồ nói muôn kiếp ngàn đời vẫn còn là lời luận gân, vì cuộc nai văn kệ.

Xét về các pháp môn khác chuyên nương tự lực, còn pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh, thời chuyên nương Phật lực. Các môn khác khi sạch hết phiền não mới thoát ly sanh tử, còn môn Tịnh độ thời đới nghiệp vãng sanh liền dự hàng Thánh ([30]).

Tồ Vĩnh Minh sợ người đời không nhận được chỗ lợi ích rộng lớn của pháp môn niệm Phật vãng sanh nên đặc biệt làm kệ liệu giản để chỉ dạy. Đáng gọi kệ liệu giản là chiếc thuyền báu nơi bến mê, là vị Đạo sư nơi đường hiềm. Rất tiếc rằng người đời chỉ đọc phớt qua chẳng chịu nghiên cứu cho kỹ. Phải chăng chúng sanh đồng phận ác nghiệp nó khiến thế ư!

*

THƯỢNG TỌA PHÁT NGUYỆN

Thượng tọa nghe Mộ Liên Pháp sư giảng đến đây, đứng dậy chắp tay thưa, với một giọng run run đầy cảm động: "Tôi đời trước tạo tội gì mà đến nỗi mê muội chơn thuyền. Hôm nay may mắn được nghe sư giảng dạy chắc cũng do nơi túc phuộc. Tôi thành thật xin dự vào hàng tăng chúng ở đây, để được hầu hạ sư sớm tối".

Mộ Liên Pháp sư khiêm tốn nói: "Bần tăng đây có tài đức gì mà dám lanh lời của Thượng tọa. Những lời tôi vừa giảng giải ở trên, chỉ là thể theo ý của Phật Tồ. Nếu Thượng tọa có thể ngưỡng tin nơi Phật Tồ mà hoằng dương môn Tịnh độ, thời tất báo được ơn, tiêu được tội. Xưa kia, ngài Thiên Thủ hoằng dương Đại thừa để chuộc tội trót lỡ hủy báng ([31]). Thượng tọa nếu có thể noi theo gương Thiên Thủ Bồ tát, thời bần tăng này xin xả thân cúng dường.

Thượng tọa liền lẽ Phật niệm hương phát nguyện rằng: "Con là M. M. Bất dầu hôm nay chuyên tu tịnh nghiệp. Trong mong lúc lâm chung được vãng sanh thương phảm, thấy Phật nghe pháp liền chứng vô sanh, sau rồi dùng sức thần thông tự tại, không rời Cực Lạc, phân thân ở khắp thập phương thế giới, hoặc thuận hoặc nghịch, hoặc ẩn hoặc hiển, dùng đủ phương tiện hoằng thông môn Tịnh độ để cứu khổ chúng sanh, mãi đến cùng tận thuở vị lai không ngừng không nghỉ. Hư không dầu có tận, chí nguyên của con vẫn vô cùng. Cúi mong đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đức Từ Phụ A Mi Đà thập phương Tam Bảo đồng bùa đức từ nghiệp thọ chứng minh cho con".

Mộ Liên Pháp sư khuyên: "Về sự Tịnh độ là đại nhân duyên. Về Lý Tịnh độ là tặng bí mật. Nếu Thượng tọa có thể tín thọ phụng hành, đó là đem công đức trang nghiêm của Phật mà trang nghiêm cho chính mình đấy".

Thượng tọa liền vâng dạ vái chào mà lui ra.

KẾ HỒI HƯỚNG

Nguyện đem công đức việc dịch này

Hồi hướng trang nghiêm tịnh Phật độ

Cầu cho kẻ thấy cùng người nghe

Đồng tu niệm Phật sanh Cực Lạc.

Hoa nở thấy Phật nghe pháp âm

Nghiệp chướng tiêu trừ phiền não sạch

Thần thông trí huệ độ muôn loài

Đồng về Cực Lạc đồng thành Phật.

HÂN TỊNH

*

Dưới đây là một Đại sư tự thuật sự thức tỉnh của mình (*Trước khinh niệm Phật cầu sanh, sau tỉnh ngộ phát tâm quy kính tu trì pháp môn niệm Phật*), như vị Thượng tọa, nhưng với một trường hợp khác.

LƯỢC SỬ NGƯƠƠN CHIẾU ĐẠI SƯ

(Trích ở tập Đường Về Cực Lạc thứ hai)

Ngươn Chiếu Đại sư tự Trạm Nhiên, họ Đường, người ở Dư Hàng. Lúc đầu ngài chuyên học luật với Huệ Giám Luật sư, sau theo hầu Thần Chiếu Thiền sư nghe giảng Giáo Quán Thiên Thai. Khi ngài thọ giới Bồ tát nơi Quảng Từ Pháp sư, giới quang phát chiếu cả giới đàn. Cảm sự linh ứng ấy, ngài chuyên nghiên cứu Luật tạng, cầm bút khắt thực nơi chợ.

Về sau ngài trụ chùa Linh Chi ba mươi năm truyền giới độ Tăng hơn sáu mươi hội ([32]). Hàng ngày, ngài chuyên chí noi Tịnh độ. Ngài thường nói: "Lúc sống thời hoằng truyền giới luật, khi chết thời về Cực Lạc; đó là chỗ sở đắc của tôi". Ngài có soạn nghi Tịnh độ lê sám và viết lời tựa rằng: "Ngươn Chiếu này từ khi đến giới đàn, bèn biết chuyên lo học Luật. Kế gặp Thiên Thai Thần Ngộ Xử Khiêm Pháp sư hết lòng sách tấn, tôi mới nghiên cứu Phật thừa. Và do đó mà tôi phát nguyện: Thường sanh tại Ta bà ngũ trược ác thế làm đại đạo sư dù dắt quần sanh đem về Phật đạo".

Tôi đọc Cao Tăng truyện, thấy Huệ Bố Pháp sư nói: "Cực Lạc dầu thanh tịnh mà chẳng phải chỗ nguyện của tôi. Giả sử mươi hai kiếp hưởng vui trong hoa sen, đâu bằng ở tam đồ cứu khổ chúng sanh!". Do đây tôi càng nắm chắc chí hướng cũ, trải qua nhiều năm trọn không có quan niêm quy hướng nơi môn Tịnh độ, lại thêm khinh chê người tu tịnh nghiệp. Năm nọ tôi mang bệnh nặng, thân gầy yếu, tâm mê loạn. Trong lúc đó toàn không chủ định. Nếu chết sẽ không biết về đâu. Sau khi bệnh lành, tôi liền xét biết quan niêm ngày trước là lỗi, vì chí nguyện dầu là to rộng, song mình chưa đủ khả

năng. Buồn khóc cảm thương, tôi tự quở tự trách.

Tôi giờ tập Thập Nghi Luận ra xem, thấy trong ấy nói Sơ tâm Bồ tát chưa chứng Vô sanh nhẫn, không được rời Phật.

Trong ấy lại dẫn lời Trí Độ Luận: "Cụ phược phàm phu có tâm đại bi rồi nguyện sanh trong cõi ác trước để cứu khổ chúng sanh, quyết không nén! Ví như trẻ thơ, chẳng nên xa cha mẹ, chim non chỉ nên chuyền hành". Từ đó tôi vắt cả sở học ngày trước, chuyên tìm xem các bộ kinh cùng luận dạy về Tịnh độ, ngót hai mươi năm chưa từng tạm hở. Tôi nghiên cứu tinh tường giáo lý, duyết khắp cả cổ kim. Những quan niệm nghi ngờ về môn Tịnh độ tiêu rã như sương tan; lòng tin Tịnh độ của tôi ngày càng sâu chắc. Tôi lại thấy lời luận về hai môn "chuyên tu" cùng "tập tu" của Thiện Đạo Hòa thượng: "Nếu chuyên tu thời trãm người tu, trãm người vãng sanh; còn tạp tu thời nghìn muôn khó được một hai".

Tôi xét mình tâm chí tán loạn, quán hạnh khó thành, nên chỉ chuyên tâm trì niệm bốn chữ hồng danh. Nhiều đời bỏ cha trốn đi, nay mới tự thấy là biết về nhà. Tôi đem chỗ mình đương tu tập khuyên nhắc mọi người cùng tu. Pháp môn thắng diệu do tín tâm mà được thành. Như đức Đại Thế Chí do tâm niệm Phật mà chứng được viên thông, nhập tam ma địa. Tôi lại gẫm xét: mình năm xưa không tin Tịnh độ, hủy pháp, khinh người, tạo vô lượng tội nghiệp. Trong lòng chẳng xiết hổ thẹn, sớm tối lo sợ, đối trước Phật đài phát lộ tâm can, năm vóc mợp đất tha thiết sám hối.

Rồi tôi lại phát nguyện: "Nhiếp tất cả chúng sanh đồng tu môn niêm Phật, đều vãng sanh Cực Lạc".

Muốn thường tu tập, phải lập nghị thức khóa trình, nên tôi mới soạn các văn của tiền bối hiệp thành sám pháp này. Từ đầu tới cuối, trình bày mười hai môn. Trong đây đều chuẩn theo lời Phật cùng ý Tổ. Người sau đọc đến, sẽ rõ chí hướng của tôi.

Ngoài ra, ngoài có soạn Quán Kinh Nghĩa Sớ, A Mi Đà Phật Kinh Nghĩa Sớ. Về phần trừ thuật của ngoài, cả thảy hơn hai trăm quyển.

Năm Chánh Hòa thứ sáu, mùa Thu, ngài bảo tăng chúng tụng Quán Kinh và Phổ Hiền Hạnh Nguyện phẩm. Ngài ngồi kiết già, yên lặng lóng nghe rồi an nhiên mà tịch. Lúc đó mọi người đồng nghe tiếng thiên nhạc khắp hư không...

(Trích ở: Lạc Ban Văn Loại, Phật Tổ Thông Kỷ,

Cao Tăng Truyền)

*

TRÍCH LỤC NHỮNG KINH

VỀ TÂY PHƯƠNG TỊNH ĐỘ TRONG ĐẠI TANG

Năm mươi năm thuyết giáo, đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cả vạn pháp môn. Trong đó, duy có pháp môn Tây phương Tịnh độ, đức Bổn sư giảng dạy rất nhiều lần hơn cả và cặn kẽ hơn cả. Cứ đây mà xét, đủ thấy rằng pháp môn này rất thích hợp và rất lợi ích cho người nhứt. Dưới đây tôi sẽ tuân tự giới thiệu các kinh dạy về pháp môn này mà tôi đã được đọc, đồng thời lược chép vài đoạn văn thiết yếu trong ấy, hầu giúp thêm tài liệu nghiên

cứu và khải tín cho các bạn đồng tu. Ngoài ra, tôi tin rằng còn rất nhiều kinh giảng về pháp môn này mà tôi chưa được đọc tới, mong nó sẽ được bồ túc ở các bậc đa văn.

1. ĐẠI A MI ĐÀ KINH

Nguyên dòng một bồn văn Phạn, dịch thành năm bồn văn Hán:

A - Vô Lượng Bình Đẳng Thanh Tịnh Giác kinh

B - Vô Lượng Thọ Kinh

C - A Mi Đà Kinh

D - Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh

E - Bửu Tích kinh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại thành Vương Xá, núi Linh Thủ, vì Di Lặc Bồ tát và A Nan Đà tôn giả mà nói về nhơn hạnh bồn nguyễn và quả địa của đức Phật A Mi Đà, Giáo chủ cõi Tây phương Cực Lạc. (*Tử Pháp Tạng Tỳ kheo phát 48 điều đại nguyện, vô số kiếp tu nhơn v.v... cho đến thành Phật nơi Cực Lạc*).

2. QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT KINH

Đức Thích Ca ở tại Vương Xá thành, núi Kỳ Xà Quật, vì Hoàng thái hậu Vi Đề Hi mà giảng về cõi Cực Lạc và đức Phật A Mi Đà. Đồng thời dạy rành mười sáu phép điều quán. (*Tử pháp quán mặt trời lặn nhãm đến cửu phẩm vãng sanh. Trong đây tả cảnh Cực Lạc cùng thân hình Phật A Mi Đà, Quan Âm, Thế Chí rất rõ*).

3. PHẬT THUYẾT A MI ĐÀ KINH

Đức Bồn sư ở Tinh xá Kỳ Hoàn nước Xá Vệ, kêu ông Xá Lợi Phất mà nói về đức Phật A Mi Đà và tả cảnh trang nghiêm thanh tịnh của Cực Lạc thế giới cùng hết lời khuyên mọi người nên tín hướng niệm Phật cầu vãng sanh. Có cả chư Phật lục phương đồng lên tiếng chứng minh và khuyên chúng sanh tín hướng.

(*Ba bộ kinh trên đây giảng nói về Tây phương Tịnh độ rành rẽ và đầy đủ nhất, muốn rõ xin xem nguyên bồn*).

4. CÔ ÂM THANH VƯƠNG KINH

Đức Phật Thích Ca giảng tại Chiêm Ba Đại Thành. Trong ấy nói nếu hàng tại gia hay xuất gia thọ trì danh hiệu của Phật A Mi Đà, đến khi mạng chung, Phật A Mi Đà và Thánh chúng tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc thế giới v.v...

5. A MI ĐÀ PHẬT KỆ KINH

Trong đây toàn văn kệ, đức Bồn sư thuật và khen đức A Mi Đà.

6. HOA NGHIÊM KINH NHẬP PHÁP GIỚI PHẨM

Giải Thoát Trưởng giả bảo Thiện Tài Bồ tát: "Ta nếu muốn thấy đức Vô Lượng Thọ Như Lai (Phật A Mi Đà) ở An Lạc thế giới (Cực Lạc) tùy ý liền thấy v.v..."

7. HOA NGHIÊM KINH HẠNH NGUYỆN PHẨM

Đức Phổ Hiền khuyên tán Thiện Tài Bồ tát và đại chúng Bồ tát tu mười nguyện lớn. Đến lúc mạng chung, thân căn hư rã, quyền thuộc tiền của đều lìa tan, chỉ có nguyện lớn này theo mãi không rời, sẽ đưa người vãng sanh Cực Lạc thế giới. Đến Cực Lạc liền thấy đức Phật A Mi Đà, cùng thấy Văn Thủ, Phổ Hiền, Quan Âm, Di Lặc các vị đại Bồ tát. Tự thấy mình sanh trong hoa sen, được Phật A Mi Đà thọ ký. Khi đã được thọ ký, có sức trí huệ, tùy cơ của chúng sanh trong vô lượng thế giới ở mười phương mà giáo hóa lợi ích v.v... Nhẫn đến có thể vào trong biển đại khổ phiền não cứu vớt chúng sanh làm cho ra khỏi và đều được sanh về Cực Lạc thế giới của đức Phật A Mi Đà v.v...

8. ĐIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH

Trong phẩm *Dược Vương*, đức Phật Thích Ca nói: "Người nghe kinh điển này đúng như chỗ kinh dạy mà tu hành, sau khi mạng chung liền được sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Mi Đà. Sanh trong hoa sen trên tòa báu, ở chung với chúng đại Bồ tát, liền được Bồ tát thần thông vô sanh pháp nhẫn. Được pháp nhẫn này rồi, nhẫn căn thanh tịnh thấy được trăm vạn hai ngàn ức-na do tha hằng sa chư Phật Như Lai v.v...".

9. THỦ LĂNG NGHIÊM KINH

Đại Thế Chí Bồ tát bạch Phật Thích Ca: Tôi nhớ hằng hà sa kiếp xưa, có Phật Vô Lượng Quang ra đời... rồi đến Phật Vô Biên Quang ra đời. 12 đức Phật ra đời trong một kiếp. Đức Phật thứ 12 hiệu Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy tôi pháp niệm Phật tam muội: "Ví như hai người, một thời chuyên nhớ, còn người kia thời chuyên quên, hai người như thế, hoặc gặp nhau cũng thành không gặp, hoặc thấy nhau cũng như không thấy. Hai người ấy mà nhớ nhau cho sâu chặt, thời đời đời không xa rời nhau, đồng như hình với bóng. Chư Phật thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con... Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền và đương lai tất định thấy Phật, cách Phật không xa. Chẳng cần phương tiện, tự động tâm trí khai thông. Như người ướp dầu thơm, nơi thân có mùi thơm, đây gọi là hương quang trang nghiêm. Nhơn địa của tôi do tâm niệm Phật, nhập vô sanh nhẫn. Nay tôi ở thế giới Ta bà này nghiệp người niệm Phật về Cực Lạc Tịnh độ...".

10. BƯỚU TÍCH KINH

Đức Bồn sư nói với Phụ vương (Tịnh Phạn vương): "Tất cả chúng sanh đều là Phật. Phụ vương nên niệm Tây phương thế giới A Mi Đà Phật thường siêng tinh tấn sẽ được thành Phật". Vương hỏi: "Thế nào tất cả chúng sanh là Phật?". Đức Bồn sư giảng: "Tất cả quyết vô sanh, không động lay, không thủ xả, không tướng mạo, không tự tánh. Nên an trụ tâm minh trong Phật pháp này chớ tin nơi khác". Bấy giờ Phụ vương cùng bảy vạn người dòng Thích, nghe Phật giảng, tin hiểu vui mừng ngộ vô sanh nhẫn. Đức Phật mỉm cười mà nói kệ rằng:

Họ Thích có trí quyết định

Thế nên ở nơi Phật pháp

Quyết định tin, tâm an trụ

Sau khi bỏ thân người đây

Được sanh về nước An lạc (Cực Lạc)

Gần gũi Phật A Mi Đà

Chứng vô úy thành Bồ đề.

11. BƯỚU TÍCH KINH

Phật Thích Ca bảo Di Lặc Bồ tát phát tâm mười điều, được vãng sanh Cực Lạc:

Ở nơi chúng sanh có tâm đại bi, không bức náo.

Ở nơi chúng sanh có tâm đại từ, không tồn hại.

Có tâm thủ hộ Phật pháp, không tiếc thân mạng.

Có tâm thăng nhẫn, không chấp trước đối với tất cả pháp.

Có tâm ý nhạo thanh tịnh, không tham lợi dưỡng cung kính tôn trọng.

Có tâm luôn cầu Phật trí không lúc nào quên.

Có tâm tôn kính chúng sanh không hề khinh rẻ.

Có tâm quyết định nơi Bồ đề phần, không mê theo thế luận.

Vun trồng thiện căn với tâm thanh tịnh không tạp nhiễm.

Khởi tâm niệm Phật xa lìa các tướng.

Trên đây gọi là Bồ tát phát tâm mười điều. Do tâm này sẽ được vãng sanh. Nếu trong mười tâm ấy, bất luận thành tựu một tâm nào, mà ưa thích vãng sanh Cực Lạc thế giới của Phật A Mi Đà, thời quyết định được sanh.

12. BÁT CHU TAM MUỘI KINH

Đức Phật Thích Ca bảo Bát Đà Hoa Bồ tát: Nếu Sa môn hay bạch y nghe Tây phương A Mi Đà Phật, rồi thường niệm được nhứt tâm trong một ngày đêm hay đến bảy ngày đêm. Sau bảy ngày thấy Phật A Mi Đà. Ví như chỗ thấy trong chiêm bao, không biết là đêm hay ngày, không phân là trong hay ngoài, không phải vì tối mà chẳng thấy, không phải vì nhà vách ngăn che mà chẳng thấy... bèn thấy đức Phật A Mi Đà, nghe Phật ấy nói kinh, đều thọ trì được cả, rồi ở trong chánh định đều có thể vì người thuyết pháp đủ cả.

13. QUÁN PHẬT TAM MUỘI KINH

Văn Thủ Bồ tát tự thuật túc nhơn được Niệm Phật tam muội, sẽ sanh Tịnh độ. Đức Thích Ca thọ ký rằng: Ông sẽ vãng sanh Cực Lạc thế giới.

14. ĐẠI TẬP KINH PHẨM HIỀN HỘ

Đức Phật Thích Ca nói với Pháp Hội: Người cầu Vô thượng Bồ đề nên tu Niệm Phật thiền tam muội... Rồi Phật nói kệ:

Nếu người xưng niệm Phật A Mi Đà

Gọi đó là vô thượng thâm diệu thiền

Lúc chí tâm tưởng tượng được thấy Phật

Chính là đắc pháp bất sanh bất diệt.

15. THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT KINH

Bấy giờ trong pháp hội có bốn ức chứng, tự biết rằng chết đây sanh kia, dây dưa không dứt, chính ái dục là nguồn của sanh tử, nên muốn sanh về cõi không ái dục. Đức Phật Thích Ca bảo: "Cách đây về phương Tây có Phật hiệu Vô Lượng Thọ, cõi ấy thanh tịnh không có dâm, nộ, si; liên hoa sanh không do bào thai của cha mẹ, các ông nên cầu sanh".

16. NHƯ LAI BẤT TƯ NGHỊ CÀNH GIỚI KINH

Bồ tát biết rõ tất cả pháp đều là duy tâm, đăng tùy thuận nhẫn, hoặc nhập sơ địa. Mạng chung liền sanh về trong Cực Lạc Tịnh độ, hay Diệu Hỷ thế giới v.v...

17. TÙY NGUYỆN VĂNG SANH KINH

Vô lượng cõi Phật, sao lại chỉ chuyên cầu sanh Cực Lạc thế giới? - Một là vì nhơn thù thắng, do thập niêm làm nhơn. Hai là vì duyên thù thắng, do 48 điều nguyện phỏ độ chúng sanh.

18. XUNG DƯƠNG CHƯ PHẬT CÔNG ĐỨC KINH

Nếu ai được nghe danh của Vô Lượng Thọ Như Lai (Phật A Mi Đà) nhứt tâm tin ưa. Lúc người này mạng chung, đức Phật A Mi Đà và chư Thánh hiện ra trước mặt, ma chướng không làm hoại loạn được tâm chánh giác của người này... Nếu ai thọ trì tụng niệm kinh này, sẽ được phước vô lượng, khỏi hẳn tam đồ, sau khi mạng chung, vãng sanh cõi của đức Phật ấy.

19. ĐẠI VÂN KINH

Đức Bổn sư dạy: "Này thiện nam tử, về hướng Tây của thế giới Ta bà này có một cõi gọi là An Lạc. Giáo chủ là Phật Vô Lượng Thọ, hiện nay thường vì chúng sanh mà tuyên giảng chánh pháp. Đức Phật ấy đương bảo một vị Bồ tát rằng: đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Ta bà thế giới đương nói kinh Đại Vân cho những chúng sanh bạc phước độn căn. Ông nên qua đó chí tâm nghe pháp. Điềm lành hiện ra đây chính là vì vị Bồ tát ấy sắp đến đây. Thiện nam tử này! Ông xem các vị Bồ tát ở cõi An Lạc thân cao năm vạn sáu ngàn do tuần".

Bạch Đức Thế Tôn! Vì Bồ tát sắp đến đây danh hiệu là chi? Đến đây để làm gì, phải chẳng là muốn độ chúng sanh mà đến? Xin đức Thế Tôn nói cho đại chúng được rõ.

Này thiện nam tử! Vị Bồ tát ấy đến đây là vì muốn nghe việc thọ ký của Tịnh Quang, và muốn cúng dường chánh định ấy. Ngài hiệu là Vô Biên Quang (tức Đại Thế Chí Bồ tát), dù trí phương tiện, có thể giáo hóa, dẫn đạo chúng sanh một cách khéo giỏi.

20. LĂNG GIÀ KINH

Đức Phật phán: Ngày Đại Huệ! Ông nên biết sau khi ta diệt độ, có vị danh đức Tỳ kheo ở xứ Nam Thiên Trúc, hiệu là Long Thọ. Tỳ kheo ấy đẹp được sự tranh chấp của các tông về Hữu với Vô, dễ nêu cao pháp vô thượng Đại thừa của ta. Vì ấy chứng bậc sơ Hoan Hỷ địa và vãng sanh nước An Lạc.

21. ĐẠI BI KINH

Sau khi đức Phật nhập Niết bàn, xứ Bắc Thiên Trúc có Tỳ kheo hiệu Kỳ Bà Già, tu tập vô lượng thiện căn tối thắng, mang chung sanh về thế giới của Phật Vô Lượng Thọ cách đây trăm ngàn ức cõi về hướng Tây. Sau đây, ông sẽ thành Phật hiệu là Vô Cầu Quang Như Lai.

22. HOA NGHIÊM KINH, NHẬP PHÁP GIỚI PHẨM

Đức Văn Tỳ kheo nói với Thiện Tài Bồ tát rằng: "Ngài chứng được Niệm Phật tam muội, và đây là lời của ngài thuật lại công dụng của Niệm Phật tam muội mà ngài đã được: Ta được môn "Úc niệm nhứt thiết chư Phật cảnh giới trí huệ quang minh phô kiến". Trong chánh định thường hiện cõi và cung điện trang nghiêm thanh tịnh của tất cả chư Phật. Có thể làm cho chúng sanh thấy Phật rồi được thanh tịnh. Làm cho chúng sanh chứng nhập trong mười trí lực của Như Lai. Thấy vô lượng đức Phật và được nghe pháp. Bình đẳng thấy tất cả thế giới. Thấy thần thông tự tại của chư Phật. Thấy công việc làm của chư Phật trong tất cả thời gian. Thấy mình luôn gần bên Phật không xa rời. Thấy Phật cao đẹp hơn tất cả. Muốn thấy đức Phật nào, thời liền được thấy. Khắp thấy chư Phật tuần tự hiện trong tất cả cảnh giới. Chư Phật nhập Niết bàn đều thấy cả. Trong một niệm thấy rõ sự xuất hành của tất cả chư Phật. Trong mỗi thân Phật đều lớn đầy cả hư không pháp giới. Vô lượng chư Phật ra đời đều đến hầu hạ. Trong nhứt tâm, thấy rõ cả chư Phật thành chánh giác hiện ra đời thuyết pháp độ sanh. Hiện cảnh tượng nghiệp thiện ác của chúng sanh đã gây tạo cho chúng thấy dễ họ tự giác ngộ. Thấy Phật ngự trên tòa sen báu rộng lớn nở xòe trùm pháp giới. Thấy vô lượng thân của Như Lai trang nghiêm".

23. QUANG MINH GIÁC PHẨM

Đức Văn Thủ Bồ tát ở trước Phật nói kệ rằng:

Khi đi đứng lúc nằm ngồi

Thường niệm công đức của Phật

Ngày đêm chờ để tạm quên

Phải nén siêng tu như vậy...

24. HIỀN THỦ PHẨM

Thấy người lâm chung khuyên niệm Phật

Lại chỉ tượng Phật bảo chiêm ngưỡng

Khiến người sanh lòng kính tin Phật

Nênặng thành quang minh Như Lai...

25. THẬP ĐỊA PHẨM

Từ bậc ban đầu đến bậc rốt sau, mỗi địa đều nói rằng tất cả chõ làm của Bồ tát đều không rời niệm Phật.

26. TỌA THIỀN TAM MUỘI KINH

Bồ tát tọa thiền không niệm tất cả, chỉ niệm một đức Phật bèn chứng được tam muội.

27. VĂN THÙ BÁT NHÃ KINH

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn Thủ Bồ tát: Muốn chóng thành quả Vô thượng Bồ đề, phải tu Nhứt hạnh tam muội. Người muốn nhập Nhứt hạnh tam muội phải ở chõ vắng vẻ rảnh rang, nghiệp tâm chánh niệm để tâm nơi một đức Phật rồi chuyên xung danh hiệu, nên ngồi ngay thẳng hướng về phía đức Phật ấy (*niệm Phật A Mi Đà thời xoay mặt về hướng Tây*). Nếu có thể chuyên niệm một đức Phật nối luôn, bền ở trong chánh niệm thấy được chư Phật trong mười phương ba thuở. Công đức niệm một đức Phật cùng công đức niệm vô lượng đức Phật bằng nhau. Nếu được Nhứt hạnh tam muội, thời được trí huệ biện tài, tất cả pháp môn đều thấu rõ. Ngày đêm, tuyên giảng không trệ, không tuyệt. Sức đa văn biện tài của A Nan trăm nghìn phần văn không bằng một phần của người được Nhứt hạnh tam muội này...

28. ĐẠI TẬP KINH

Mặt thế, ức ức người tu hành không có một người được giải thoát; chỉ nương pháp môn niệm Phật mà ra khỏi luân hồi.

Kinh lại nói: Nếu người chuyên niệm Phật, hoặc ngồi mà niệm, hoặc đi mà niệm, ròng rãt trong 49 ngày, thời hiện đời được thấy Phật, liền được vãng sanh...

Trích lục ngày 1 tháng Giêng,

Phật lịch 2501 (1957)

Hân Tịnh

[1] Xem lược sử của chư Tỷ ở bộ Đường Về Cực Lạc tập I và tập II.

[2] Nguyên bản đền Hồng Loa Sơn Mộ Liên Pháp Sư Di Cảo Phổ Đà Sơn Án Quang Đại Sư Thuật.

[3] Bậc trí thức là những vị có đại trí huệ, đại biện tài có thể làm đạo sư cho người. Hạng người phước đầy nghiệp nhẹ, trí sâu chướng cạn đó là cẩn tánh thù thắng. Trái lại người nghiệp nặng, phước mỏng, trí cạn

chướng sâu đó là cẩn tánh lậu liệt.

[4] Tín nguyễn niêm Phật cầu vãng sanh đó là tông Tịnh độ.

[5] Mộ Liên Pháp sư tự xưng

[6] Đây là theo Nho bác Phật.

[7] Thánh nhơn đây là chỉ cho Khổng Phu Tử

[8] Niệm Phật chánh định: tâm và Phật hiệp nhứt, Phật cảnh hiện tiền.

[9] Quyền này của Tri Húc Đại sư hiệu Ngẫu Ích soạn ra để giải chỗ yếu
lãnh của kinh A Mi Đà. Đại sư là bậc triệt ngộ Thiền tông và là tổ thứ 9
Liên tông (xem lược sử của Tô bộ Đường Về Cực Lạc tập nhứt

[10] Văn Thủ, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Thiện Đạo, Vĩnh Minh là bậc đại
Bồ tát cùng đại Tổ sư hoằng dương môn niệm Phật. Lược tích của các ngài ở
bộ Đường Về Cực Lạc tập I. Trí Giả Đại sư, Tổ của tông Pháp Hoa có lược
sử ở bộ Đường Về Cực Lạc tập II. Thanh Lương Đại sư, Tổ thứ tư của tông
Hoa Nghiêm.

[11] Bậc viên mãn Phật quả, là vua của tất cả pháp, ở nơi tất cả pháp
được hoàn toàn tự tại.

[12] Căn khí Đại thừa là đại căn, người căn khí Tiểu thừa là tiểu căn.

[13] Chỉ thăng đến Phật tri kiến là Thật giáo; phương tiện khác là Quyền
giáo.

[14] Kiến hoặc có 88 phẩm, do mê lý tú để mà ra, thấy lý tú để thời diệt,
nên gọi là kiến sở đoạn hoặc.

Tu hoặc có 81 phẩm, sau khi tò ngộ đế lý, (kiến đạo) rồi tư duy, tu tập mà
dứt lần lần. Khi dứt sạch hết thời giải thoát sanh tử luân hồi trong tam
giới, nên gọi nó là tư sở đoạn hoặc hay tu sở đoạn hoặc.

[15] Vua Vô Tránh Niệm và Phụ tướng Bảo Hải (xem toàn sử ở bộ Đường Về
Cực Lạc tập I).

[16] Mười đại nguyện: một là lễ kính chư Phật, hai là xưng tán Như Lai,
cho đến mười là phỏ giao hồi hướng. Xem toàn văn nơi phẩm Phổ Hiền hạnh
nguyễn.

[17] Hạng cực ác, bất cự tín, đoạn thiện căn.

[18] Thanh tịnh Pháp thân Phật

[19] Trí đức cứu cánh là đại Bồ đề. Đoạn đức cứu cánh là đại Niết bàn.

[20] Luận nói suông về sự ăn thời không no được. Kẻ nghèo ngồi tĩnh đếm
của tiền các nhà giàu tất không hết nghèo được.

[21] Ngài Tào Bá ở vào thời vua Đường Huyền Tông. Phẩm Hạnh Nguyên dịch

xong vào thời Đường Đức Tông.

[22] Xem Đường Về Cực Lạc tập I

[23] Nguyên âm: Hữu Thiền hữu Tịnh Độ. Du như đới giác hồ. Hiện thế vi nhơn sư. Lai sanh tác Phật Tổ.

[24] Nguyên âm: Vô Thiền hữu Tịnh Độ. Vạn tu vạn nhơn khứ. Nhược dắc kiến Di Đà. Hà sầu bất khai ngộ.

[25] Nguyên âm: Hữu Thiền vô Tịnh Độ. Thập nhơn cửu ta lỘ. Âm cảnh nhược hiện tiền. Miết nhĩ tùy tha khứ

[26] Ngũ Tổ Giới Diễn chuyển sanh làm Tô Đông Pha. Thanh Thảo Đường chuyển thân làm Tăng Lỗ Công. Hai vị này là bậc đại ngộ nhập thiền định. Ngài Thảo Đường mỗi lần ngồi Thiền 49 ngày mới xuất định. Hai ngài nếu kiêm tu Tịnh độ quyết định Thượng phẩm vãng sanh thành đại Bồ tát, nhưng vì chỉ chuyên một mặt tu Thiền nơi đới kế phải sa đọa. Rất tiếc! Rất tiếc!

[27] Vô Thiền, vô Tịnh độ. Thiết sàng tính đồng trụ. Vạn kiếp dũ thiêng sanh. Một cá nhơn y hộ.

[28] Tôi còn nhớ một đêm nọ đương tung kinh dưới ngọn đèn dầu, chợt có con thằn lằn trắng bò nằm bên đèn ngược đầu nhìn thẳng. Tôi ngỡ là nó nghe kinh, lòng mừng cho con vật biết phát tâm, tôi to tiếng tụng và nhìn nó. Bỗng một con bướm đáp xuống, nó đớp lấy rồi tha chạy lên vách. À té ra là nó rình mồi chờ không phải có ý nghe kinh. Bất giác tôi sa nước mắt.

[29] Giữa lúc cùng ông Cấp Cô Độc cân nền để dựng tịnh xá Ký Hoàn, Tôn giả Xá Lợi Phất bỗng bùi ngùi than thở. Ông Cấp Cô Độc bạch hỏi, Tôn giả lấy tay chỉ con kiến đen đang bò trên đất mà bảo ông Cấp Cô Độc: "Ta nhờ huệ nhẫn mà biết rằng, hồi thời Phật Tỳ Ba Thi về quá khứ nơi đây có con kiến đen, trải qua thời Phật Thi Khí, Phật Tỳ Xá Phù, Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hầm, Phật Ca Diếp, và hiện nay Phật Thích Ca Mâu Ni, con kiến ấy cứ mãi luân hồi, và bây giờ vẫn đáo hoàn thân kiến, chính là con kiến đen đang bò trên đất đấy. Nghĩ mà xót thương cho chúng sanh mê muội muôn kiếp trầm luân, nên ta than thở". Nghe xong ông Cấp Cô Độc cũng ngậm ngùi ứa lụy.

[30] Xuồng nước hòn sỏi nhỏ vẫn chìm. Nhờ ghe chờ, một trăm cục đá lớn cũng qua sông được.

[31] Ngài Thiên Thân ban đầu xuất gia theo phái Tiêu thừa, soạn 500 bộ luận để truyền Tiêu thừa mà công kích Đại thừa. Sau khi được hiểu Đại thừa giáo, ngài rất ăn năn sự sai lầm của mình, tự muốn cắt bỏ lưỡi mình đi. Anh là Vô Trướng Bồ tát khuyên ngăn. Ngài liền soạn 500 bộ luận về Đại thừa để chuộc tội. Ngài là một vị Tổ của tông Duy Thức. Bộ Tịnh Độ Luận là của ngài soạn.

[32] Người ta quen gọi ngài là Linh Chi Hòa thượng hay Linh Chi Luật sư.

*TỪ KHÓA: CHÙA VẠN ĐỨC, THÍCH TRÍ TỊNH, THIỀN TỊNH QUYẾT NGHỊ, TRÍ TỊNH TOÀN TẬP

ĐIỀU HƯỚNG BÀI VIỆT

TRÍCH LỤC QUYỀN 20 – NGỘ TÁNH LUẬN

NGỘ TÁNH LUẬN

Nguyên tác: Bồ Đề Đạt Ma

Dịch và chú giải: Hòa thượng Thích Trí Tịnh

THAY LỜI TỰA

"Nấu cát muốn thành cơm, dầu nấu đến nhiều kiếp cũng chẳng thể thành. Dùng thức tâm phan duyên phân biệt vô thường để tu hành mà muốn được pháp thân Như Lai thường trụ cũng đồng với ví dụ trên". Đây là lời phán dạy Ngài A Nan của đức Phật trong kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Kinh Viên Giác cũng nói:

Bỗn nhơn từ thuở mới phát tâm tu hành của chư Phật Như Lai đều dùng "Trí huệ giác".

Nhơn và quả của Đại thừa không ngoài phạm vi "Ngộ" và "Chứng" bỗn tâm tự tánh.

Thiền tông nói "minh tâm kiến tánh" đó là "tỏ ngộ bỗn tâm tự tánh" vậy.

Sau khi tỏ ngộ rồi y cứ theo bỗn tâm tự tánh ấy để hiển phát thành công hạnh, đó gọi là "xứng tánh hạnh", là "chơn thiêt tu tập" là "vô lậu nghiệp".

Đây mới đúng là "nhơn Phật" để thành tựu "quả Phật" khi viên mãn, ngoài đây không có nhơn nào khác để có thể thành Phật được. Nếu có phương pháp nào khác, cũng của đức Thế Tôn chỉ dạy, đều là những phương tiện để hỗ trợ, để dẫn phát chơn ngôn mà thôi.

Vì thế nên về Phật thừa, vẫn đề "quán tâm" để "tỏ ngộ tự tánh" là phần việc tối khẩn yếu của tất cả những người học Phật, tu Phật và quyền "Ngộ Tánh Luận" của Đức Sơ Tổ Bồ Đề Đạt Ma đây là kim chỉ nam vậy. *Tục Tạng kinh, tập thứ 110.*

Ngày tiền an cư năm Tân Hợi(1971), lần đầu tiên đọc quyền Ngộ Tánh Luận tôi tự cảm thấy như quá quen thuộc về ý nghĩa hàm súc trong ấy. Với nguồn cảm hứng ấy, tôi phiên dịch ra Việt văn, đồng thời theo sự cảm ngộ mà phân đoạn, đặt tên cho mỗi đoạn và ghi lời "phụ chú".

Lời "phụ chú" sau mỗi đoạn mà tôi đã tự phân ra phần lớn là những lời trích lấy từ các kinh các luận mà tôi chợt nhớ lại theo nguồn cảm hứng trong khi đọc nguyên văn, còn tự ý mình lại là phần nhỏ. Có lẽ vì ý nghĩa trong quyền Ngộ Tánh Luận đây nhiều chỗ trùng hợp với văn các kinh các luận mà tôi đã từng ghi nhớ, nên lúc đọc tôi tự cảm như quá quen thuộc chẳng!

Nói là "phụ chú" vì chỉ là ghi thêm câu văn trong các luận, lời dạy trong các kinh, hoặc vài ý nghĩ giản yếu, cốt để phụ giúp cho nguyên văn được sáng tỏ hơn, dễ hiểu dễ nhận hơn, đồng thời để chứng minh với "thánh giáo lượng".

Viết xong đọc lại, tôi sững sót ngẩn ngơ với số đoạn XXXII(32), vì con số 32 đoạn đây ngẫu nhiên trùng với con số 32 chương của quyển kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật mà Chiêu Minh Thái tử nhà Lương đã phân định từ ngàn xưa. Phải chăng đây là oai thần của Tam Bảo, là sự hộ niệm của Liệt Tỗ! Cũng có thể là như thế; vì khi đọc lại những đoạn phụ chú, tôi tự thấy dường như không phải hoàn toàn của chính mình, mà gần như có ai đó ngầm mách vậy. Bằng có là, nếu giờ đây, bắt đầu làm mới lại, chắc rằng tôi không thể làm giống được, làm được y như vậy.

Và như thế, nếu quyển này có mang lại ít nhiều công đức thì đó là công đức của Tam Bảo, của Liệt Tỗ, công với cẩn lành của mọi người, của chúng sanh mà thôi.

Ngày tiền an cư năm Quý Sửu(1973)

Hân Tịnh Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

Cẩn chí

*

BỒ ĐỀ ĐẠT MA

NGỘ TÁNH LUẬN NGHĨA

I. TÔNG VÀ THỂ ĐẠI THỪA

- Tịch diệt là thể của đạo.
- Ly tướng là tông của người tu.
- Kinh dạy rằng: Tịch diệt là Bồ đề, vì diệt các tướng.
- Phật là đấng Giác ngộ.
- Người có giác tâm được đạo Bồ đề nên gọi là Phật.
- Do đây nên biết rằng hữu tướng là tướng của vô tướng, chỉ do trí mà biết chứ không thể dùng mắt để thấy.
- Nghe những điều trình bày trên đây mà có lòng tin, người này phát tâm Đại thừa vượt khỏi tam giới.

Phụ chú:

Đạo là gì?

Là tánh là tâm vậy.

Bản thể của tâm tánh vốn tịch diệt vô tướng.

Kinh Pháp Hoa nói: Các pháp bồn lai thường tự tịch diệt. Lại nói: Các pháp tướng tịch diệt chẳng thể tuyên nói được. Kinh lại dạy: Chư Phật Lưỡng Túc Tôn biết pháp thường vô tánh.

Kinh Bát Nhã nói: Ngũ uần, Lục nhập, Thập Nhị xứ, Thập bát giới, Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục đô, cho đến trí cùng đắc, tất cả đều không.

Luận Khởi Tín cũng nói: Tâm chơn như rời lìa tất cả tướng.

Thế thì người tu muốn được chứng nhập đạo tất phải ly tướng. Nghĩa là nội tâm phải rời tất cả tướng. Rời lìa hai tướng: ngã và pháp. Rời lìa bốn tướng: ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả.

Muốn lìa tướng phải thế nào?

Phải rời vọng tướng phân biệt. Tức phải ly niệm, phải vô niệm vậy.

Kinh Viên Giác dạy: Lòng lòng vô niệm là tùy thuận Viên giác tánh.

Luận Khởi Tín bảo: Nếu được vô niệm gọi là chứng nhập Chơn như.

Hữu niệm là hữu tướng mà tất cả tướng đều là hư vọng là sanh diệt.

Kinh Kim Cang nói: Phàm có tướng đều là hư vọng.

Trái lại vô niệm thì vô tướng, mà vô tướng là chơn thiêt, là thường trụ.

Kinh Kim Cang nói: Rời tất cả tướng gọi đó là chư Phật. Đây là cảnh giới của đại trí huệ, là cảnh giới của Như Lai.

Nghe mà tin được chính là người đã phát tâm đại Bồ đề, đã vun trồng công đức từ nhiều đời nay vô lượng chư Phật. Như trong kinh Kim Cang và kinh Viên Giác đã xác nhận. Người này đã vượt khỏi tam giới hữu lậu, đã vào đường Thánh vô lậu sẽ thành Phật.

II. TÁNH THỂ BẤT GIÀM BẤT TĂNG

- Tam giới là tham sân si.
- Trái với tham sân si là giới định huệ.
- Có giới định huệ gọi là vượt khỏi tam giới.
- Thật ra tham sân si cũng không có thể tánh chơn thiêt. Chỉ y cứ nơi chúng sanh mà nói đó thôi.
- Nếu có thể phản chiếu thì thấy rõ tánh của tham sân si là Phật tánh. Ngoài tham sân si không có Phật tánh riêng.
- Kinh dạy rằng: Chư Phật từ nào vẫn ở tại tam độc mà nuôi lớn các pháp lành, mà thành đấng Thế Tôn.

- Đại thừa hay Tối thượng thừa là chỗ nơi đi của chư Bồ tát: Thừa này là thừa tất cả mà không chỗ thừa, luôn luôn thừa mà chưa bao giờ thừa, đây là Phật thừa.

- Kinh dạy: Không thừa là Phật thừa.

Phụ chú:

Kinh Lăng Già dạy: Vọng tưởng vô tánh. Tánh vô tánh là thiệt tánh, là Phật tánh.

Lại có câu: Phiền não tức Bồ đề.

Tánh phiền não là tánh Bồ đề.

Vì là một tánh duy nhất nên ở phàm tánh ấy chẳng giảm mặc dầu là vọng tưởng phiền não.

Tại Thánh, tánh ấy cũng chẳng tăng dầu là Bồ đề Niết bàn.

Tánh của băng là tánh nước. Mười cân băng đông cứng là mười cân nước ấm lỏng.

Băng cứng nước lỏng vẫn là một chất ướt duy nhất, không giảm dầu cứng, không tăng dầu lỏng.

Vì tâm tánh duy nhất chẳng giảm chẳng tăng, nên tu mà không tu, chứng mà không chứng. Đây là chân tu thiệt chứng, là viên tu viên chứng, cũng là Phật thừa vậy.

Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: Phật pháp là niêm mà vô niêm, hành mà vô hành, ngôn mà vô ngôn, tu mà vô tu.

Kinh Pháp Hoa lại dạy: Chỉ có một Phật thừa không hai cũng không ba.

Bồ Tát Giới kinh bảo: Tất cả pháp bỗn lai không sanh không diệt, chẳng thường chẳng đoạn, chẳng đồng chẳng khác, không đến không đi, chờ mồng tâm phân biệt.

III. VÔ NIÊM THƯỜNG ĐỊNH

- Nếu người biết lục căn chẳng thiệt, ngũ uẩn giả danh, tìm khắp thân thể quyết không chỗ nhứt định, người này hiểu lời dạy của Phật.

- Kinh dạy rằng: Ngôi nhà ngũ uẩn gọi là thiền viện. Soi sáng vào trong mờ toang thấy rõ là cửa Đại thừa.

- Chẳng tưởng nhớ tất cả pháp mới được gọi là thiền định.

- Người tỏ được lời dạy này thì đi đứng nằm ngồi đều là thiền định.

Phụ chú:

Tất cả sự vật thân cảnh cho đến tưởng niệm đều duyên sanh không có tự

tánh, chỉ có giả danh.

Tù chơn không thiêt trí khởi dụng sai biệt giả quán chiếu soi vạn vật thấy rõ thiêt tướng vô tướng của tất cả pháp, không gì chẳng phải là thiền viện, không đâu chẳng phải là cửa Đại thừa.

Tưởng không khởi thì pháp chẳng hiện. Niệm không sanh thì pháp chẳng thành.

Tâm và cảnh vắng lặng như nhau, đây là tự tánh đại định, thường định.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Khắp mọi nơi đều có thân Phật mà Phật vẫn thường ngồi tòa Bồ đề.

Kinh Tịnh Danh nói: Chẳng khởi diệt định mà hiện các oai nghi.

Kinh Kim Cang bảo: Không từ đâu lại cũng không qua đâu nên gọi là Như Lai.

Huệ năng Đại sư thuật: Bỗn lai không mọi vật. Lại nói: Tự tánh đầy đủ tất cả pháp.

IV. TÂM BẤT KHẢ ĐẮC

- Biết tâm là không gọi đó là thấy Phật.
- Vì chư Phật đều vô tâm, nên chẳng thấy tâm gọi là thấy Phật.

Phụ chú:

Tổ Huệ Khả trình bày: Tìm tâm trọn không thể được.

Kinh Kim Cang dạy: Tâm quá khứ chẳng thể được. Tâm hiện tại chẳng thể được. Tâm vị lai chẳng thể được.

Luận Khởi Tín nói: Đại Bồ tát thấy tâm không sanh, hết vô minh thành cứu cánh giác.

Ngược lại, hàng phàm phu luôn có tâm, dùng tâm duyên lấy tâm, tâm tâm diệt sanh nối nhau mãi thành vọng hoặc.

Nếu niệm trước không sanh, niệm sau không diệt; đây là chơn tâm hiển hiện, chơn Phật viên thành, há lại chỉ có thấy Phật ư!

Đàn Kinh nói: Niệm trước chẳng sanh là tâm, niệm sau không diệt là Phật.

V. LOẠN VÀ ĐỊNH ĐỀU RỜI

- Xả thân chẳng tiếc là đại bố thí.
- Rời hẳn động và tịnh là đại tọa thiền.
- Phàm phu chuyên động.

- Nhị thừa chuyên tịnh.
- Rời động và tịnh hơn hẳn phàm phu và Nhị thừa nên gọi là đại tọa thiền.
- Hiểu được ý này thì biết được tất cả pháp, thì lành được tất cả bệnh, là năng lực đại thiền định.

Phụ chú:

Bỏ tịnh ham động là mê muội.

Nhầm động cầu tịnh là thủ xả.

Đâu biết rằng tự tánh bỗn lai không động nào chờ cầu tịnh.

Rồi lìa động tịnh là thấy tự tánh, là biết pháp tánh, là hết tất cả mê chấp, là như như bất động, đây gọi là đại thiền định.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Hai tướng động và tịnh hoàn toàn chẳng sanh.

Năng văn và sở văn đều hết. Năng giác và sở giác đều không.

VI. BÌNH ĐẲNG VÔ SAI BIỆT

- Đem tâm cầu pháp là mê.
- Chẳng đem tâm cầu pháp là ngộ.
- Chẳng chấp văn tự là giải thoát.
- Chẳng nhiệm lực trần là hộ pháp.
- Thoát khỏi sanh tử là xuất gia.
- Chẳng còn thọ thân sau là đắc đạo.
- Chẳng khởi vọng tưởng là Niết bàn.
- Chẳng còn vô minh là đại trí huệ.
- Chỗ không phiền não là Bát Niết bàn.
- Chỗ không tâm tướng là đáo bỉ ngạn.
- Lúc mê thì có thử ngạn.
- Lúc ngộ thì không thử ngạn.
- Hàng phàm phu mãi trụ tại thử.
- Nếu giác ngộ Tối thượng thừa thì tâm chẳng trụ tại thử cũng chẳng trụ tại bỉ, nên có thể rời lìa thử ngạn và bỉ ngạn.

- Nếu thấy bỉ ngạn khác với thử ngạn, tâm người này đã là không thiền định.
- Phiền não gọi là chúng sanh, tảo ngộ gọi là Bồ đề, chẳng phải một chẳng phải khác. Chỉ vì mê và ngộ mà cách biệt đó thôi.
- Khi mê thì có thể gian đặng xuất ly.
- Lúc tảo ngộ thì không thể gian đặng xuất ly.
- Trong tánh bình đẳng chẳng thấy phàm phu khác với Thánh nhơn.
- Kinh dạy rằng: Nơi pháp bình đẳng hàng phàm phu nhập chẳng được, bậc Thánh nhân hành chẳng được. Chỉ có chư đại Bồ tát và chư Phật Như Lai hành nơi pháp bình đẳng.
- Nếu thấy sanh khác với tử, động khác với tĩnh, đều gọi là bất bình đẳng.
- Chẳng thấy phiền não khác với Niết bàn, gọi là bình đẳng. Vì phiền não và Niết bàn đồng một tánh không.
- Người Tiêu thừa vọng đoạn phiền não, vọng nhập Niết bàn, nên bị Niết bàn làm trói ngại.
- Bồ tát biết tánh phiền não là không bền chẳng rời lìa không, nên thường ở tại Niết bàn.
- Niết bàn là tịch diệt
- Tịch diệt mà chẳng sanh.
- Diệt mà chẳng tử.
- Xuất ly sanh tử, xuất Bát Niết bàn, tâm không khứ lai là nhập đại Niết bàn.
- Thế nên biết rằng Niết bàn là tâm không vây.

Phụ chú:

Tâm còn không thể tìm được, còn không thể có được thì tâm đâu để cầu!

Tánh văn tự vốn ly nào có triền phược.

Tình thức chẳng sanh, lấy gì để nhiễm.

Bản tự vô sanh, không nhà để xuất.

Pháp thân thường trụ không đắc không chứng.

Chẳng ngoài vọng tưởng mà chứng Niết bàn.

Chẳng ngoài vô minh mà có đại Trí huệ.

Phiền não tánh không tức là Bát Niết bàn.

Không tâm tướng chính là đại Bồ đề.

Có trí vô sai biệt thấy pháp không sai khác, đây gọi là chứng pháp tánh bình đẳng vậy.

Kinh Kim Cang dạy: Pháp ấy bình đẳng không có cao hạ. Không có cao hạ đây là không sai biệt vậy.

VII. CHÁNH KIẾN VÔ TRỤ

- Chư Phật nhập Niết bàn là ở chỗ không vọng tưởng.
- Bồ tát nhập đạo tràng là ở chỗ không phiền não, là ở chỗ không nhàn.
- Chỗ không nhàn đây là chỗ không tham sân si.
- Tham sân si là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.
- Nếu tâm niệm sanh là nhập tam giới, tâm niệm diệt là xuất tam giới.
- Vì thế nên biết rằng tam giới sanh diệt, vạn pháp có không đều do nhứt tâm.
- Nếu biết tâm là giả danh không thể tánh chơn thiêt, thì biết tự tâm cũng chẳng phải có chẳng phải không.
- Vì hạng phàm phu luôn sanh tâm nên gọi là hữu. Tiêu thừa luôn diệt tâm nên gọi là vô.
- Bồ tát và Phật chưa lúc nào sanh tâm chưa lúc nào diệt tâm, nên gọi là phi hữu phi vô tâm, cũng gọi là Trung đạo.
- Thế nên biết rằng dù lấy tâm học pháp thì đều mê cả tâm lẫn pháp. Chẳng dù lấy tâm học pháp thì tâm và pháp đều ngộ.
- Mê là mê nơi ngộ.
- Ngộ là ngộ nơi mê.
- Người có chánh kiến biết tâm không vô liền siêu việt mê và ngộ.
- Không có mê ngộ mới gọi là chánh tri chánh kiến.

Phụ chú:

Tự tâm chẳng phải có, vì tìm tâm tướng không thể được.

Tự tâm chẳng phải không, vì tự tâm hay sanh muôn pháp.

Huệ Năng Đại Sư trình bày: Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt. Nào ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ. Nào ngờ tự tánh vốn chẳng động lay. Nào ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp.

Tự tánh chính là tâm minh vốn thanh tịnh, chẳng sanh diệt và chẳng động lay là diễn tả tự tánh chẳng phải có vậy. Vốn đầy đủ và hay sanh muôn pháp là diễn tả tự tánh chẳng phải không vậy.

Kinh Lăng Già nói: Như Lai Tạng chơn không bất không. Chơn không là chẳng phải có. Bất không là chẳng phải không vậy.

Luận Khởi Tín nói: Tâm này có hai môn: Chơn như môn và sanh diệt môn.

Luận lại nói: Như thiêt không cảnh, nhơn huân tập cảnh. Chơn như môn và như thiêt không cảnh là tự tánh chẳng phải có. Sanh diệt môn và nhơn huân tập cảnh là tự tánh chẳng phải không vậy.

Kinh Kim Cang nói: Tất cả Hiền Thánh đều do pháp vô vi mà có sai khác. Pháp vô vi là tự tánh chẳng phải có. Có sai khác, là tự tánh chẳng phải không vậy. Rời có lìa không, chẳng dừng ở chặng giữa, đây gọi là trung đạo. Cũng không có trung đạo để an trụ.

Kinh Kim Cang dạy: Phải không có chỗ trụ mà sanh tâm kia... Nếu tâm có chỗ trụ chánh là chẳng phải trụ. Không chỗ trụ và chẳng phải trụ là tâm chẳng phải có. Sanh tâm kia và nếu tâm có chỗ trụ là tâm chẳng phải không. Chẳng phải có tâm chẳng phải không tâm là thiêt vô trụ. Đây gọi là chánh kiến chánh tri vậy.

VIII. SẮC TÂM BẤT NHỊ

- Sắc chẳng tự nó là sắc, mà do tâm mới là sắc.
- Tâm chẳng tự nó là tâm, mà do sắc mới là tâm.
- Vì thế nên biết rằng tâm và sắc cùng sanh lẫn nhau cùng diệt lẫn nhau.
- Hữu là hữu nơi vô, còn vô là vô nơi hữu.
- Đây gọi là chơn kiến.

Phụ chú:

Kinh Thủ Lăng Nghiêm: Do tâm sanh mà pháp sanh, cũng do pháp sanh mà tâm sanh. Do tâm diệt mà pháp diệt, cũng do pháp diệt mà tâm diệt.

Đã là do thì sanh diệt chính là chẳng sanh diệt, chỉ như huyền hóa thôi.

IX. CHƠN KIẾN VÔ KIẾN

- Luận về chơn kiến: Không gì chẳng thấy mà không chỗ thấy. Thấy khắp mười phương mà chưa bao giờ có thấy. Vì không cái bị thấy, không cái hay thấy. Vì thấy mà chẳng phải thấy vậy.

- Chỗ thấy của phàm phu đều là vọng tưởng.

- Nếu tịch diệt không thấy mới gọi là chơn kiến.
- Tâm và cảnh đối nhau sanh ra sự thấy.
- Nếu trong không khởi tâm thì ngoài chẳng sanh cảnh. Tâm và cảnh đồng tịch tịnh gọi là chơn kiến.
- Hiểu biết như đây gọi là chánh kiến.
- Không thấy tất cả pháp gọi là đắc đạo.
- Chẳng hiểu tất cả pháp gọi là hiểu pháp.
- Vì thấy cùng chẳng thấy đều không.
- Vì hiểu cùng chẳng hiểu đều không.
- Thấy mà chẳng thấy mới gọi là chơn kiến.
- Hiểu mà chẳng hiểu mới gọi là thiệt hiểu.
- Luận về chánh kiến: Chẳng phải chỉ thấy nơi thấy mà cũng thấy nơi chẳng thấy.

Luận về thiệt hiểu: Chẳng phải chỉ hiểu nơi hiểu mà cũng hiểu nơi chẳng hiểu.

- Phàm có chỗ hiểu đều gọi là chẳng hiểu.
- Không chỗ hiểu mới gọi là thiệt hiểu.
- Hiểu và không hiểu đều chẳng phải hiểu.
- Kinh dạy rằng: Chẳng xả trí huệ gọi là ngu si.
- Không tâm thì hiểu cùng chẳng hiểu đều chơn.
- Có tâm thì hiểu cùng chẳng hiểu đều vọng.
- Lúc hiểu thì pháp theo người.
- Lúc không hiểu thì người theo pháp.
- Nếu pháp theo người thì phi pháp thành pháp.
- Nếu người theo pháp thì pháp thành phi pháp.
- Nếu người theo pháp thì pháp đều vọng.
- Nếu pháp theo người thì pháp đều chơn.
- Vì thế nên Thánh nhân chẳng đem tâm cầu pháp, chẳng đem pháp cầu tâm,

chẳng đem tâm cầu tâm, cũng chẳng đem pháp cầu pháp.

- Do đây nên nơi Thánh nhơn: Tâm không sanh pháp, pháp không sanh tâm.

Tâm và pháp tịch tịnh cả hai mà thường ở tại chánh định.

- Tâm chúng sanh khởi thì Phật pháp diệt.

- Tâm chúng sanh diệt thì Phật pháp sanh.

- Tâm sanh thì chơn pháp diệt.

- Tâm diệt thì chơn pháp sanh.

- Người đã biết tất cả pháp đều chẳng hệ thuộc nhau, đây gọi là người đắc đạo.

- Người biết tâm chẳng hệ thuộc tất cả pháp, người này thường ở tại đạo tràng.

Phụ chú:

Phàm có chỗ thấy thì quyết định có chỗ không thấy. Thế nên không thấy tất cả có nghĩa là đã thấy rõ tất cả, vì không năng không sở, đây gọi là chơn kiến.

Có tâm nhận được cảnh, đây gọi là sự thấy biết hư vọng.

Tâm không cảnh không, đây gọi là chơn tri chơn kiến.

Duy Thức Luận nói: Nếu hiện tiền còn có cảnh sở đắc là còn hư vọng chưa thấy được thiêt tánh. Nếu trí và cảnh đều bất dứt, rời hẳn năng duyên và sở duyên, đây là thiêt an trụ nơi Duy thức tánh.

Kinh Bát Nhã nói: Không thấy không nghe là chơn Bát Nhã.

Kinh Tịnh Danh cũng bảo: Thuyết giả không nói không dạy, thính giả không nghe không được. Đây là Bồ tát trí.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Động tịnh trọn chẳng sanh. Năng văn và sở văn đều hết. Năng giác và sở giác đều không. Đây là nhập viễn thông.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm lại dạy: Nếu hay chuyển vật thì đồng với Như Lai.

Pháp theo người thì người hay chuyển vật. Chuyển vật thì tâm không hệ thuộc tất cả pháp. Cốt yếu là thiêt hiều vậy.

X. TỘI TÁNH BÔN KHÔNG

- Lúc mê có tội, lúc ngộ không tội. Vì tánh của tội vốn không.

- Khi mê: không tội mà thấy là tội.

- Khi ngộ: Chính nơi tội mà chẳng phải là tội. Vì tội vốn không nơi, không chỗ.

- Kinh dạy rằng: Các pháp vốn vô tánh.
- Chơn dụng chớ nghi ngờ, nếu nghi thì thành tội. Vì tội do nghi hoặc mà phát sanh.
- Người ngộ được ý này thì tội nghiệp đờï trước liền tiêu diệt.

Phụ chú:

Tội từ vọng tâm phát khởi. Tâm đã không thì tội đâu còn. Lại nữa, tội vốn không tự tánh. Không tánh là thiêt tánh. Thiệt tánh là tánh phước đức.

Kinh Pháp Hoa nói: Thấu rõ tướng tội phước chiếu khắp cả mười phương.

Tánh của tội là tánh của phước, là tánh của tất cả pháp.

Thấy tánh thì thành Phật.

XI. ĐẮC VÔ SỞ ĐẮC

- Lúc mê: sáu thức, năm ấm đều là pháp phiền não sanh tử.
- Lúc ngộ: sáu thức, năm ấm đều là pháp Niết bàn vô sinh.
- Người hành đạo chẳng cầu đạo nơi ngoài, vì biết rằng chính tâm mình là đạo.
- Nếu được tâm, không có tâm dễ được.
- Nếu đắc đạo, không có đạo dễ đắc.
- Nếu cho rằng đem tâm cầu đạo dễ đắc, gọi là tà kiến.
- Lúc mê: có Phật, có pháp. Lúc ngộ: không Phật, không pháp. Vì chính ngộ là Phật là pháp vậy.

Phụ chú:

Tánh mình vốn thanh tịnh đầy đủ tất cả công đức ở phàm không khuyết giảm.

Kinh Kim Cang có câu Phàm phu ấy chẳng phải là phàm phu. Chỉ tại mê mà không tự nhận lấy tánh mình nên kinh nói tiếp: Đây gọi là phàm phu.

Ở Thánh tánh ấy cũng chẳng tăng thêm nên kinh Kim Cang dạy: Đệ nhứt Ba la mật chẳng phải đệ nhứt Ba la mật. Chỉ do ngộ mà nhận được tánh ấy, nên kinh nói tiếp: Đây gọi là đệ nhứt Ba la mật.

Đã thiêt ngộ thì tự tánh phô bày, nên chính ngộ là tự tánh, tự tánh là ngộ. Không kia đây đối lập nên không hay được, không bị được. Kinh Kim Cang dạy: Nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đức Phật không được chút pháp nào.

Tổ Sư bảo: Bảo Tăng nhà mình không đoái hoài lại đi cầu nơi ngoài làm chi. (Lời Mã Tổ bảo Huệ Hải).

XII. THÂN DIỆT ĐẠO THÀNH

- Luận về người hành đạo, thân diệt đạo thành, như mày hột giống nứt rã mầm cây mọc lên.

- Cái thân nghiệp báo này vô thường, nó biến đổi từng mỗi niệm, không có chút gì nhứt định.

- Người hành đạo chỉ cần theo từng niệm mà tu tập. Nhưng chẳng được nhảm sah tử hay thích sah tử. Cần nhứt trong mỗi niệm chẳng sah vọng tưởng. Tu tập như đây thì hiện đời chứng Hữu dư y Niết bàn, khi bỏ thân nhập Vô sah pháp nhẫn.

Phụ chú:

Kinh Kim Cang dạy: Không có pháp nhứt định. Nhơn vì không nhứt định nên có thể tà, có thể chánh, có thể ác, có thể thiện, có thể vọng, có thể chơn.

Tà, ác và vọng là phàm phu.

Chánh, thiện và chơn là Thánh đức.

Hành giả phải tự mình cảnh giác từng niệm để tu tập. Thế nào là tu tập?

Tránh tà ác vọng, gìn tánh thiện chơn. Cho đến mỗi niệm chẳng sah vọng tưởng phân biệt đây mới là chơn thiệt tu tập vậy.

XIII. THOÁT CĂN LY TRẦN

- Lúc mắt thấy sắc chẳng nhiễm nơi sắc, lúc tai nghe tiếng chẳng nhiễm nơi tiếng, đây đều gọi là giải thoát.

- Mắt chẳng đắm nơi sắc thì mắt là thiền môn.

- Tai chẳng đắm nơi tiếng thì tai là thiền môn.

- Tóm lại, người thấy sắc nếu thấy tánh của sắc thì chẳng nhiễm đắm, đây là thường giải thoát.

- Người thấy sắc nếu thấy tướng của sắc thì có nhiễm đắm, đây là thường hệ phược.

- Chẳng bị phiền não hệ phược gọi là giải thoát, chẳng có giải thoát nào khác.

- Người khéo quán sát nơi sắc thì sắc chẳng sah tâm, tâm chẳng sah sắc, tâm và sắc liền thanh tịnh.

Phụ chú:

Thoát căn ly trần vô y độc thoát chẳng rời tự tánh, nên thấy sắc mà không

chỗ thấy, nghe tiếng mà không chỗ nghe, sắc và thính còn chẳng có huống là có đắm nhiễm sắc thính ư!

Không đắm nhiễm thì phiền não không y cứ vào đâu để có được.

Không nhiễm không phiền não là không hệ phược, chính đây là giải thoát vây.

Điểm trọng yếu là lúc thấy nghe phải thấy tánh của sắc, nghe tánh của thính, đừng dùng nơi tưởng của sắc của thính.

Nếu dùng trụ nơi tưởng của sắc thính thì chính là đắm nhiễm, là phiền não, là hệ phược vây.

Kinh Kim Cang dạy: Phàm sở hữu tưởng đều là hư vọng.

XIV. KHÔNG TÂM TỨC THÁNH

- Lúc không vọng tưởng, một tâm niệm là một Phật quốc.
- Lúc có vọng tưởng, một tâm niệm là một địa ngục.
- Chúng sanh gây nên vọng tưởng, đem tâm sanh tâm nên thường ở địa ngục.
- Bồ tát quan sát vọng tưởng, chẳng đem tâm sanh tâm nên thường ở Phật quốc.
- Nếu chẳng đem tâm sanh tâm thì tâm tâm nhập không, niệm niệm quy tịch, từ một Phật quốc đến một Phật quốc.
- Nếu đem tâm sanh tâm thì tâm tâm chẳng tịch, niệm niệm về nơi động, từ một địa ngục đến một địa ngục.
- Nếu có một tâm niệm sanh khởi thì có nghiệp thiện nghiệp ác, có thiên đường có địa ngục.
- Nếu tâm niệm chẳng khởi thì không hai nghiệp thiện ác, cũng không thiên đường địa ngục.
- Thể tánh của tâm chẳng phải có chẳng phải không: phàm thì có, thánh thì không.
- Thánh nhơn không tâm nên trong lòng rỗng rang lượng đồng hư không.

Phụ chú:

Kinh Thủ Lăng Nghiêm: Tự tâm duyên lấy tự tâm, chẳng phải huyền mà thành pháp huyền.

Trong đây Tổ Sư nói: Đem tâm sanh tâm, thì thành vọng động mà đọa vào ác đạo.

Kẻ phàm từ muôn đời luôn đem tâm duyên lấy tâm nên mãi luân hồi sanh diệt.

Bực Thánh nhơn giải thoát thường trụ là do đâu?

Chỉ vì Thánh nhơn chẳng đem tâm duyên lấy tâm, chẳng sanh tâm khởi niệm nên nhập không mà thành tịnh.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy tiếp: Chẳng duyên lấy thì không phi huyền. Phi huyền còn chẳng sanh, huyền pháp đâu lập được. Đây gọi là Diệu Liên Hoa Kim Cang Vương Bửu Giác...

XV. PHÁP KHÔNG

- Từ đây nhẫn xuống đều là chô chứng đắc của Đại thừa, chẳng phải là cảnh giới của phàm phu và Nhị thừa vậy.
- Lúc tâm được Niết bàn thì chẳng thấy có Niết bàn. Vì chính tâm là Niết bàn.
- Nếu ngoài tâm còn thấy Niết bàn, đây gọi là tà kiến.

Phụ chú:

Thấy có pháp ngoài tâm, đây là mê vọng tà kiến, mặc dù pháp ấy gọi là Niết bàn.

Tại sao vậy?

Vì người này còn pháp chấp, chưa thấy tự tánh vậy.

XVI. TỨC TÂM TỨC PHẬT

- Tất cả phiền não là Như Lai chung, vì do phiền não mà được trí huệ.
- Chỉ nên gọi phiền não sanh Như Lai mà chẳng được nói phiền não là Như Lai.
- Thân và tâm chúng sanh dù như thửa ruộng, phiền não dù như hột giống, trí huệ dù như mầm mạ, Như Lai dù như thóc lúa.
- Phật ở trong tâm như hương trong lõi gỗ. Nếu sạch lớp dác mục thì hơi hương từ lõi gỗ thoát ra. Nếu phiền não hết thì Phật từ nội tâm xuất hiện.
- Do đây mà biết rằng ngoài tâm không có Phật, cũng như ngoài lõi gỗ không có hương. Nếu ngoài lõi gỗ có hương đó là tha hương, ngoài tâm có Phật đó là tha Phật vậy.

Phụ chú:

Tâm động là phiền não. Tâm chẳng động là Niết bàn. Niết bàn là Phật.

Khi động tâm là phiền não. Lúc chẳng động tâm là Niết bàn, là Phật.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Nếu người muốn biết rõ tam thế tất cả Phật, phải

quán pháp giới tánh, tất cả do tâm tạo.

Ngoài tâm không pháp, tất cả pháp đều do tâm hiện, đều là tâm, tâm là tất cả pháp, đây gọi là Phật vậy.

XVII. GIÁC TÂM THANH TỊNH

- Trong tâm có tam độc thì gọi là quốc độ uế ác.
- Trong tâm không tam độc thì gọi là quốc độ thanh tịnh.
- Kinh dạy rằng: Nếu như quốc độ bất tịnh đầy những uế ác, không bao giờ có vấn đề chư Phật Thế Tôn xuất hiện trong đó.
- Bất tịnh và uế ác là vô minh, tam độc. Chư Phật Thế Tôn là tâm thanh tịnh giác ngộ.

Phụ chú:

Tất cả pháp đều do tâm hiện. Phật là giác tâm thanh tịnh.

Tử giác tâm thanh tịnh hiển hiện ra quốc độ thanh tịnh vô lượng trân bảo và sắc thân thanh tịnh vi trần tưởng hảo vây.

XVIII. THUYẾT VÔ SỞ THUYẾT

- Tất cả ngôn ngữ không gì chẳng phải là Phật pháp.
- Nếu có thể không được chỗ nói kia thì dầu trọn ngày nói luôn mà vẫn là đạo.
- Nếu là có nơi chỗ nói kia thì dầu trọn ngày nín lặng mà vẫn là phi đạo.
- Thê nên Đức Như Lai nói năng chẳng nương nơi nín lặng. Đức Như Lai nín lặng chẳng nương nơi nói năng. Đức Như Lai nói năng chẳng rời lìa nín lặng.
- Người tò ngô được ý của sự nói nín này thì đều ở tại chánh định.

Phụ chú:

Kinh dạy rằng: Không có pháp nói được gọi là thuyết pháp.

Không ngã không pháp rời tú tưởng, nói mà không nói không dạy, nghe cũng không nghe không được, kinh Bát Nhã gọi đó là chơn Bát Nhã vậy.

Nói năng chẳng rời lìa nín lặng. Đó là nơi ở tại nín, là chiểu mà tịch.

Kinh Tịnh Danh có câu: Chẳng khởi diệt tận định mà hiện các oai nghi.

Phó Đại Sĩ lên pháp tọa im lặng võ thủ xích rồi bước xuống. Bửu Chí Công nói: Đại sĩ đã giảng xong kinh Kim Cang.

XIX. THỜI THUYẾT THỜI MẠC

- Nếu biết thời mà nói, dẫu nói cũng vẫn giải thoát.
- Nếu chẳng biết thời mà nín, dẫu nín cũng là hệ phược.
- Nói năng nếu rời tướng, dẫu nói cũng là giải thoát.
- Nín lặng mà trước tướng, dẫu nín cũng là hệ phược.

Phụ chú:

Trong khé kinh đức Như Lai thường tuyên bố: Ngã tự tri thời.

Phải thời đúng lúc thì mình và người đều được lợi ích. Phải thời mà nín, sự im lặng ấy là giải thoát.

Đúng lúc hiệp cơ mà nói, sự nói này mới lợi ích đôi bên.

Thế nào là phải thời?

Nơi tâm rời lìa tất cả tướng vậy.

XX. VĂN TỰ TỨC GIẢI THOÁT

- Xét về văn tự, bỗn tánh văn tự là giải thoát.
- Văn tự chẳng đến được hệ phược, mà hệ phược từ nào cũng chưa đến được văn tự.

Phụ chú:

Có câu: Văn tự tánh ly tức thị thiệt tánh.

Vì tính chấp trệ nơi văn tự nên tâm tự ràng buộc. Văn tự vốn vô tâm nào quan sanh tử.

Trong kinh Tịnh Danh, Thiên nữ bảo ngài Xá Lợi Phất: Chớ cho rằng hoa này là chẳng đúng pháp. Vì hoa này không phân biệt. Chính ngài tự sanh tướng niệm phân biệt. Thiên nữ lại nói: Ngôn thuyết văn tự đều là tướng giải thoát. Vì giải thoát không trong ngoài chặng giữa, văn tự cũng không trong không ngoài không chặng giữa.

XIX. THÙA PHI ĐỀ HIỂN THỊ

- Pháp không có cao hạ sai biệt.
- Nếu thấy cao hạ là phi pháp vậy. Phi pháp làm bè gõ. Người nương bè gõ này mà qua khỏi phi pháp thì là thị pháp vậy.

Phụ chú:

Kinh Kim Cang nói: Thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ.

Luận Khởi tín nói: Từ bồn giác mà có bất giác. Y cứ nơi bất giác mà có thi giác. Thi giác cứu cánh tức đồng bồn giác, không có thi giác riêng.

XXII. THIỆT TƯỚNG VÔ TƯỚNG

- Cứ nơi thế tục mà nói thì có nam, có nữ, có sang, có hèn.
- Cứ nơi đạo mà nói thì không nam nữ sang hèn.
- Vì thế nên Thiên nữ ngộ đạo không đổi thân nữ. Xa Nặc đắc đạo đâu dời tên hèn. Do vì nam nữ sang hèn đều là vô tướng.
- Trong mươi hai năm Thiên nữ tìm không được tướng nữ của mình. Cứ theo đây cũng biết rằng cầu tướng nam cũng không thể được.
- Mười hai năm tiêu biểu thập nhị nhập vậy.

Phụ chú:

Đạt Ma Sư Tổ nói: Nếu ngộ thiệt tướng thì thấy phi tướng.

Kinh Kim Cang dạy: Nếu thấy các tướng đều chẳng phải tướng là thấy Như Lai. Như Lai pháp thân là thiệt tướng vậy.

Tất cả pháp bồn lai đều chẳng phải tướng, đều không tướng, nào chỉ có thập nhị nhập là không tướng, nào chỉ có nam nữ sang hèn là không tướng!

XXIII. NHỨT THÊ BÌNH ĐẲNG

- Lia tâm không Phật, lia Phật không tâm. Cũng như rời băng không nước, rời nước không băng.
- Nói là lia tâm, chẳng phải bảo xa lia tâm, mà chính là bảo chẳng được nắm lấy tướng của tâm.
- Kinh dạy: Chẳng thấy tướng gọi là thấy Phật. Đây chính là lia tướng của tâm vậy.

Phụ chú:

Thấy có tướng là vọng chấp. Vì phàm có tướng đều là hư vọng cả.

Vọng chấp do khởi niệm. Luận Khởi Tín nói: Tất cả chúng sanh từ nǎo đến giờ niệm niệm nối nhau chưa từng rời niệm gọi là vô thi vô minh.

Vì thế nên vô niệm thi không thấy có tướng mà tất cả vọng chấp đều không, pháp thân Phật hiển hiện vậy.

XXIV. KIẾN TẤNH THÀNH PHẬT

- Nói rời tâm không có Phật, là nói Phật từ nơi tâm mà xuất sanh, tâm xuất sanh được Phật.

- Đầu Phật từ nơi tâm mà sanh nhưng tâm chưa bao giờ sanh Phật. Cũng như loài cá từ nơi nước sản sanh, nhưng nước chẳng sanh loài cá.
- Người muốn xem cá, lúc chưa thấy được cá đã thấy nước trước.
- Người muốn quán Phật, lúc chưa thấy được Phật đã thấy tâm trước.
- Lúc đã thấy cá tất quên nước.
- Khi đã thấy Phật tất quên tâm.
- Nếu còn chưa quên tâm thì còn bị tâm làm mê lầm.
- Nếu còn chưa quên nước thì còn bị nước làm mê lầm.

Phụ chú:

Tánh vốn vô tướng. Thấy vô tướng là thấy tánh.

Tâm vốn vô niệm. Được vô niệm là thấy tâm.

Hay quán vô niệm là hướng về Phật trí.

Hay đạt vô tướng là thấy Như Lai.

Không niệm ly và đắc, không tướng năng và sở, mới là viên mãn Phật trí, mới là thành tựu Như Lai vậy.

Kinh Kim Cang nói: Lìa tất cả tướng gọi là chư Phật.

XXV. NHỨT THẺ ĐỒNG QUAN

- Chúng sanh với Bồ đề như băng cùng với nước.
- Bị tam độc phiền nhiễu gọi là chúng sanh.
- Được ba môn giải thoát lỏng sạch gọi là Bồ đề.
- Cũng như bị mùa đông rét lạnh đông cứng lại gọi là băng. Được nắng hạ tan lỏng gọi là nước.
- Nếu bỏ băng tất không nước.
- Nếu bỏ chúng sanh tất không Bồ đề.
- Trên đây chứng rõ ràng tánh chất của băng là tánh chất của nước. Tánh thể của chúng sanh là tánh thể của Bồ đề.
- Chúng sanh cùng Bồ Đề đồng một thể tánh.
- Mê và ngộ khác cảnh nên có hai danh từ chúng sanh với Bồ Đề.
- Như vì thời tiết sai khác nên đồng một gốc mà có hai tên ô đầu cùng phụ

tử.

- Thế nên rắn hóa rồng chẳng đổi vảy. Phàm thành Thánh chẳng đổi mặt.

Phụ chú:

Thập pháp giới đồng một thể tánh!

Tánh thể bình đẳng nhứt vị vốn không tướng thánh phàm tịnh uế. Chỉ do mê với ngộ mà tự sai khác. Dầu sai khác nhưng vẫn là tánh thể nhứt vị bình đẳng.

Nên có câu: Sanh tử túc Niết bàn. Và câu: Phiền não túc Bồ đề. Cùng câu: Chúng sanh túc Phật.

Như chất ướt đồng nhứt theo duyên âm lạnh mà thành nước thành băng. Chất ướt của băng là chất ướt của nước. Băng cứng rắn, nước lỏng chảy khác nhau mà chất ướt vẫn một.

Gặp lạnh đông lại thành băng cứng, chất ướt vẫn không giảm, không nhơ, không mất.

Gặp ấm tan ra thành nước lỏng, chất ướt vẫn không tăng, không sạch, không sanh.

Cũng vậy, thập pháp giới đồng một thể chơn như.

Theo mê triền phược thành chúng sanh, chơn tánh vẫn bất giảm bất uế bất diệt.

Theo ngộ giải thoát thành Phật, chơn tánh vẫn bất tăng bất tịnh bất sanh.

Kinh Bát Nhã dạy: Sắc túc thị không, không túc thị sắc. Kinh lại nói: Thị chư pháp không tướng: bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

XXVI. ĐỘ VÔ SỞ ĐỘ

- Ở trong, trí biết tâm. Ở ngoài, giới soi thân.

- Thật là, chúng sanh độ Phật, Phật độ chúng sanh. Đây gọi là bình đẳng.

- Nói chúng sanh độ Phật là nói từ phiền não phát sanh trí tò ngộ.

- Nói Phật độ chúng sanh là nói trí tò ngộ diệt phiền não.

- Vì thế nên biết rằng chẳng phải không có phiền não, chẳng phải không có trí tò ngộ.

- Nếu chẳng phải phiền não thì không từ đâu để có trí tò ngộ, Nếu chẳng phải trí tò ngộ thì không do gì để dứt diệt phiền não.

- Khi mê Phật độ chúng sanh. Lúc ngộ chúng sanh độ Phật.

- Tại sao vậy?
- Vì Phật chẳng tự thành mà do chúng sanh độ vậy.
- Chư Phật lấy vô minh làm cha, tham ái làm mẹ.
- Vô minh và tham ái là biệt danh của chúng sanh vậy.

Phụ chú:

Kinh Kim Cang dạy: Bồ tát độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh nhập Vô dư Niết bàn mà không có một chúng sanh được diệt độ. Tại sao vậy?

Vì chúng sanh không tướng chúng sanh, Niết bàn không tướng Niết bàn.
Không tướng đây là pháp thân thiêt tướng.

Kinh Pháp Hoa nói: Chúng sanh vốn thành Phật đạo.

Kinh Lại dạy: Tất cả chúng sanh bỗn lai thường trụ vào nơi pháp Niết bàn Bồ đề.

Kinh Tịnh Danh cũng nói: Tất cả chúng sanh là tướng Niết bàn chẳng còn lại phải diệt độ nữa.

Chư Phật và chư Bồ tát luôn luôn độ chúng sanh mà vẫn không chúng sanh được độ. Lý này thâm diệu vậy!

XXVII. NHƯ LAI VÔ TRỤ

- Khi mê gọi là ở tại thủ ngạn.
- Lúc ngộ gọi là ở tại bỉ ngạn.
- Nếu biết tâm không, chẳng còn thấy tướng thì lìa rời cả mê và ngộ.
- Đã rời cả mê và ngộ nên cũng không bỉ ngạn. Đức Như Lai chẳng ở thủ ngạn bỉ ngạn cũng chẳng ở trung lưu.
- Trung lưu là nói Nhị thừa. Thủ ngạn là nói phàm phu. Bỉ ngạn là nói phàm phu. Bỉ ngạn là nói Bồ đề.

Phụ chú:

Thủ ngạn bỉ ngạn và trung lưu đều là tướng đối đai.

Vì có thủ ngạn phàm phu nên nói là Bồ đề bỉ ngạn.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: Nhơn vì vọng mà nói chơn. Cả vọng lẫn chơn đều là vọng cả hai.

Vì rời hẳn cả hai thủ vọng: Vọng và chơn, nên gọi là Phật, là Như Lai.

Do đây nên biết rằng: Chư Phật rốt ráo vô trụ, không trụ nơi vọng, thủ

ngạn và trung lưu, không trụ nơi chơn bỉ ngạn vây.

XXVIII. TÁNH CỤ TAM THÂN

- Phật có ba thân: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Hóa thân cũng gọi là Ứng thân.
- Nếu chúng sanh thường làm điều lành là Hóa thân.
- Đương tu trí huệ là Báo thân.
- Hiện giác ngộ vô vi là Pháp thân.

Phụ chú:

Chư Phật chứng tự tánh hiển hiện ba thân.

Chúng sanh dầu chưa hiển hiện nhưng tự tánh vẫn đủ ba thân nên gọi là tánh cụ. Biết tánh cụ ba thân, thuận theo tánh thì ba thân hiển hiện vậy.

XXIX. PHẬT THÂN LY TƯỚNG

- Thường hiện thân mười phương theo cơ nghi tế độ là Hóa thân Phật vậy.
- Nếu dứt sạch ngũ trụ hoặc ngồi đạo tràng thành Phật là Báo thân Phật vậy.
- Vô ngôn vô thuyết vô đắc lặng dừng thường trụ là Pháp thân Phật vậy.
- Nếu y cứ nơi chí lý để luận thì một thân còn không huống là có tới ba.
- Nói có ba thân, đó là y cứ nơi trí nhận hiểu của chín giới chúng sanh mà nói thôi.
- Người chia làm ba hạng: hạ, trung, thượng.
- Người hạ trí vọng làm lành tạo phước, do phước lực mà thấy Hóa thân Phật.
- Người trung trí vọng dứt phiền não thấy Báo thân Phật.
- Người thượng trí chiểu suốt vắng bặt hoàn toàn, rõ tâm là Phật, chẳng đem tâm để được Phật trí. Biết ba thân Phật cùng vạn pháp đều chẳng thể nắm lấy chẳng thể nói được. Đây là tâm giải thoát thành đại đạo. Nêu bày ý rõ ráo này, trong Khế Kinh có nói: Phật chẳng thuyết pháp, chẳng độ sanh, chẳng chứng Bồ đề.

Phụ chú:

Khởi Tín Luận Trực Giải nói: Chơn như pháp vốn không có sắc tướng thấy được. Sắc thân tướng hảo của Chư Phật mà cửu giới chúng sanh thấy được đó, chỉ là tùy theo tâm nhiễm huyền của chúng sanh mà biến hiện. Như sắc thân này cũng chẳng phải có trong tánh bất không của bốn giác. Tại sao vậy?

Vì bỗn giác trí chẳng phải là tướng có thể thấy được vậy. Phật thân bỗn lai còn không sắc tướng thấy được, huống là thiệt có chứng Bồ đề, có độ sanh, có thuyết pháp ư!

Kinh Duy Ma Cật nói: Không lời nói rời sự vấn đáp đó là nhập bất nhị pháp môn.

Luận Khởi Tín cũng nói: Rời tướng ngôn thuyết, rời tướng danh tự, rời tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không có biến đổi khác, chẳng thể phá hoại được, chỉ là nhứt tâm nên gọi là Chơn như. Chứng rốt ráo chơn như gọi là Phật. Bực thượng thương trí đến được đây vậy.

XXX. VÔ TÂM VÔ NGHIỆP

- Chúng sanh tạo nghiệp, nghiệp chẳng tạo chúng sanh.
- Đời này tạo nghiệp đời sau lanh báo không thời kỳ thoát khỏi.
- Chỉ có bực chí nhơn thân đời này chẳng tạo nghiệp nên không lanh báo đời sau.
- Kinh dạy: Chẳng tạo nghiệp tự nhiên đắc đạo. Người tạo được nghiệp, nghiệp không tạo được người. Nếu người tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng sanh. Nếu người không tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng diệt. Thê nên biết rằng: Nghiệp do người tạo, người do nghiệp sanh. Nếu người không tạo nghiệp thì nghiệp không từ đâu để sanh được người. Cũng như người hay hoằng đạo, mà đạo chẳng hoằng được người.
- Phàm phu luôn luôn tạo nghiệp lại vọng cho là không quả báo. Há lại tối thiểu chẳng bị khổ ư! Nếu nhận là tối thiểu khổ mà dùng tiền tâm tạo báo ở hậu tâm thì đâu có thời kỳ giải thoát. Nếu tiền tâm chẳng tạo thì không có báo ở hậu tâm, lại đâu còn vọng thấy có nghiệp báo.
- Kinh dạy: Dầu tin có Phật mà nói Phật có khổ hạnh, đây gọi là tà kiến.
- Dầu tin Phật mà nói Phật có báo kim thương, mā mạch, đây là hạng Nhứt xiễn đè.

Phụ chú:

Luận Khởi Tín nói: Tất cả pháp chỉ y cứ nơi vọng niệm mà hiển hiện sai biệt. Nếu rời vọng niệm thì không tất cả tướng cảnh giới.

Kinh Thủ Lăng Nghiêm bảo: Nếu người phát chơn quy nguyên, với người ấy, mười phương thế giới đều tiêu mất.

Rời vọng niệm là chi? Là vô niệm vậy.

Phát chơn quy nguyên là gì? Là chứng chơn tâm thường trụ, là chứng chơn như vậy.

Vô niệm thì chứng chơn như. Chứng chơn như thì vô niệm.

Luận Khởi Tín nói: Nếu được vô niệm thì gọi là nhập chơn như.

Vô niệm thì không tất cả tướng, không tất cả cảnh giới, tiêu mệt tất cả
mười phương không gian thế giới, huống còn là nghiệp với báo ư! Tại sao
vậy? Vì năng thủ đã không thì sở thủ tất chẳng có.

Người nói Phật còn có nghiệp thừa báo dư, là người chưa hiểu Phật, là
người hủy báng Phật.

Nói Phật có tu có chứng là người tà kiến.

Người học đạo đâu nên chẳng cẩn thận nhận định thay!

XXXI. DUY TÂM

- Thầy thánh pháp gọi là thánh nhơn.

- Thầy phàm pháp gọi là phàm phu.

- Nếu bỏ phàm pháp đến thánh pháp thì phàm phu liền thành thánh nhơn vậy.

- Kẻ ngu trong đời chỉ muốn cầu tìm bực thánh mà họ chẳng tin chính tâm
trí huệ là thánh nhơn.

- Kinh dạy: Với người vô trí chớ giảng nói kinh này.

- Kinh lại dạy: Tâm là pháp.

- Người vô trí không tin tâm mình thấy pháp liền thành thánh nhơn, họ chỉ
mong mỏi cầu tìm học thánh nơi ngoài. Người này sa vào tà kiến thất tâm
cuồng loạn.

- Kinh dạy: Nếu thấy các tướng là chẳng phải tướng, đó là thấy Như Lai
pháp thân.

- Tâm muôn bốn ngàn pháp môn đều phát khởi từ một tâm. Nếu trong tâm tất
cả tướng đều sạch dường như hư không thì rời khỏi tâm muôn bốn ngàn phiền
não. Trong thân tâm dứt hết gốc bình.

Phụ chú:

Tâm thánh là thánh nhơn. Tâm phàm là phàm phu.

Phàm thì thấy tất cả pháp đều là pháp phàm.

Thánh thì thấy tất cả pháp đều là pháp thánh.

Ngài Thường Bất Khinh bảo tất cả tú chúng đều sẽ thành Phật. Cũng như Đức
Như Lai lúc thành Chánh giác, Phật nhân thấy tất cả chúng sanh bỗn lai là
Phật.

Nhẫn đến loài Ngạ quỷ thấy lửa thây máu cam chịu đói khát. Loài người thấy
sóng thấy nước đành chịu trôi chịu chìm. Chư Thiên thấy lưu ly bảo
ngồi đứng tự tại.

Những sự việc trên đây đủ để xác minh rằng: Tất cả pháp duy tâm sở hiện vậy.

XXXII. ĐỊNH NINH KHAI THỊ

- Người phàm đương sống lo chết, đương no lo đói, đều gọi là rất mê lầm.

- Thế nên thánh nhơn chẳng tính trước, chẳng lo sau, chẳng luyến hiện tại, niêm niệm về nơi đạo.

- Nếu ai chưa ngộ được đại lý thâm diệu này phải sớm xây dựng quả lành nhơn thiêng, chớ để mất cả hai vậy.

Phụ chú:

Chẳng tính chẳng lo chẳng luyến là hiện tượng của sự Ly niêm vô tâm vậy.

Luận Khởi Tín nói: Ly niêm là cốt yếu của sự tu hành. Vô niêm là đạt đến mức chứng nhập chơn như.

Tổ dùng đây để kết dạy, lại thêm nhắc khuyễn người hạ căn gieo giống lành nhơn thiêng để làm viễn duyên phát khởi tín căn thương thừa, thiệt là lời cẩn kẽ mà cũng là lời chí thiết vậy.

Nhưng xét lại ở cõi người cõi trời, ngoài thi ngū dục trần cảnh quyến rũ gạt gẫm, trong thi dục vọng phiền não nhen nhúm phùng phật dẽ gây ác chướng đạo, một thuở lỡ lầm nhiều đời sa sọa thì thiêng căn khó phát. Đâu bằng hồi hướng cầu về Cực Lạc thế giới, hầu Phật A Di Đà, gần gũi Quan Thế Âm Bồ tát và Đại Thế Chí Bồ tát, cùng chư Thượng Thiện Nhân làm bạn, an trụ bậc Bất thối, chứng nhập Vô sanh nhẫn, một đời bỏ xứ làm Phật.

Luận Khởi Tín nói: Phải biết rằng đức Như Lai có phương tiện thù thắng để nghiệp hộ tín tâm. Đó là chuyên tâm niệm Phật phát nguyện vãng sanh Tịnh độ thường được thấy Phật xa hẵn ác đạo, như trong *Khế Kinh* có dạy: Nếu người chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, có bao nhiêu căn lành đều hồi hướng nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc ấy, thì được vãng sanh. Vì thường thấy Phật A Di Đà nên không còn thối chuyển Vô thượng Bồ đề. Lời chỉ dạy này rất đáng được chú ý ngâm kỹ vậy.

*

BAN ĐÊM NĂM CANH

KIẾT GIÀ PHU TỌA

Kệ rằng:

1. CANH MỘT

Canh một ngồi ngay xếp tréo chân

Thở thổi lặng soi bật rõng không

Nhiều kiếp đến nay chẳng sanh diệt

Nào chờ sanh diệt diệt mới không

Tất cả các pháp đều như huyễn

Bỗn tánh tự không đâu chờ trừ

Nếu rõ tâm tánh không hình tượng

Lặng yên bất động tự chơn như.

Phụ chú:

Nhẫn cư tịnh xử là duyên tốt. Già phu đoan tọa điều hòa khí túc là thân an.

Không tâm lóng thàn ngưng niệm là tâm chánh.

Chơn tâm lồ lộ như thật không cảnh vây.

2. CANH HAI

Canh hai ngưng thàn càng sáng sạch

Chẳng khởi tưởng nhớ đồng chơn tánh

Sum la vạn tượng đều về không

Nếu thấy có không thành bình thánh

Các pháp vốn tự phi hữu không

Người phàm mê vọng luận tà chánh

Nếu được trong lòng luôn bất nhị

Ai bảo phàm phu mà chẳng thánh.

Phụ chú:

Chẳng nhớ tất cả pháp đó là chơn thật thiền định.

Không nhớ không niệm thời tất cả pháp đều không: không ngã, không nhơ, không phàm, không thánh, không chúng sanh, không Phật, không cảnh cõng không tâm.

Đức Như Lai tuyên bố: Đêm rồi vì Văn Thù Sư Lợi quan niệm có Phật có chúng sanh nên bị ta đày vào núi Thiết Vi.

3. CANH BA

Canh ba lòng sạch đồng hư không

Cùng khắp mươi phương đâu chẳng thông

Núi sông đá vách không ngăn được

Hằng sa thế giới ở tại trong

Thế giới bốn tánh là chơn tánh

Cũng không vô tánh mà gồm trùm

Chẳng riêng chư Phật được dường ấy

Tất cả hữu tình cũng đều đồng.

Phụ chú:

Như thật bất không cảnh, tự tánh săn đủ hằng sa tánh đức, nơi thánh không tăng, ở phàm không giảm. Chúng sanh với Phật vẫn đồng.

4. CANH TƯ

Canh tư chẳng diệt cũng chẳng sanh

Lượng sánh không gian pháp giới bằng

Không khứ không lai không sanh diệt

Chẳng có chẳng không chẳng ám minh

Chẳng khởi kiến chấp là Phật trí

Vô danh khả danh thiêt Phật danh

Chỉ có người ngộ đây biết được

Chúng sanh chưa tò đâu thế rành.

Phụ chú:

Cảnh trí tương ứng không trí cảnh

Không năng không sở tuyệt tướng danh

Đạt giả tự rành như uống nước

Tâm pháp song vong viễn cảnh thành.

*TỪ KHÓA: CHÙA VẠN ĐỨC, NGỘ TÁNH LUẬN, THÍCH TRÍ TỊNH, TRÍ TỊNH TOÀN TẬP

ĐIỀU HƯỚNG BÀI VIẾT

TRÍ TỊNH TOÀN TẬP QUYỀN 20 - TỔNG HỢP CÁC BÀI KINH NGẮN, GIẢNG LƯỢC

TAM VÔ LẬU HỌC – GIỚI – ĐỊNH HUỆ

► **Mười pháp giới không lìa một tâm niệm**

► **TỨ CHỨNG THANH TỊNH MINH HỐI**

► **50 HIỆN TƯỢNG ÂM MA**

⇒ **Kinh Vô Lượng Thọ Giảng Ký**

► **KINH TỨ NIỆM XỨ**

⇒ **THỌ KHANG BẢO GIÁM**

ÂM LUẬT VÔ TÌNH



► **Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh**

► **Vạn Đức Pháp Ngữ – Hoà Thượng Thích Trí Tịnh**

⇒ KINH VÔ LƯỢNG THỌ TÌNH HOA

► **BÁT CHÁNH ĐẠO – TỨ DIỆU ĐÊ**

<https://hoasenvanno.wordpress.com>

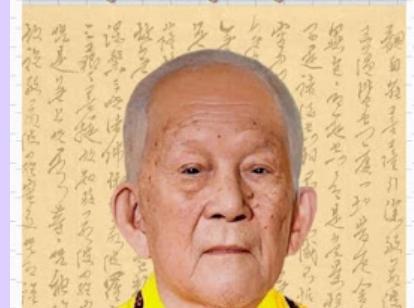
⇒ PHÁP SƯ ĐỊNH HOÀNG

HT Tịnh Không Pháp Ngũ MP3



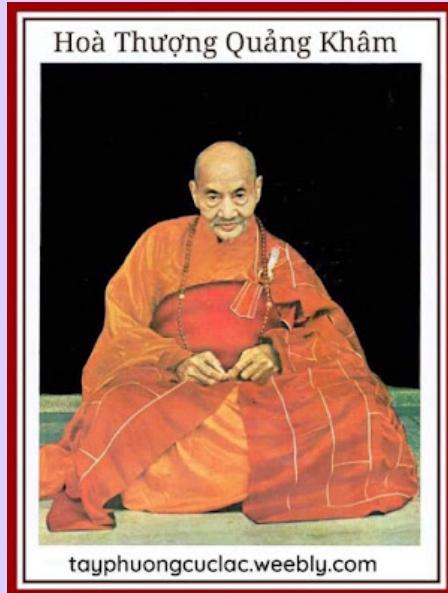
Ấn Quang Đại Sư

TỔ TỊNH ĐỘ VIỆT NAM





Cố Lão Hòa Thượng Thích Trí Tịnh



Hòa Thượng Quảng Khâm

tayphuongcuclac.weebly.com

ẤN QUANG ĐẠI SƯ KHAI THI

ph.tinhthong.vn

tuvienquangduc.com.au

► KINH ĐỊA TẶNG BỒ TÁT BỐN NGUYỆN GIẢNG KÝ

thienphatgiao.org

► GIẢNG KINH ĐỊA TẶNG HT. TỊNH KHÔNG

TỨ HOẰNG THỆ NGUYỆN

HƯƠNG VỊ GIẢI THOÁT

⇒ THỌ KHANG BẢO GIÁM

vanphatthanh.org

daitangkinh.net

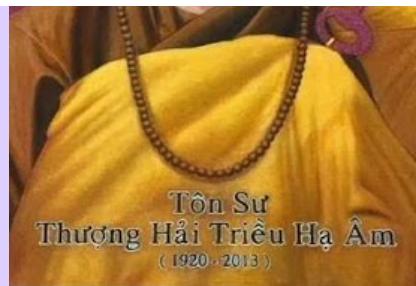
HÒA THƯỢNG THÍCH THIỀN TÂM



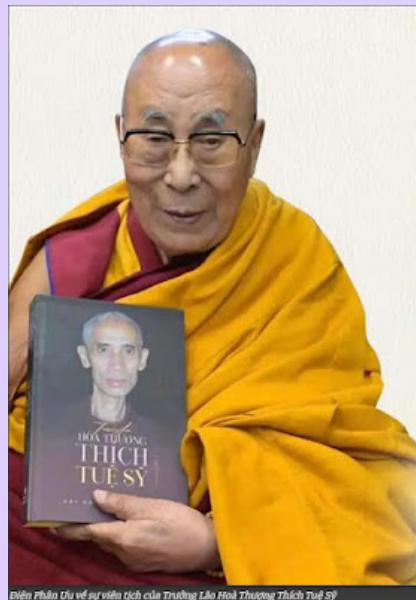
Hòa thượng THÍCH THIỀN TÂM
1925 - 1992

NI TRƯỞNG SƯ BÀ HÀI TRIỀU ÂM



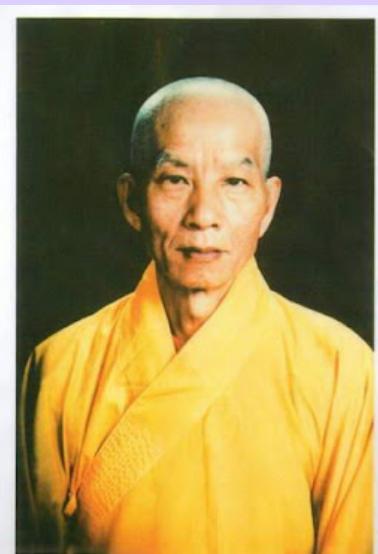


ĐẠI CƯƠNG KINH LĂNG NGHIÊM - HT.THÍCH THIỆN HOA



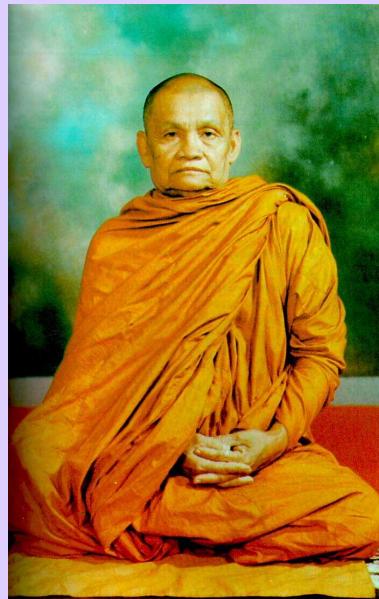
Lộ diện phần trích về sự viên tịch của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ

KINH TRUNG A HÀM .PDF



Chân dung
Hòa Thượng Thích Duy Lực

THIỀN SƯ DUY LỰC PHÁP NGỮ .MP3



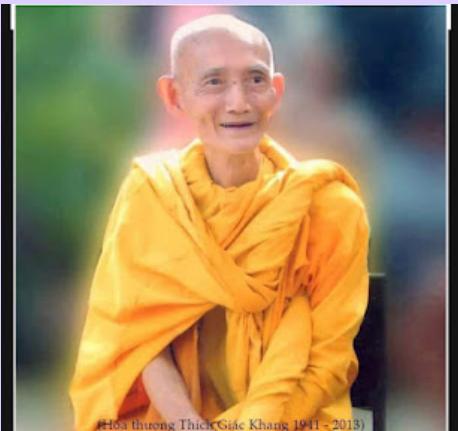
PHÁP NGỮ THIỀN SƯ Ajahn Chah MP3



HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA PHÁP NGỮ MP3



Đức HUỲNH GIÁO CHỦ (1919-1947)
PHẬT GIÁO HÒA HẢO
www.vietnamvanhien.net



(Hòa thượng Thích Giác Khang 1941 - 2013)

Trên đời này chỉ có mình cứu mình thôi, tôi nói sai là tôi chịu tội hết. Mà mình cứu mình, cứu bằng cái gì? Cứu bằng 5 giới, 8 giới, 10 giới.

Sư Thích Giác Khang

A promotional image featuring a portrait of a monk with a shaved head, wearing light-colored robes, holding a book. The background is a natural, outdoor setting with greenery. The text is prominently displayed in the upper half of the image.

KINH ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỐN NGUYỆN GIẢNG KÝ

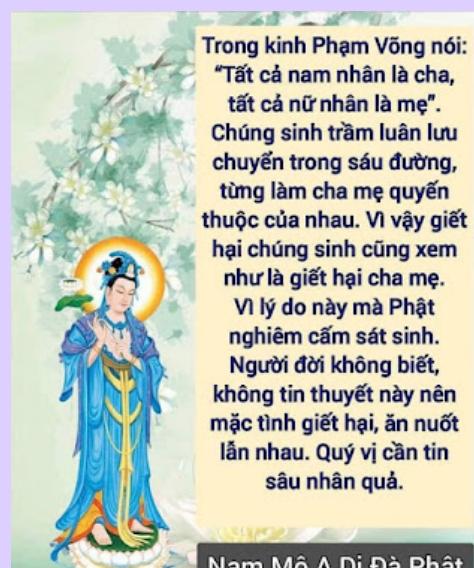
Trọn bộ 1.5 GB

[Download Google Drive](#)



CHIA SẺ PHẬT PHÁP





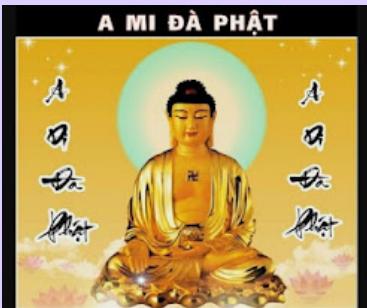
Vô Thường

Ngày đêm như tên bắn, năm tháng
như thoi đưa, cảnh đẹp mau tàn.

Đời người tuổi trẻ qua nhanh,
chẳng mấy chốc sẽ già CHẾT hủ DIỆT,
không lưu lại dấu vết,
dù thấy mọi thứ thật VÔ THƯỜNG.

Việc SANH TỬ ĐẠI SỨ
chưa giải quyết xong thì cũng bi ai
dau khổ hết như người con
khóc cha mẹ mới chết.

Muốn dứt SANH TỬ thì phải đem hai chữ
sanh tử treo nơi giữa chân mày.
Mở mắt nhìn thì thấy vẫn đề SANH TỬ,
mà nhắm mắt cũng nhìn thấy vấn đề SANH TỬ.
Lúc nào, nơi nào cũng dụng công tu hành
thì mới cắt đứt được SANH TỬ.



Thường ngày niệm
" A Di Đà Phật "
là chuẩn bị cho lúc lâm
chung không bị quên mất.
Nếu ngày ngày đều niệm Phật,
thì đến lúc sắp mạng chung
chúng ta sẽ không thể nào
quên câu niệm Phật được.

BoThiPhap.Blogspot.Com

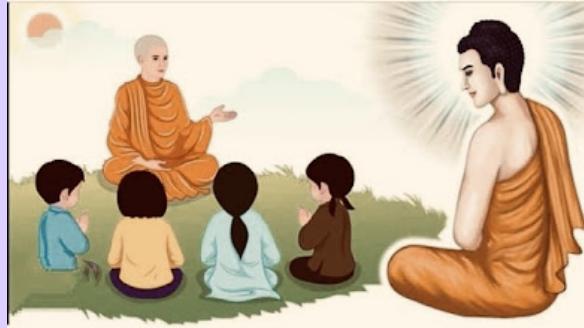
ĐỐI VỚI TẤT CẢ CHÚNG SANH

Khó dứt trừ
nhất chính là
Dâm Dục,
Mà dễ phàm
vào nhất chính
là Giết Hại

Trong tất cả ác
nghiệp hai
nghiệp Giết Hại
và Dâm Dục là
nặng nhất



(AN SĨ TOÀN THƯ)



một tất thời gian là một tất vàng
nhưng tất vàng không
đổi được tất thời gian.

Hãy tinh tấn
tu hành ngay từ hôm nay
chớ hẹn ngày mai lại không kịp
cái chết đến bất ngờ
không thể nào cưỡng nổi,
Con Quỷ vô thường chẳng nể nan
người già hay trẻ nhỏ
hễ tới giờ đi nó sẽ bắt mình đi.



Nam Mô A Di Đà Phật



Quý vị phải nhớ năm tháng qua mau
vô thường không hẹn, thân người
dễ mất, pháp khó nghe.
Một khi đã mất thân người rồi thì
không biết đến bao giờ mới có lại

Đây là những điều xác thật
cho nên muốn ngừa cơn vô
thường chớp đến mỗi thời khắc
chúng ta phải gắng niệm Phật.
Như thế, gấp giây phút cuối cùng
mới không bị bối rối tay chân

Hoà Thượng Thích Thiền Tâm

Nam Mô A Di Đà Phật



"Nhất định phải tìm ra lỗi
lầm của chính mình.
Biết được lỗi lầm của mình,
xin tha với quý vị,
đây gọi là khai ngộ.
Sau đó cải sửa lỗi lầm của mình,
đó gọi là tu hành"

(Pháp Sư Tịnh Không)

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT



Vì sao mình cứ mê muội
mà chẳng được giác ngộ ?
Vì mình trúng phải
3 thứ độc cực độc
Là THAM
Là SÂN
Là SI.

Hòa Thượng Tuyên Hóa

bothiphap.blogspot.com

► **KINH LUÂN CHUYỂN NGỦ ĐẠO TỘI PHƯỚC BÁO ỨNG**

Hòa Thượng Tuyên Hóa

Bothiphap.blogspot.com

Chúng ta học Phật Pháp tức
là học không nãy hại kẻ khác.
Là Phật tử, phải nên ăn chay;
vì nếu ăn thịt tức là làm tổn
hại sinh mạng của những
chúng sanh khác

Chương Sáu: Khoa.

A DI ĐÀ PHẬT

A MI ĐÀ PHẬT



**Muốn Cho thiên hạ
thái bình, phải ngưng ăn
thịt chúng sinh các loài.**

**Muốn cho yên ổn nước nhà,
trừ phi nhân loại
đồng tình ăn chay.**

BoThiPhap.Blogspot.Com

HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ



Lúc bình thường thì mình phải
biết niệm Phật, tu pháp
môn tịnh độ. Tới khi lâm chung
thì mình mới không sinh
hoảng hốt, luống cuống, mà sẽ
an lạc vãng sanh
về cõi Cực Lạc.



Vì sao mình không
tương ứng với đạo ?
Vì tâm cuồng mình
chưa ngừng,
Tâm cuồng là tâm
đầy vọng tưởng.

A white statue of a standing Buddha, shown from the waist up, holding a small object in his right hand. He has a simple halo above his head and is standing on a lotus base.

Nếu tâm bạn còn ham
muốn, ham thích vấn
vương chuyện gì, thì
khi lúc lâm chung, việc
đó sẽ hiện ra. Bấy giờ
nếu bạn thấy cảnh đó
rồi nảy lòng yêu thích,
sinh tâm truy đuổi nó,
thì kết quả là bạn sẽ
lọt thẳng vào vòng
luân hồi sinh tử.

Hòa thượng Quảng Khâm

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT





**Tây Phương ở Đâu ?
ở trong tâm mình
Khi tâm vô sự,
Không phiền não
Thì đó tức là Tây Phương**

Hoà Thượng Quảng Khâm



Nếu bình thường siêng năng
tu Niệm Phật, tức là gieo
chủng tử Phật vào trong tâm.
Chủng tử Phật ngày càng phát
triển mạnh, khi lâm chung
chủng tử Phật xuất hiện trước,
lúc ấy mới cảm ứng đạo giao
với Phật và được Phật tiếp
dẫn về Tây Phương Cực Lạc.

Ấn Quang Đại Sư

bothiphap.blogspot.com



Có người nghĩ rằng :
"Hôm nay mình khoan tu đã
để mai hằng tu" ngày mai đến
lại hẹn ngày mốt
cứ thế hẹn mãi hẹn cho đến
đâu bắc răng long, mắt mờ,
tứ chi của mình
đâu còn linh hoạt nữa
nó đâu chịu nghe lời mình,
đủ thứ bệnh tật trong người,
lúc đó có muốn tu e rằng
không được nữa rồi,
thật là khổ sở vô cùng vậy.



Nguyện đem công đức này trang nghiêm Phật Tịnh Độ
trên đền bốn ân năng dưới cứu khổ ba đường
nếu có ai thính nghe đều phát tâm Bồ Đề
hết một báo thân này đồng sanh về Cực Lạc.

GMAIL : dangvanquy.vn@gmail.com or dangvanquy.com@gmail.com

Người Sáng Lập : Đặng Văn Quý 17/03/1991 : Pháp Danh : Thiện Đức